



**BÁO CÁO TIẾP THU, GIẢI TRÌNH**

Ý KIẾN GÓP Ý CỦA CÁC BỘ, NGÀNH VÀ ĐỊA PHƯƠNG

**QUY HOẠCH THỦY LỢI LƯU VỰC SÔNG CỬU LONG**

**THỜI KỲ 2022-2030, TẦM NHÌN ĐẾN 2050**

**TP. HỒ CHÍ MINH – 03/2025**

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG



**BÁO CÁO TIẾP THU, GIẢI TRÌNH**

Ý KIẾN GÓP Ý CỦA CÁC BỘ, NGÀNH VÀ ĐỊA PHƯƠNG

**QUY HOẠCH THỦY LỢI LƯU VỰC SÔNG CỬU LONG**

THỜI KỲ 2022-2030, TẦM NHÌN ĐẾN 2050

|  |  |
| --- | --- |
|  | Đơn vị thực hiện  VIỆN QUY HOẠCH THỦY LỢI MIỀN NAM |
|  |  |

**BÁO CÁO TIẾP THU, GIẢI TRÌNH**

**Ý KIẾN GÓP Ý CỦA CÁC BỘ, NGÀNH VÀ ĐỊA PHƯƠNG**

**Quy hoạch thủy lợi lưu vực sông Cửu Long thời kỳ 2022-2030, tầm nhìn đến năm 2050**

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã có công văn số 6197/BNN-TL ngày 21/8/2024 gửi lấy ý kiến góp ý cho Hồ sơ Quy hoạch thủy lợi lưu vực sông Cửu Long thời kỳ 2022-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Đăng tải trên trang Thông tin điện tử của Cục Thủy lợi để lấy ý kiến của tổ chức, cá nhân. Đến nay, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã nhận được 28 văn bản đóng góp ý kiến của cơ quan, tổ chức, cụ thể:

- 9 văn bản của các Bộ gồm: Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Xây dựng, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài chính, Bộ Công Thương, Bộ Ngoại giao.

- 13 văn bản của các tỉnh, thành phố trong lưu vực sông Cửu Long: An Giang, Đồng Tháp, Tiền Giang, Vĩnh Long, Bến Tre, Kiên Giang, Cần Thơ, Hậu Giang, Trà Vinh, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau, Long An.

- 02 văn bản của các đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn: Cục Quản lý đê điều và Phòng chống thiên tai, Cục Lâm nghiệp.

- 04 văn bản của các Hội nghề nghiệp: Hội Thủy lợi Việt Nam, Hội Đập lớn Việt Nam, Hội Tưới tiêu, Hội Khoa học và kỹ thuật Thủy lợi (thuộc Liên hiệp hội Khoa học kỹ thuật Tp Hồ Chí Minh).

Cục Thủy lợi - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn không nhận được ý kiến góp ý trên Trang thông tin điện tử.

| **TT** | **Ý kiến góp ý** | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu/Giải trình** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- |
| **A** | **CÁC BỘ** |  |  |
| **I** | **Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Công văn số 8414/BKHĐT-KTNN ngày 14/10/2024)** |  |  |
| **1** | **Về góp ý chung** |  |  |
| 1.1 | Về tên và phạm vi, nội hàm của Quy hoạch: Quy hoạch Thủy lợi theo quy định tại Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 thuộc danh mục các Quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành tại Phụ lục II Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24/11/2017.  *Khoản 2 Điều 11 Luật Thủy lợi quy định: “Quy hoạch thủy lợi bao gồm: (1) Quy hoạch thủy lợi tổng hợp được lập trên phạm vi toàn quốc, vùng, lưu vực sông, hệ thống công trình thủy lợi, đơn vị hành chính để giải quyết tổng hợp các vấn đề cấp, tưới, tiêu, thoát nước; phòng, chống thiên tai liên quan đến nước; (2) Quy hoạch thủy lợi chuyên đề được lập trên phạm vi vùng, lưu vực sông, hệ thống công trình thủy lợi, đơn vị hành chính để giải quyết một trong các vấn đề cấp, tưới, tiêu, thoát nước; phòng, chống thiên tai liên quan đến nước”.*  Căn cứ nội dung nêu trên, đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xác định, làm rõ phạm vi, nội hàm của “*Quy hoạch thủy lợi lưu vực sông Cửu Long thời kỳ 2022-2030, tầm nhìn đến năm 2050”* thuộc loại *“Quy hoạch thủy lợi tổng hợp”* hay “*Quy hoạch thủy lợi chuyên đề”* theo quy định của Luật Thủy lợi, Luật Quy hoạch như đã nêu trên. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình như sau:**  Quy hoạch lợi thủy quy định tại Luật Thủy lợi được điều chỉnh bởi Luật số 35/2018/QH14 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch. Như vậy, các nội dung liên quan đến quy hoạch thủy lợi được thực hiện theo Luật số 35/2018/QH14. Theo đó về tên gọi không còn loại quy hoạch thủy lợi tổng hợp, quy hoạch thủy lợi chuyên đề.  Theo quy định tại Luật số 35/2018/QH14 quy hoạch thủy lợi lưu vực sông Cửu Long là quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành nhằm cụ thể hóa các quy hoạch cấp trên: Quy hoạch cấp quốc gia, Quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh. |  |
| 1.2 | Về thời kỳ Quy hoạch: Theo quy định tại khoản 4 Điều 11 Luật Thủy lợi, Quy hoạch thủy lợi được lập cho giai đoạn 10 năm, tầm nhìn 20 năm hoặc dài hơn và được rà soát theo định kỳ 05 năm. Vì vậy, đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giải trình, làm rõ và cân nhắc việc lựa chọn thời kỳ Quy hoạch “thời kỳ 2022-2030, tầm nhìn đến năm 2050” mà không lựa chọn “thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050” để đảm bảo sự đồng bộ với hệ thống quy hoạch hiện nay hoặc “thời kỳ 2025-2030, tầm nhìn đến năm 2050” nhằm phản ánh thực tế thời gian đang triển khai lập Quy hoạch là năm 2024, đồng thời đảm bảo cập nhật thông tin, số liệu mới nhất. | **Cơ quan lập quy hoạch giải trình như sau:**  Theo quy định tại Luật số 35/2018/QH14 quy hoạch thủy lợi được lập cho giai đoạn 10 năm, tầm nhìn là từ 30 năm đến 50 năm. Thời kỳ quy hoạch là khoảng thời gian được xác định để làm cơ sở dự báo, tính toán các chỉ tiêu kinh tế - xã hội cho việc lập quy hoạch. Quy hoạch sử dụng mốc thời gian hiện tại và dự báo tính toán đến năm 20230, và định hướng đến năm 2050. Do vậy, việc quy định thời kỳ quy hoạch theo giai đoạn 2021-2030 hay 2022-2030 không ảnh hưởng đến nội dung của quy hoạch. Cơ quan lập quy hoạch chọn kỳ quy hoạch 2022-2030.  Thông tin, số liệu được cập nhật đến thời điểm lập quy hoạch. |  |
| 2 | Về cơ sở, căn cứ lập Quy hoạch: Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn bổ sung một số văn bản làm căn cứ lập quy hoạch, đồng thời rà soát các nội dung của dự thảo Quy hoạch theo quy định của các văn bản này, cụ thể:  - Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 7/5/2019 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật quy hoạch.  - Nghị quyết số 78/NQ-CP ngày 18/6/2022 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 2/4/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.  - Quyết định số 816/QĐ-TTg ngày 7/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ ban hành kế hoạch thực hiện quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.  Đặc biệt là Quyết định phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch của cấp có thẩm quyền theo quy định, làm cơ sở tiến hành triển khai lập Quy hoạch. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, bổ sung** vào phần Cơ sở pháp lý các văn bản:  Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 7/5/2019 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật quy hoạch.  Nghị quyết số 78/NQ-CP ngày 18/6/2022 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 2/4/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.  Quyết định số 816/QĐ-TTg ngày 7/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ ban hành kế hoạch thực hiện quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.  Quyết định số 2667/QĐ-BNN-TCTL ngày 12/7/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT phê duyệt Đề cương nhiệm vụ và dự toán “Lập quy hoạch thủy lợi lưu vực sông Cửu Long thời kỳ 2022-2030, tầm nhìn đến năm 2050” |  |
| 3 | **Về bố cục Quy hoạch:** Theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Luật Thủy lợi, quy hoạch thủy lợi bao gồm các nội dung chính sau đây: (1) Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, nguồn nước; điều kiện kinh tế - xã hội; nguồn lực; đánh giá hiện trạng thủy lợi, kết quả thực hiện quy hoạch thủy lợi kỳ trước; (2) Dự báo xu thế phát triển và các kịch bản phát triển, nguồn nước trong bối cảnh chịu tác động của biến đổi khí hậu, thiên tai, phát triển các lưu vực sông; dự báo tiến bộ khoa học và công nghệ, nguồn lực ảnh hưởng trực tiếp đến thủy lợi; (3) Đánh giá về liên kết ngành, liên kết vùng; xác định yêu cầu của phát triển kinh tế - xã hội đối với thủy lợi; cơ hội và thách thức đối với phát triển thủy lợi; (4) Xác định quan điểm, mục tiêu phát triển thủy lợi; (5) Phân tích, tính toán và xây dựng phương án thủy lợi theo các kịch bản phát triển trên phạm vi toàn quốc, vùng, lưu vực sông, hệ thống công trình thủy lợi, đơn vị hành chính. Bảo đảm tạo nguồn, tích trữ, cân đối, điều hòa, phân phối nguồn nước, giảm thiểu rủi ro hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, sa mạc hóa, lũ, ngập lụt, úng, ô nhiễm, suy thoái nguồn nước và các thiên tai khác liên quan đến nước; (6) Đề xuất giải pháp, danh mục công trình, dự án, thứ tự ưu tiên; đề xuất, kiến nghị rà soát để phục vụ điều chỉnh các quy hoạch có liên quan đến thủy lợi bảo đảm đồng bộ, thống nhất; (7) Định hướng nhu cầu sử dụng đất phục vụ xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp công trình thủy lợi; nhu cầu sử dụng đất để chứa vật liệu nạo vét, mở rộng kênh, mương; (8) Giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch; (9) Hệ thống sơ đồ, bản đồ quy hoạch.  Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì xây dựng Quy hoạch rà soát đảm bảo tuân thủ quy định tại khoản 2 Điều 13 Luật Thủy lợi, đồng thời để Dự thảo có tính khả thi hơn đề nghị xem xét, bổ sung một số nội dung như sau:  - Đối với nội dung Chương 1: Nghiên cứu bổ sung đánh giá về nguồn lực kết cấu hạ tầng thủy lợi; đánh giá thực trạng phân bổ sử dụng không gian của hệ thống kết cấu hạ tầng thủy lợi; đánh giá thực trạng kết cấu hạ tầng thủy lợi theo phân vùng thủy lợi, đảm bảo theo đúng nội dung tiêu đề Chương 1 đã nêu.  - Nội dung Chương 3: Bổ sung đánh giá rõ hơn về thực trạng liên kết ngành, liên kết vùng, sự đồng bộ trong phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng thủy lợi lưu vực sông Cửu Long với các vùng lân cận và cả nước; đánh giá sự liên kết đồng bộ, mức độ khép kín của hệ thống kết cấu hạ tầng thủy lợi trong lưu vực sông Cửu Long.  - Nội dung Chương 4: Đề nghị chỉnh sửa tiêu đề đảm bảo đúng theo nội dung quy hoạch là Quy hoạch thủy lợi lưu vực sông Cửu Long; bổ sung quan điểm phát triển hạ tầng thủy lợi lưu vực sông Cửu Long phù hợp với Quy hoạch tổng thể quốc gia, Quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long, Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Cửu Long; các quy hoạch ngành quốc gia có liên quan.... | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình như sau:**  Như đã giải trình ở phần trên nội dung quy hoạch thủy lợi được thực hiện theo quy định tại Luật số 35/2018/QH14. Do đó, các nội dung thực hiện của quy hoạch được thực hiện theo Luật số 35/2018/QH14, Thông tư số 11/2020/TT-BNNPTNT ngày 27/10/2020 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định kỹ thuật và Định mức kinh tế - kỹ thuật cho hoạt động quy hoạch thủy lợi và điều tra cơ bản thủy lợi. Đồng thời thực hiện theo Đề cương nhiệm vụ lập quy hoạch được phê duyệt (Quyết định số 2667/QĐ-BNN-TCTL ngày 12/7/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT)  Về các nội dung đề nghị bổ sung:  Kết cấu hạ tầng thủy lợi: Quy hoạch đã đánh giá về hiện trạng hạ tầng thủy lợi, bao gồm các loại hình công trình: công trình cấp và tiêu, thoát nước, công trình phòng chống lũ, hệ thống đê biển, hệ thống hồ trữ nước ngọt. Trong đó đã có thống kê, phân chia các công trình thủy lợi theo các tiểu vùng sinh thái: vùng ngọt, vùng ngọt - lợ, vùng mặn.  Nội dung liên kết ngành, liên kết vùng: Quy hoạch đã đánh giá sự liên kết, đồng bộ của hệ thống kết cấu hạ tầng thủy lợi và sự liên kết giữa hệ thống kết cấu hạ tầng thủy lợi với hệ thống kết cấu hạ tầng của các ngành, lĩnh vực khác, trong đó liên quan rõ nhất là hạ tầng giao thông, xây dựng, giao thông liên lạc.  Nội dung Chương 4: Tiếp thu, chỉnh sửa thành “Quan điểm và mục tiêu phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng thủy lợi”. Do phạm vi lập quy hoạch là toàn vùng Đồng bằng sông Cửu Long (bao gồm lưu vực sông Cửu Long và vùng phụ cận).  Về quan điểm phát triển hạ tầng thủy lợi lưu vực sông Cửu Long đã phù hợp với các quy hoạch cấp trên: Đây là yêu cầu bắt buộc cần phải thực hiện của quy hoạch, và trong quá trình thực hiện, đề xuất các giải pháp phải tuân thủ theo, do vậy đề nghị không bổ sung nội dung này vào phần quan điểm. |  |
| **4** | **Về nội dung quy hoạch** |  |  |
| 4.1 | ***Đánh giá sự phù hợp của quy hoạch:*** Đề nghị nghiên cứu bổ sung nội dung đánh giá sự phù hợp của quy hoạch với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh; chiến lược thủy lợi; quy hoạch tài nguyên nước theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Luật Thủy lợi; đồng thời đánh giá sự phù hợp với quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long, quy hoạch tỉnh, thành phố vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình như sau:**  Quy hoạch thủy lợi lưu vực sông Cửu Long là quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành, nội dung quy hoạch đã tuân thủ các định hướng, giải pháp trong các quy hoạch cấp trên: quy hoạch quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, đồng thời làm rõ, cụ thể hóa các giải pháp đã được đề xuất.  Trong phần căn cứ lập quy hoạch cũng đã nêu rõ các Luật, chiến lược, nghị quyết, quy hoạch… mà quy hoạch thủy lợi lưu vực sông Cửu Long cần tuân thủ. |  |
| 4.2 | ***Đánh giá sự phù hợp của quy hoạch:*** Đề nghị nghiên cứu bổ sung đánh giá sự phù hợp với quan điểm, mục tiêu và nội dung quy hoạch đã được xác định tại Quyết định phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch (hiện hồ sơ gửi xin ý kiến không có Quyết định phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch kèm theo). | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình như sau:**  Quy hoạch đã xây dựng quan điểm, mục tiêu và nội dung theo yêu cầu tại Đề cương nhiệm vụ và dự toán “Lập quy hoạch thủy lợi lưu vực sông Cửu Long thời kỳ 2022-2030, tầm nhìn đến năm 2050” được Bộ Nông nghiệp và PTNT phê duyệt tại Quyết định số 2667/QĐ-BNN-TCTL ngày 12/7/2022. Đề cương nhiệm vụ được lập theo quy định tại Luật số 35/2018/QH14, Thông tư số 11/2020/TT-BNNPTNT. |  |
| 4.3 | ***Điều kiện tự nhiên, nguồn lực, thực trạng phân bổ và sử dụng không gian của hệ thống kết cấu hạ tầng thủy lợi:*** Về vị trí địa lý,phạm vi vùng nghiên cứu, đề nghị bổ sung làm rõ phạm vi lập quy hoạch làm cơ sở tính toán các chỉ tiêu quy hoạch và đề xuất các giải pháp đầu tư công trình, dự án; đồng thời, đề nghị nghiên cứu cập nhật ranh giới quy hoạch đảm bảo phù hợp, thống nhất với Quy hoạch tổng hợp lưu vục sông Cửu Long thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tuớng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 174/QĐ-TTg ngày 06/3/2023. | **Cơ quan lập quy hoạch giải trình như sau:**  Về vị trí địa lý,phạm vi vùng nghiên cứu đã được xác định rõ trong Đề cương nhiệm vụ được phê duyệt. Ranh giới quy hoạch cũng hoàn toàn phù hợp, thống nhất với Quy hoạch tổng hợp lưu vục sông Cửu Long thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tuớng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 174/QĐ-TTg ngày 06/3/2023. |  |
| 4.4 | ***Điều kiện tự nhiên, nguồn lực, thực trạng phân bổ và sử dụng không gian của hệ thống kết cấu hạ tầng thủy lợi:*** Đề nghị nghiên cứu bổ sung phân tích làm rõ “Thực trạng phân bổ và sử dụng không gian của hệ thống kết cấu hạ tầng thủy lợi” làm cơ sở định huớng quy hoạch và đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng thủy lợi thời kỳ 2022-2030 cho phù họp | **Cơ quan lập quy hoạch giải trình như sau:**  Quy hoạch đã đánh giá về hiện trạng hạ tầng thủy lợi, bao gồm các loại hình công trình: công trình cấp và tiêu, thoát nước, công trình phòng chống lũ, hệ thống đê biển, hệ thống hồ trữ nước ngọt. Trong đó đã có thống kê, phân chia các công trình thủy lợi theo các tiểu vùng sinh thái: vùng ngọt, vùng ngọt - lợ, vùng mặn. |  |
| 4.5 | ***Điều kiện tự nhiên, nguồn lực, thực trạng phân bổ và sử dụng không gian của hệ thống kết cấu hạ tầng thủy lợi:*** Vềnội dung đánh giá thực trạng thủy lợi, đề nghị nghiên cứu bổ sung phân tích làm rõ thực trạng về xây dựng, vận hành và hiệu quả đạt đuợc cũng như những khó khăn của hệ thống thủy lợi hiện nay, vì các nội dung trong báo cáo chủ yếu là thống kê, liệt kê về số luợng các công trình trình thủy lợi hiện có. | **Cơ quan lập quy hoạch giải trình như sau:**  Các khó khăn của hiện trạng hệ thống thủy lợi đã được trình bày tại mục 1.3.3.2 Những hạn chế tồn tại về thủy lợi trong Báo cáo tổng hợp bao gồm cả về xây dựng công trình thủy lợi và công tác quản lý vận hành. Trong đó đã phân tích, đánh giá những tồn tại về các mặt: tưới, cấp nước, tiêu thoát nước, phòng chống lũ cho lưu vực. |  |
| 4.6 | Về quan điểm phát triển thủy lợi, đềnghị rà soát, bổ sung các quan điểm liên quan đến phát triển thủy lợi đã được xác định tại Quy hoạch phòng, chống thiên tai và thủy lợi thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã đuợc Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 847/QĐ-TTg ngày 4/7/2023 và Quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 287/QĐ-TTg ngày 28/02/2022 của Thủ tuớng Chính phủ | **Cơ quan lập quy hoạch giải trình như sau:**  Quan điểm phát triển thủy lợi tại quy hoạch thủy lợi lưu vực sông Cửu Long đã được kế thừa từ Quyết định số 847/QĐ-TTg và Quyết định số 287/QĐ-TTg, làm rõ hơn với những đặc trưng về điều kiện tự nhiên, nguồn nước của vùng và các quan điểm chỉ đạo tại các Nghị quyết của Bộ Chính trị, Chính phủ… |  |
| 4.7 | Về mục tiêu cụ thể đến năm 2030, đề nghị nghiên cứu rà soát các chỉ tiêu liên quan đến phòng, chống lũ, ngập úng giữa Quy hoạch thủy lợi lưu vực sông Cửu Long với Quy hoạch phòng, chống thiên tai và thủy lợi đảm bảo phù họp, đồng bộ, thống nhất. | **Cơ quan lập quy hoạch giải trình như sau:**  Mục tiêu phòng, chống lũ, ngập úng của quy hoạch thủy lợi lưu vực sông Cửu Long đã tuân thủ theo Quy hoạch phòng, chống thiên tai và thủy lợi, cụ thể:  Các khu vực đô thị: Chống được lũ 1% (tương đương lũ năm 1961).  Các khu vực sản xuất cả năm (cây ăn trái, thủy sản nước ngọt, lúa, rau màu): Chống được lũ 2% (tương đương lũ năm 2000).  Các khu vực sản xuất khác: Chủ động sống chung với lũ. |  |
| 4.8 | ***Phương án phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng thủy lợi:*** Đề nghị nghiên cứu bổ sung nội dung *“Xây dựng phương án thủy lợi theo các kịch bản phát triển trên phạm vi lưu vực sông Cửu Long để bảo đảm tạo nguồn, tích trữ, cân đối, điều hòa, phân phối nguồn nước, giảm thiểu rủi ro hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, lũ, ngập lụt, úng, ô nhiễm, suy thoái nguồn nước và các thiên tai khác liên quan đến nước,.* | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình như sau:**  Giải pháp thủy lợi đều được xác định trên cơ sở định hướng phát triển kinh tế - xã hội; kịch bản nguồn nước đã quy định tại Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông, từ đó tính toán nhu cầu nước vào yêu cầu phát triển thủy lợi để phục vụ, trong đó có các giải pháp tạo nguồn, tích trữ, cân đối, điều hòa phân, phân phối nguồn nước |  |
| 4.9 | Đề nghị nghiên cứu rà soát, chỉnh sửa bổ sung các giải pháp thủy lợi trong Báo cáo quy hoạch (giải pháp phi công trình) để đảm bảo phù hợp, thống nhất với phuơng án phát triển mạng luới thủy lợi đã đuợc xác định tại Quyết định số 287/QĐ-TTg: (1) Phát triển hệ thống thủy lợi...theo huớng sống chung với lũ,...(2) Phát huy các giải pháp truyền thống, chủ động trữ nuớc...; hồ chứa nuớc phân tán; giải pháp tiết kiệm nuớc; (3) Đối với vùng ngập lũ hàng năm...vận hành hệ thống thủy lợi, đê bao theo huớng tích nuớc vào ruộng để hấp thụ và phục vụ sinh kế mùa lũ; (4) Xây dựng hệ thống dự báo và cảnh báo sớm chuyên ngành về lũ, hạn hán... làm cơ sở xác định giải pháp công trình (công trình bắt buộc phải xây dựng) cho phù hợp; đồng thời, đề nghị bổ sung đánh giá tác động tới hệ sinh thái tại các tiểu vùng sinh thái khi thực hiện các giải pháp công trình | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình như sau:**  Phát triển hệ thống thủy lợi... theo huớng sống chung với lũ,...: quan điểm kiểm soát lũ của quy hoạch thủy lợi lưu vực sông Cửu Long là “chủ động sống chung với lũ”, phù hợp với Quy hoạch Phòng chống thiên tai và thủy lợi, Nghị quyết số 120/NQ-CP của Chính phủ. Để thực hiện được quan điểm trên, quy hoạch đã đề xuất các giải pháp công trình kiểm soát lũ phù hợp cho từng vùng, kết hợp với các giải pháp phi công trình.  Các giải pháp: chủ động trữ nuớc; giải pháp tiết kiệm nuớc: đã được đề xuất trong phần các giải pháp phi công trình.  Với các hồ chứa nuớc phân tán: quy hoạch đã đề xuất xây dựng các công trình trữ nước quy mô nhỏ, phân tán, chủ yếu để phục vụ nhu cầu nước sinh hoạt cho các khu vực hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn  Vận hành hệ thống thủy lợi, đê bao theo huớng tích nuớc vào ruộng để hấp thụ và phục vụ sinh kế mùa lũ: đây là giải pháp chủ động sống chung với lũ với điều kiện đã có các công trình thủy lợi phù hợp. Quy hoạch cũng đã đề xuất các giải pháp chuyển đổi mùa vụ để né đỉnh lũ, tháo lũ vào các ô bao, vận hành các công trình đầu mối để lấy lũ vào đồng, tăng cường vận hành nhồi nước bằng hệ thống cống ven sông…  Xây dựng hệ thống dự báo và cảnh báo sớm: Đây là một trong những giải pháp phi công trình đã được đề xuất trong quy hoạch. |  |
| 4.10 | Đề nghị rà soát, cập nhật danh mục các công trình, dự án với danh mục các công trình, dự án đã được xác định tại các quy hoạch cấp trên có liên quan; trong đó, lưu ý danh mục các công trình, dự án đã được xác định tại Quyết định số 287/QĐ-TTg; Quyết định số 847/QĐ-TTg; Quyết định số 1622/QĐ-TTg; các Quyết định phê duyệt Quy hoạch tỉnh, thành phố vùng đồng bằng sông Cửu Long. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình như sau:**  Quy hoạch thủy lợi lưu vực sông Cửu Long là quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành, là quy hoạch cụ thể hóa quy hoạch cấp trên. Trong quá trình lập quy hoạch đã, cụ thể các giải pháp đã nêu tại các quy hoạch: Quy hoạch phòng, chống thiên tai và thủy lợi thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quyết định số 847/QĐ-TTg); Quy hoạch tai nguyên nước quốc gia (Quyết định số 1622/QĐ-TTg), Quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quyết định số 287/QĐ-TTg), Quy hoạch tỉnh, thành phố vùng Đồng bằng sông Cửu Long. |  |
| 4.11 | Tình hình hạn hán, xâm nhập mặn diễn ra ngày càng gay gắt trong điều kiện biến đổi khí hậu, nước biển dâng, bản quy hoạch cần làm rõ giải pháp công trình để ngăn mặn, trữ nước, điều tiết nước hợp lý. Đề xuất giải pháp nâng cấp đê bao, cống điều tiết, xây dựng hồ chứa nước, nạo vét kênh trục chính để điều tiết phục vụ sản xuất nông nghiệp. Ngoài ra, tình hình sạt lở bờ sông, bờ biển, kênh rạch ngày càng diễn biến phức tạp, do đó quy hoạch cần có giải pháp đồng bộ để khắc phục tình trạng nêu trên. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình như sau:**  Trong phần phương án phát triển thủy lợi, quy hoạch đã đề xuất được các giải pháp cụ thể để kiểm soát mặn, kiểm soát lũ, cấp nước, tiêu thoát nước cho các vùng, các hệ thống thủy lợi, trong đó bao gồm: nâng cấp sửa chữa, đầu tư xây dựng cống, nạo vét kênh, nâng cấp hệ thống đê bao, xây dựng các công trình trữ nước… Ngoài ra kết hợp giải pháp phi công trình: nâng cao khả năng dự báo, điều chỉnh quy trình thời vụ; cập nhật bổ sung quy trình vận hành.  Quy hoạch thủy lợi lưu vực sông Cửu Long đã đề xuất các giải pháp tổng thể xử lý vấn đề sạt lở bờ sông, bờ biển, kênh, rạch.  Hiện, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đang xây dựng Đề án “Giải pháp tổng thể phòng, chống sụt lún đất, sạt lở bờ sông, bờ biển, ngập úng, hạn hán, xâm nhập mặn vùng Đồng bằng sông Cửu Long”, trong đó xem xét đề xuất đầu tư xây dựng các công trình phòng, chống hạn hán, sạt lở, xâm nhập mặn thích ứng với biến đổi khí hậu vùng Đồng bằng sông Cửu Long làm cơ sở triển khai thực hiện trong thời gian tới. |  |
| 4.12 | Đề nghị cơ quan chủ trì xây dựng *“Báo cáo tổng hợp Quy hoạch thủy lợi lưu vực sông Cửu Long thời kỳ 2022- 2030, tầm. nhìn đến năm 2050*” nghiên cứu, đánh giá rõ hơn về hiệu quả và hạn chế trên các mặt: Kinh tế, tích nước, dự trữ nước của 22 hồ chứa nước ngọt hiện nay và tích trữ nước ngọt trong các hộ nông dân tại lưu vực sông Cửu Long để làm cơ sở khoa học đề xuất giải pháp ưu tiên các nguồn lực mở rộng, xây dựng thêm hồ nước ngọt và các công trình tích nước trong hộ nông dân, từ đó hình thành một chỉnh thể tích nước, dự trữ nước và điều hòa nước trong vùng. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình như sau:**  Hiện, vùng ĐBSCL có 22 hồ trữ nước với dung tích khoảng 12,4 triệu m3. Nhiệm vụ của các hồ chủ yếu là phục vụ nước sinh hoạt cho các khu vực khó khăn, phục vụ sản xuất các khu vực địa hình cao (An Giang), phòng chống cháy rừng, phục vụ du lịch. Hầu hết các hồ đều phát huy hiệu quả tốt như thiết kế ban đầu. Tuy nhiên, các hồ này cũng chỉ phục vụ được trong quy mô nhỏ.  Đối với ĐBSCL hình thành một chỉnh thể tích nước, dự trữ nước và điều hòa nước trong vùng đòi hỏi đầu tư với quy mô lớn, không phù hợp với điều kiện tự nhiên của vùng, nên quy hoạch này không đề xuất các hồ có quy mô lớn. Quy hoạch đề xuất đầu tư xây dựng công trình trữ nước quy mô vừa và nhỏ (địa hình thấp trũng, hệ thống kênh, rạch chăng chịt, thổ nhưỡng, đất mặn…). |  |
| 4.13 | Về danh mục dự án quan trọng, ưu tiên đầu tư: Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn bổ sung luận chứng xây dựng các danh mục công trình thủy lợi lưu vực sông Cửu Long, trong đó đặc biệt quan tâm đến các công trình có quy mô vùng, liên tỉnh, công trình quy mô lớn, dự án quan trọng cấp quốc gia; thứ tự thực hiện các dự án, rà soát các danh mục, công trình ưu tiên đảm bảo không trùng lắp với các dự án đầu tư tại các quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long, quy hoạch tỉnh, thành trong lưu vực và quy hoạch ngành liên quan. | **Cơ quan lập quy hoạch giải trình như sau:**  Như đã giải trình ở phần trên Quy hoạch thủy lợi lưu vực sông Cửu Long là quy hoạch cụ thể hóa quy hoạch cấp trên, do đó sẽ có danh mục công trình trùng với danh mục công trình tại các quy hoạch cấp cao hơn. Ngoài ra quy hoạch còn đề xuất các công trình thủy lợi khác với đặc thù của lưu vực và vùng sinh thái.  Việc đề xuất danh mục công trình đầu tư căn cứ trên cơ sở các giải pháp thủy lợi đề xuất để phục vụ mục tiêu: cấp nước, tiêu thoát nước, kiểm soát mặn, kiểm soát lũ, chống ngập úng. Trong đó có các công trình có quy mô lớn, liên vùng, liên tỉnh như các công trình quan trọng quốc gia.  Về thứ tự ưu tiên: Quy hoạch đề xuất danh mục ưu tiên đầu tư đối với các công trình có tác động liên vùng, liên tỉnh, công trình phục vụ phòng, chống hạn hạn, xâm nhập mặn… |  |
| 4.14 | Theo Báo cáo thuyết minh nguồn lực đầu tư các công trình trong quy hoạch là khoảng 126.525 tỷ đồng, trong đó:  + Phân theo giai đoạn: Đến năm 2030 cần 84.866 tỷ đồng; Sau năm 2030 cần 41.660 tỷ đồng.  + Theo nguồn vốn đầu tư: Ngân sách trung ương 50.738 tỷ đồng; Ngân sách địa phương, vốn vay ODA...: 57.822 tỷ đồng; Các doanh nghiệp, người dân 17.665 tỷ đồng.  Dự kiến nguồn lực để thực hiện các dự án thuộc Quy hoạch với kinh phí 126.525 tỷ đồng là rất lớn. Vì vậy, đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nghiên cứu, bổ sung cơ sở tính toán, căn cứ phân kỳ đầu tư, xác định các dự án, nguồn vốn đầu tư thực hiện trong giai đoạn 2021-2025; giai đoạn 2026- 2030 và thực hiện sau năm 2030 làm cơ sở để xác định khả năng cân đối bố trí vốn theo từng giai đoạn, đảm bảo hiệu quả đầu tư các dự án. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình như sau:**  Việc xác định tổng mức đầu tư thực hiện quy hoạch căn cứ vào các mục tiêu, giải pháp phát triển thủy lợi để đề xuất các công trình cần đầu tư theo từng giai đoạn. Vốn đầu tư được ước tính trên cơ sở các công trình tương tự đã được đầu tư.  Về tiêu chí phân bổ nguồn vốn: Các công trình quan trọng, có ảnh hưởng liên vùng, liên tỉnh do Bộ Nông nghiệp và PTNT đầu tư; Các công trình lớn mà chỉ ảnh hưởng trong 1 tỉnh do ngân sách các địa phương đầu tư; Các công trình nhỏ, nội đồng do người dân hoặc doanh nghiệp đầu tư.  Về phân kỳ theo từng giai đoạn đến năm 2025 và giai đoạn 2026-2030: Giai đoạn đến năm 2025, Bộ Nông nghiệp và PTNT cũng như các địa phương đang thực hiện đầu tư theo Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025. Các công trình trong danh mục đầu tư này quy hoạch đã coi là công trình hiện trạng và đã cập nhật trong tính toán kịch bản nền. Do vậy, không đưa danh mục đầu tư giai đoạn 2021-2025 vào Phụ lục đề xuất công trình đến năm 2030. Danh mục công trình đề xuất là các công trình cần thực hiện trong giai đoạn 2026-2030.  Sau khi rà soát, cân đối lại danh mục, nguồn vốn, quy hoạch đề xuất tổng kinh phí thực hiện quy hoạch là 120.437 tỷ đồng, trong đó:  Phân theo giai đoạn: Đến năm 2030 cần 64.337 tỷ đồng; Sau năm 2030 cần 56.100 tỷ đồng.  Theo nguồn vốn đầu tư: Ngân sách trung ương: 44.918 tỷ đồng; Ngân sách địa phương: 60.257 tỷ đồng; Các doanh nghiệp, người dân: 15.262 tỷ đồng. |  |
| 4.15 | Đối với đề xuất nguồn vốn giai đoạn 2021-2025: Quốc hội đã thông qua Nghị quyết số 29/2021/QH15 ngày 28/7/202 về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025; Thủ tướng Chính phủ đã giao Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 tại Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15/9/2021 và Quyết định số 236/QĐ-TTg ngày 21/02/2022 cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương. Vì vậy, căn cứ số vốn ngân sách nhà nước được Quốc hội thông qua và được Thủ tướng Chính phủ giao, cùng với các nguồn vốn huy động hợp pháp khác, đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn rà soát các nhiệm vụ quy hoạch, cũng như danh mục dự án ưu tiên của quy hoạch thời kỳ 2021-2025, đảm bảo phù hợp nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 đã giao và tính khả thi của Báo cáo quy hoạch thời kỳ 2021-2025. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình như sau:**  Tiếp thu, rà soát danh mục các công trình, dự án đã được Bộ Nông nghiệp và PNTT, các địa phương quyết định đầu tư trong giai đoạn 2021-2025 để bảo đảm phù hợp với giải pháp quy hoạch đề xuất. Đối với các công trình, dự án đã được cấp quyết định phê duyệt dự án sẽ không tính kinh phí vào nguồn vốn thực hiện quy hoạch. |  |
| 4.16 | Đối với đề xuất nguồn vốn giai đoạn 2026-2030: Việc bố trí nguồn vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Quy hoạch thời kỳ 2026-2030 được thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công. Theo đó, cần đánh giá việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ, dự án của Quy hoạch gắn với kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, làm cơ sở xây dựng kế hoạch nguồn vốn cho giai đoạn 2026-2030. Vì vậy, đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn rà soát nhu cầu, khả năng triển khai nhiệm vụ, dự án của quy hoạch thời kỳ 2026-2030 đảm bảo tính khả thi khi triển khai thực hiện Quy hoạch. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình như sau:**  Như đã giải trình tại mục trên, Quy hoạch đề xuất danh mục đầu tư và sơ bộ xác định kinh phí và nguồn vốn thực hiện quy hoạch. Tùy theo ngân sách nhà nước từng giai đoạn sẽ phân bổ để đầu tư xây dựng công trình theo quy hoạch. |  |
| **5** | **Một số ý kiến khác** |  |  |
| 5.1 | Tại trang số 75 Mục 1.2.2.8. Các thuận lợi và khó khăn của đặc điểm kinh tế - xã hội đối với công tác thủy lợi: Đề nghị bổ sung và làm rõ hơn những thuận lợi và khó khăn đối với từng lĩnh vực, đặc biệt đối với lĩnh vực sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, bổ sung** vào Mục 1.2.2.8. Trong đó đã phân tích rõ hơn những thuận lợi và khó khăn về đặc điểm kinh tế - xã hội về công tác thủy lợi. Việc đánh giá các lĩnh vực khác thuộc các quy hoạch khác. |  |
| 5.2 | Tại trang số 114 của Báo cáo tổng hợp có nêu tác động của giao thông đến hệ thống thủy lợi: “Đối với giao thông đường bộ, các tuyến đường cao tốc, quốc lộ, tỉnh lộ khi bắc ngang qua các kênh rạch sẽ cần phải có cầu hoặc cống. Việc xây dựng cầu, cống sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến chế độ dòng chảy, quá trình vận hành và điều tiết dòng chảy tại các vị trí xây dựng”. Tại trang số 247 Báo cáo tổng hợp có đề xuất giải pháp liên kết giữa hạ tầng giao thông và hệ thống thủy lợi là kết hợp việc xây dựng đập, cống.... kết hợp cầu giao thông, âu thuyền, đặc biệt là với các tuyến đường cao tốc Châu Đốc - Sóc Trăng và một số tuyến đường ven biển...  Tuy nhiên, hiện nay Bộ Giao thông Vận tải đã và đang tổ chức triển khai các dự án đường bộ cao tốc khác trong vùng đồng bằng sông Cửu Long (cao tốc An Hữu - Cao Lãnh, Cần Thơ - Cà Mau), các địa phương cũng đang chuẩn bị đầu tư các tuyến đường bộ ven biển, theo đó dự báo sẽ có tác động, ảnh hưởng đến hệ thống thủy lợi hiện hữu trong khu vực đồng bằng sông Cửu Long. Vì vậy, đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn làm việc cụ thể với Bộ Giao thông Vận tải về sự ảnh hưởng của việc đầu tư từng tuyến quốc lộ, cao tốc đối với hệ thống thủy lợi của toàn vùng. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình như sau:**  Trong quá trình lập quy hoạch, Cơ quan lập quy hoạch đã đưa các tuyến đường hiện trạng, dự kiến vào mô hình tính toán để đánh giá sơ bộ những ảnh hưởng đến vấn đề tiêu thoát nước, tiêu lũ, ngập úng. Khi triển khai các công trình giao thông cụ thể cần có đánh giá chi tiết hơn tác động đến công trình thủy lợi trong vùng. |  |
| 5.3 | Tại trang số 141 Mục 2.2. Xây dựng kịch bản trong thời kỳ quy hoạch: Đề nghị bổ sung phân tích những ưu điểm, lợi thế, rủi ro với từng kịch bản, từ đó có căn cứ rõ ràng hơn trong việc phân tích và tính toán, lựa chọn kịch bản phù hợp với từng giai đoạn phát triển, ưu tiên mục tiêu phát triển bền vững và tăng trưởng xanh. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình như sau:**  Quy hoạch thủy lợi lưu vực sông Cửu Long đã kế thừa kịch bản nêu tại Quy hoạch Phòng, chống thiên tai và thủy lợi thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Đồng thời có xem xét các yếu tố ảnh hưởng đến lưu vực sông Cửu Long để xây dựng các kịch bản cho phù hợp. |  |
| 5.4 | Tại trang 249 Báo cáo tổng hợp có tính toán hiệu ích kinh tế của Quy hoạch với số vốn đầu tư ban đầu là 126.525 tỷ đồng; NPV là 11.557 tỷ đồng; IRR là 15,69%. Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn làm rõ quy định pháp lý phải tính toán nội dung định lượng này trong Quy hoạch; trường hợp quy định phải tính toán, cần làm rõ phương pháp, cơ sở, số liệu đẩu vào, doanh thu tính toán... | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình như sau:**  Việc tính toán định lượng hiệu ích kinh tế của quy hoạch được quy định tại Thông tư số 11/2020/TT-BNNPTNT ngày 27/10/2022.  Các chi phí bao gồm: Vốn đầu tư và phân kỳ đầu tư; chi phí quản lý vận hành công trình thủy lợi; chi phí duy tu bảo dưỡng.  Các lợi ích định lượng bao gồm: Lợi ích tăng thêm do sản xuất nông nghiệp; lợi ích cấp nước thô; lợi ích giảm thiệt hại do thiên tai (lũ, hạn hán, xâm nhập mặn, úng ngập…); các lợi ích khác: giảm chi chí san nền, giảm chi phí nâng cấp đường…  Các chỉ số kinh tế cần tính toán: IRR, B/C, NPV,… |  |
| **II** | **Bộ Tài chính (công văn số 10582/BTC-HCSN ngày 03/10/2024)** |  |  |
| 1 | Tại Dự thảo Tờ trình Bộ Nông nghiệp và PTNT mới chỉ đánh giá về sự cần thiết lập quy hoạch mà chưa báo cáo rõ về cơ sở pháp lý để lập quy hoạch. Do đó, đề nghị Bộ Nông nghiệp và PTNT bổ sung báo cáo rõ tại Hồ sơ quy hoạch, làm cơ sở trình cấp có thẩm quyền xem xét quyết định | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, chỉnh sửa như sau:**  Cơ sở pháp lý về lập quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành (Quy hoạch thủy lợi lưu vực sông Cửu Long) được quy định tại Luật số 35/2018/QH14 và Nghị định số 53/2019//NĐ-CP ngày 17/6/2019. Đồng thời, tại Quyết định phê duyệt Quy hoạch Phòng chống thiên tai và thủy lợi thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quyết định số 847/QĐ-TTg ngày 14/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ) giao Bộ Nông nghiệp và PTNT tổ chức lập, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch thủy lợi.  Tiếp thu bổ sung căn pháp lý tại Tờ trình Chính phủ. |  |
| 2 | Tại dự thảo Quyết định phê duyệt quy hoạch: Nhu cầu vốn thực hiện quy hoạch khoảng 126.526 tỷ đồng, trong đó giai đoạn đến năm 2030 là 84.866 tỷ đồng, giai đoạn sau năm 2030 là 41.660 tỷ đồng được huy động, bố trí từ nguồn vốn NSNN, vốn ngoài ngân sách và các nguồn vốn hợp pháp khác. Tuy nhiên, hồ sơ quy hoạch chưa có đánh giá tác động ngân sách nhà nước, đồng thời, Bộ Nông nghiệp và PTNT mới chỉ khái toán tổng nhu cầu vốn thực hiện quy hoạch, chưa thuyết minh cụ thể: (i) nội dung xây dựng, xác định tổng mức đầu tư thực hiện quy hoạch; căn cứ, cơ sở xác định kinh phí thực hiện quy hoạch, phân định theo từng nhiệm vụ, dự án theo tính chất nguồn vốn (chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên) theo phân cấp (ngân sách trung ương, ngân sách địa phương); (iii) phân kỳ theo từng giai đoạn đến năm 2025 và giai đoạn 2026-2030 đối với từng nguồn vốn dự kiến huy động; (iv) giải pháp huy động các nguồn vốn thực hiện quy hoạch. Theo đó, đề nghị Bộ Nông nghiệp và PTNT bổ sung báo cáo đánh giá tác động và các nội dung ý kiến nêu trên làm cơ sở xem xét tính khả thi trong việc huy động nguồn vốn thực hiện quy hoạch. Trường hợp chưa làm rõ về nguồn vốn đảm bảo thì đề nghị chưa trình cấp có thẩm quyền phê duyệt ban hành Quy hoạch, theo đúng tinh thần đã quán triệt tại các Nghị quyết của Trung ương và Quốc hội | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình như sau:**  Việc xác định tổng mức đầu tư thực hiện quy hoạch căn cứ vào các mục tiêu, giải pháp phát triển thủy lợi để đề xuất các công trình cần đầu tư theo từng giai đoạn. Vốn đầu tư được ước tính trên cơ sở các công trình tương tự đã được đầu tư.  Về tiêu chí phân bổ nguồn vốn: Các công trình quan trọng, có ảnh hưởng liên vùng, liên tỉnh do Bộ Nông nghiệp và PTNT đầu tư; Các công trình lớn mà chỉ ảnh hưởng trong 1 tỉnh do ngân sách các địa phương đầu tư; Các công trình nhỏ, nội đồng do người dân hoặc doanh nghiệp đầu tư.  Về phân kỳ theo từng giai đoạn đến năm 2025 và giai đoạn 2026-2030: Giai đoạn đến năm 2025, Bộ Nông nghiệp và PTNT cũng như các địa phương đang thực hiện đầu tư theo Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025. Các công trình trong danh mục đầu tư này quy hoạch đã coi là công trình hiện trạng và đã cập nhật trong tính toán kịch bản nền. Do vậy, không đưa danh mục đầu tư giai đoạn 2021-2025 vào Phụ lục đề xuất công trình đến năm 2030. Danh mục công trình đề xuất là các công trình cần thực hiện trong giai đoạn 2026-2030.  Tại hồ sơ quy hoạch có xác định kinh phí cho từng nhiệm vụ dự án. Quy mô, nhiệm vụ, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của từng dự án sẽ được tính toán, lựa chọn, xác định cụ thể trong giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động nguồn lực đầu tư từng giai đoạn.  Sau khi rà soát, cân đối lại danh mục, nguồn vốn, quy hoạch đề xuất tổng kinh phí thực hiện quy hoạch là 120.437 tỷ đồng, trong đó:  Phân theo giai đoạn: Đến năm 2030 cần 64.337 tỷ đồng; Sau năm 2030 cần 56.100 tỷ đồng.  Theo nguồn vốn đầu tư: Ngân sách trung ương: 44.918 tỷ đồng; Ngân sách địa phương: 60.257 tỷ đồng; Các doanh nghiệp, người dân: 15.262 tỷ đồng. |  |
| 3 | Về danh mục các dự án ưu tiên và phân kỳ đầu tư: Đề nghị Bộ Nông nghiệp và PTNT rà soát danh mục dự án quy hoạch (danh mục dự án ưu tiên) và tiến độ thực hiện phù hợp với quy hoạch tỉnh (thành phố), quy hoạch ngành (thủy lợi, phòng chống thiên tai, tài nguyên nước…), quy hoạch vùng, quy hoạch quốc gia và các quy hoạch có liên quan | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, rà soát** danh mục ưu tiên trên cơ sở cụ thể hóa quy hoạch cấp trên: Quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh cụ thể trong hồ sơ quy hoạch. |  |
| 4 | Về nhu cầu sử dụng đất: Đề nghị Bộ Nông nghiệp và PTNT tổng hợp ý kiến của Bộ Tài nguyên và Môi trường về nội dung này | **Cơ quan lập quy hoạch đã tiếp thu theo** ý kiến về lĩnh vực đất đai của Bộ Tài nguyên và Môi trường góp ý. |  |
| **III** | **Bộ Tài nguyên và Môi trường (Công văn số 7280/BTNMT-TNN ngày 18/10/2024)** |  |  |
| 1 | Về lĩnh vực tài nguyên nước: Quy hoạch thủy lợi lưu vực sông Cửu Long là quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành, theo quy định tại khoản 8 Điều 3, khoản 3 Điều 12 và khoản 3 Điều 14 của Luật Tài nguyên nước năm 2023, quy hoạch này phải gắn với khả năng, chức năng nguồn nước, bảo vệ tài nguyên nước, bảo đảm duy trì dòng chảy tối thiểu, không vượt quá ngưỡng khai thác nước dưới đất và phải phù hợp với quy hoạch tài nguyên nước. Do đó, đề nghị rà soát mục tiêu, nội dung, các phương án khai thác, sử dụng nước trong Quy hoạch thủy lợi lưu vực sông Cửu Long bảo đảm phù hợp với Quy hoạch tài nguyên nước thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1622/QĐ-TTg ngày 27/12/2022 và Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Cửu Long đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 174/QĐ-TTg ngày 06/3/2023. Trong đó, lưu ý các vấn đề sau:  - Bảo đảm các yêu cầu về chức năng nguồn nước, yêu cầu đảm bảo dòng chảy tối thiểu trên các sông, kênh, rạch.  - Bảo đảm các công trình khai thác nước trên sông, kênh, rạch cấp cho mục đích nông nghiệp không vượt quá lượng nước có thể khai thác cũng như yêu cầu về lượng nước phân bổ cho nông nghiệp trong trường hợp bình thường và trường hợp thiếu nước đối với từng vùng theo các quy hoạch tài nguyên nước và quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Cửu Long.  - Cần phải rà soát, đánh giá kỹ lưỡng việc kiểm soát, thất thoát, lãng phí nước trong các hệ thống công trình thủy lợi hiện hữu để làm căn cứ đề xuất các giải pháp của quy hoạch.  - Các giải pháp thực hiện quy hoạch cũng cần được rà soát, bảo đảm tính đồng bộ, phù hợp với quy hoạch về tài nguyên nước đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Trong đó, ưu tiên việc rà soát, điều chỉnh các quy trình vận hành công trình, hệ thống công trình thủy lợi bảo đảm sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả, đa mục tiêu, chống thất thoát, lãng phí nước và bảo đảm lưu thông của dòng chảy trong hệ thống công trình, không gây ứ đọng, ô nhiễm nguồn nước, trước khi đề xuất xây dựng mới các công trình nhằm nâng cao giá trị sử dụng nước, bảo đảm an ninh nguồn nước cũng như tránh lãng phí nguồn lực.  Bên cạnh đó, cần rà soát, bổ sung các giải pháp công nghệ tưới tiên tiến, tiết kiệm hiệu quả theo quy định tại khoản 2 Điều 44 của Luật Tài nguyên nước, cũng như việc nghiên cứu chuyển đổi cơ cấu mùa vụ, cây trồng, vật nuôi phù hợp với khả năng đáp ứng của nguồn nước, kịch bản nguồn nước, phương án điều hòa, phân phối tài nguyên nước quy định tại Điều 35 và Điều 36 của Luật Tài nguyên nước.  - Việc đề xuất các phương án đầu tư xây dựng mới công trình phải đảm bảo đa mục tiêu, chủ động tích trữ nước, điều hòa, phân phối, phục hồi, phát triển nguồn nước theo quy định tại Điều 50 Luật Tài nguyên nước.  - Hiện đại hóa, chuyên nghiệp hóa công tác quản lý thủy lợi để góp phần quản trị tài nguyên nước quốc gia trên nền tảng công nghệ số thông qua Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia, hệ thống công cụ hỗ trợ ra quyết định, bảo đảm sử dụng hiệu quả nguồn lực trong công tác quản lý tài nguyên nước. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình như sau:**  Quy hoạch thủy lợi lưu vực sông Cửu Long đã căn cứ vào nhu cầu sử dụng nước của các ngành để tính toán, xây dựng các phương án phát triển thủy lợi, đối chiếu, kiểm tra với phân bổ nguồn nước trong Quy hoạch tài nguyên nước thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quyết định số 1622/QĐ-TTg ngày 27/12/2022) và Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Cửu Long (Quyết định số 174/QĐ-TTg ngày 06/3/2023), bảo đảm thỏa mãn:  Chức năng nguồn nước của các đoạn sông kênh (Phụ lục I, Quyết định số 174/QĐ-TTg).  Lượng nước có thể khai thác của các vùng (Phụ lục II, Quyết định số 174/QĐ-TTg).  Việc kiểm soát thất thoát, lãng phí nước trong các hệ thống công trình thủy lợi: Các hệ thống thủy lợi sau khi được đầu tư trước khi đưa vào vận hành khai thác đều được xây dựng và ban hành quy trình vận hành bảo đảm đáp ứng nhu cầu sử dụng của sản xuất, đồng thời cũng bảo đảm an toàn, tiết kiệm, chống lãng phí nước, bảo vệ môi trường. Trong trường hợp quy trình vận hành không còn phù hợp sẽ xem xét điều chỉnh.  Đối với các giải pháp công nghệ tưới tiên tiến, tiết kiệm nước: Bộ Nông nghiệp và PTNT đang chỉ đạo thực hiện Đề án phát triển bền vững một triệu hecta chuyên canh lúa chất lượng cao và phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng ĐBSCL đến năm 2030, các diện tích này sẽ áp dụng các quy trình tưới ướt - khô xen kẽ, đảm bảo tiết kiệm 20-30% lượng nước sử dụng. Bên canh đó diện tích các loại hình khác như: cây ăn trái, rau màu… áp dụng các công nghệ tưới tiên tiến cũng đang được khuyến khích phát triển. Đối với nuôi trồng thủy sản, các mô hình tái sử dụng nước, sử dụng nước tuần hoàn cũng đang được mở rộng.  Các công trình thủy lợi được đề xuất xây dựng đều bảo đảm là các công trình đa mục tiêu: cấp nước, tiêu thoát nước, trữ nước, kiểm soát mực nước.  Hiện đại hóa hệ thống thủy lợi cũng là nhiệm vụ mà Bộ Nông nghiệp và PTNT cũng như các địa phương đang triển khai thực hiện, thông qua Đề án Hiện đại hóa hệ thống thủy lợi phục vụ chuyển đổi, phát triển nông nghiệp bền vững tại các tiểu vùng sinh thái vùng Đồng bằng sông Cửu Long (Quyết định số 633/QĐ-TTg). Trong các giải pháp phi công trình thực hiện quy hoạch đã đề xuất giải pháp: Nâng cao chất lượng công tác giám sát, dự báo nguồn nước, trong đó có xây dựng hệ thống trạm quan trắc, trung tâm dữ liệu… |  |
| 2 | Về lĩnh vực đất đai: việc sử dụng đất lập Quy hoạch thủy lợi lưu vực sông Cửu Long (phân vùng quy hoạch, danh mục các dự án ưu tiên và phân kỳ đầu tư,...) phải đảm bảo phù hợp với Quy hoạch các tỉnh, thành phố đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; quy hoạch sử dụng đất cấp huyện đã được phê duyệt; tuân thủ chỉ tiêu sử dụng đất quốc gia đã được Thủ tướng Chính phủ phân bổ tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 và điều chỉnh một số chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2025 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 227/QĐ-TTg ngày 12/3/2024 và các quy hoạch khác có liên quan đã được phê duyệt theo đúng quy định của pháp luật. | **Cơ quan lập quy hoạch giải trình như sau:**  Định hướng quy hoạch sử dụng đất lưu vực sông Cửu Long đến năm 2030 đã được tổng hợp từ các số liệu của quy hoạch cấp tỉnh, thành phố trong lưu vực. Các quy hoạch này cũng đã tuân thủ chỉ tiêu sử dụng đất theo phân bổ tại Quyết định số 326/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. |  |
| 3 | Về lĩnh vực môi trường: dự thảo Quy hoạch thủy lợi lưu vực sông Cửu Long phải đảm bảo phù hợp với Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 611/QĐ-TTg ngày 08/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ; Quy hoạch tổng thể quan trắc môi trường quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 224/QĐ-TTg ngày 07/3/2024 của Thủ tướng Chính phủ và quy hoạch các tỉnh trong vùng đồng bằng sông Cửu Long. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình như sau:**  Quy hoạch đã rà soát các yếu tố liên quan đến môi trường trong lưu vực sông Cửu Long bảo đảm phù hợp với quy hoạch đã được phê duyệt. |  |
| 4 | Về lĩnh vực biến đổi khí hậu: rà soát việc lồng ghép nội dung ứng phó với biến đổi khí hậu vào giải pháp quy hoạch, giải pháp thực hiện quy hoạch tại dự thảo hồ sơ quy hoạch theo quy định tại Thông tư số 06/2023/TT-BTNMT ngày 31/7/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về hướng dẫn lồng ghép nội dung ứng phó biến đổi khí hậu vào chiến lược, quy hoạch. | **Cơ quan lập quy hoạch giải trình như sau:**  Quy hoạch thủy lợi lưu vực sông Cửu Long đã lồng ghép yếu nội dung ứng phó BĐKH vào quy hoạch theo Thông tư số 06/2023/TT-BTNMT, thể hiện ở các nội dung:  Mục tiêu tổng quát: đã bao gồm thích ứng với BĐKH.  Các giải pháp phát triển thủy lợi: Khi tính toán, đề xuất các giải pháp đều bao gồm kịch bản BĐKH, nước biển dâng đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành.  Các giải pháp giảm phát thải: quy hoạch thủy lợi đã đề xuất các giải pháp thủy lợi phục vụ Đề án phát triển bền vững một triệu hecta chuyên canh lúa chất lượng cao, đây là giải pháp quan trọng trong giảm phát thải trong sản xuất nông nghiệp.  Ngoài ra, các giải pháp thủy lợi nhằm sử dụng bền vững, tiết kiệm nước, kiểm soát mặn, kiểm soát lũ, cũng sẽ làm tăng khả năng thích ứng với BĐKH của vùng. |  |
| 5 | Về lĩnh vực địa chất và khoáng sản: hiện nay, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt các loại Quy hoạch liên quan đến khoáng sản tại các Quyết định: số 866/QĐ-TTg ngày 18/7/2023 về phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; số 1626/QĐ-TTg ngày 15/12/2023 về phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản làm vật liệu xây dựng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; số 1277/QĐ-TTg ngày 01/11/2023 về phê duyệt khu vực dự trữ khoáng sản Quốc gia và các Quyết định phê duyệt Quy hoạch của 13 tỉnh, thành phố thuộc khu vực nêu trên. Do đó, đề nghị rà soát các khu vực Quy hoạch thủy lợi đảm bảo không chồng lấn với các khu vực Quy hoạch khoáng sản nêu trên và các khu vực hoạt động khoáng sản đã được cấp có thẩm quyền cấp phép.  Trong quá trình triển khai thực hiện các Dự án xây dựng công trình liên quan, nếu có phát hiện khoáng sản cần thu hồi hoặc khoáng sản có giá trị cao hơn khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường, Chủ đầu tư Dự án phải báo cáo với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để giải quyết theo quy định của Luật Khoáng sản. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình như sau:**  Các biện pháp thủy lợi chủ yếu được đề xuất trong quy hoạch này cơ bản gồm: Nạo vét hệ thống kênh (không có kênh đào mới nên ít tăng quy mô sử dụng đất); Nâng cấp hệ thống bờ bao (nâng cấp các bờ bao đã có); Xây dựng cống, trạm bơm (với công nghệ mới hiện nay các công trình mới đều được xây dựng trên dòng kênh cũ, ít mất đất); Các khu trữ nước phân tán (sử dụng các đoạn kênh cụt, đất ngập nước).  Các công trình thủy lợi đề xuất đều không chồng lấn các khu vực khai thác khoảng sản theo quy hoạch. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai đầu tư xây dựng nếu có phát hiện khoáng sản, Chủ đầu tư sẽ báo cáo với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để giải quyết theo quy định |  |
| 6 | Về lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học: bổ sung các nội dung, giải pháp thực hiện Quy hoạch thủy lợi lưu vực sông Cửu Long nhằm đảm bảo mục tiêu bảo tồn và sử dụng bền vững đất ngập nước lưu vực sông Cửu Long. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình như sau:**  Để góp phần bảo tồn và sử dụng bền vững các khu vực đất ngập nước, giải pháp thủy lợi đã đề xuất xây dựng, nâng cấp các tuyến đê bao các khu vực đất ngập nước: U Minh Thượng, U Minh Hạ, Gáo Giồng, Trà Sư… Các đê bao này có nhiệm vụ trữ nước để sử dụng trong mùa khô, giảm hạn hán, phòng chống cháy rừng; các cống điều tiết nước giúp khống chế mức nước ở mức độ thích hợp, không quá cao làm chết cây; các trạm bơm có thể bơm, trữ nước và cũng là thiết bị chống cháy rừng nếu xảy ra. |  |
| 7 | Về lĩnh vực khí tượng thủy văn: đề nghị đơn vị lập Quy hoạch có trích dẫn nguồn gốc thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn sử dụng trong Quy hoạch nêu trên, đồng thời cập nhật dữ liệu tính toán đến năm gần nhất.  Đối với các công trình đập, hồ chứa nước thuộc loại quan trọng đặc biệt, loại lớn, loại vừa theo quy định của Chính phủ về quản lý an toàn đập phải quan trắc khí tượng thủy văn theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khí tượng thủy văn được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 48/2020/NĐ-CP ngày 15/4/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 38/2016/NĐ-CP. Vì vậy, trường hợp xây dựng dự án đập, hồ chứa nước, đề nghị trong quá trình xây dựng, triển khai dự án cần bổ sung các nội dung đầu tư xây dựng, quan trắc và cung cấp thông tin khí tượng thủy văn đối với các công trình phải quan trắc khí tượng thủy văn theo quy định của pháp luật. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình như sau:**  Đã bổ sung, trích dẫn nguồn thông tin từ các đài Khí tượng- thủy văn trong vùng ĐBSCL. Số liệu được cập nhật đến năm 2022 tại Mục 1.1.6 và Mục 1.1.8. |  |
|  | **VỀ DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH:** |  |  |
| 8 | **Về thời kỳ quy hoạch:** Tại Mục 1 Điều 1 xem xét lược bỏ nội dung thời kỳ quy hoạch do đã thể hiện rất rõ ràng tại tên của quy hoạch. | **Cơ quan lập quy hoạch giải trình như sau:**  Tại Nghị định số 53/2019/NĐ-CP quy định dự thảo Quyết định phê duyệt quy hoạch có nội dung “Thời kỳ quy hoạch”. Do đó, đề nghị giữ nguyên như dự thảo. |  |
| 9 | **Về quan điểm quy hoạch:** Đề nghị xem xét bổ sung các quan điểm, nguyên tắc phát triển thủy lợi được quy định trong Điều 3 Luật thủy lợi, cụ thể là phù hợp với nguyên tắc quản lý tổng hợp tài nguyên nước; thống nhất theo lưu vực sông, hệ thống công trình thủy lợi, kết hợp theo đơn vị hành chính, phục vụ đa mục tiêu. Đồng thời bổ sung quan điểm về sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả như quy định trong Quyết định số 174/QĐ-TTg ngày 06/3/2023 của Thủ tướng Chính phủ về Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Cửu Long. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình như sau:**  Như đã giải trình ở phần trên, nội dung quy hoạch thủy lợi được thực hiện theo Luật số 35/2018/QH14 và Thông tư số 11/2020/TT-BNNPTNT.  Bổ sung quan điểm phù hợp với nguyên tắc quản lý tổng hợp tài nguyên nước; thống nhất theo lưu vực sông, hệ thống công trình thủy lợi, kết hợp theo đơn vị hành chính, phục vụ đa mục tiêu.  Vớiquan điểm về sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả: trong dự thảo đã có nội dung này: “…chủ động khai thác, sử dụng hiệu quả nguồn nước ngọt, nước lợ, nước mặn, bảo đảm an ninh nguồn nước”. |  |
| 10 | **Về mục tiêu quy hoạch:**  - Rà soát lại các mục tiêu đảm bảo tránh việc chồng chéo chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước về tài nguyên nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường, các quy hoạch về tài nguyên nước trên lưu vực sông Cửu Long.  - Bổ sung vào Mục tiêu tổng quát của Quy hoạch để đáp ứng được sự chuyển đổi mô hình sản xuất một cách linh hoạt (ví dụ chuyển từ lúa sang trồng cây hàng năm, hoặc nuôi trồng thủy sản... và ngược lại).  - Đề nghị xem xét, bổ sung thêm mục tiêu về bảo vệ môi trường và sinh thái vào Mục tiêu cụ thể. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình như sau:**  Mục tiêu của quy hoạch thủy lợi lưu vực sông Cửu Long xây dựng nhằm hướng đến phát triển bền vững vùng ĐBSCL, mục tiêu này phù hợp với chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và PTNT.  Bổ sung mục tiêu tổng quát: *đáp ứng yêu cầu chuyển đổi mô hình sản xuất một cách linh hoạt.*  Mục tiêu về bảo vệ môi trường và sinh thái: mục tiêu này đã có trong Mục tiêu tổng quát và Mục tiêu cụ thể (phần tưới, cấp nước) |  |
| 11 | **Về giải pháp quy hoạch:**  - Rà soát việc lồng ghép nội dung ứng phó với biến đổi khí hậu vào giải pháp quy hoạch, giải pháp thực hiện quy hoạch tại dự thảo quy hoạch theo quy định tại Thông tư số 06/2023/TT-BTNMT ngày 31/07/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về hướng dẫn lồng ghép nội dung ứng phó biến đổi khí hậu vào chiến lược, quy hoạch.  - Đề nghị rà soát, tính toán nâng cao năng lực, hiệu quả các công trình hiện có phù hợp với điều kiện nguồn nước, đặc biệt là các công trình, hệ thống thủy lợi lớn ở hạ lưu các lưu vực sông để bảo đảm sử dụng nước hiệu quả, giảm thiểu tối đa thất thoát, lãng phí nước phù hợp với mục IV.2.d của Quy hoạch tài nguyên nước thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.  - Đối với đề xuất xây mới các công trình thủy lợi đề nghị rà soát, tính toán kỹ để đảm bảo:  a) Phù hợp với chức năng của nguồn nước các sông, kênh, rạch tại Phụ lục I Quyết định số 174/QĐ-TTg.  b) Việc tính toán nhu cầu nước cho các công trình thủy lợi trên sông, kênh, rạch cần phù hợp với khả năng đáp ứng của nguồn nước trên các sông, suối và phải phù hợp với lượng nước có thể được phân bổ theo năm, theo tháng trong trường hợp bình thường và trường hợp hạn hán thiếu nước quy định tại Phụ lục IV tại Quyết định số 174/QĐ-TTg.  - Bổ sung nội dung đánh giá các tác động dự kiến của các công trình nêu trên đến dòng chảy, hệ sinh thái, các hoạt động, đời sống, sản xuất của người dân. Làm rõ phạm vi, quy mô dự kiến về diện tích đất, rừng bị chiếm dụng để thực hiện các dự án nêu trên và đảm bảo phù hợp với quy hoạch sử dụng đất. | **Cơ quan lập quy hoạch giải trình như sau:**  Rà soát việc lồng ghép nội dung ứng phó với biến đổi khí hậu: nội dung này đã giải trình ở phần trên.  Trong đánh giá hiện trạng các công trình, hệ thống thủy lợi, quy hoạch đã xác định được những tồn tại, hạn chế của hạ tầng thủy lợi hiện có. Từ đó trong phần giải pháp đã có đề xuất nâng cấp, hoàn thiện các hệ thống, nhằm bảo đảm sử dụng hiệu quả nguồn nước, cung cấp đủ nước theo nhu cầu.  Rà soát chức năng của nguồn nước các sông, kênh, rạch: nội dung này đã giải trình ở phần trên.  Tính toán nhu cầu nước: Quy hoạch thủy lợi tính toán nhu cầu nước trên cơ sở quy mô của đối tượng dùng nước và định mức dùng nước cho từng đối tượng và được tính cho năm hiện trạng và dự báo cho năm tương lai. Trong tính toán mô hình thủy lực, đã xem xét gắn yêu cầu dùng nước cho công trình, hệ thống công trình phụ trách phù hợp với điều kiện của nguồn nước đến, trong đó đã kiểm tra sự phù hợp với lượng nước được phân bổ theo đối tượng, theo tháng (như phụ lục IV của Quyết định số 174/QĐ-TTg).  Nội dung đánh giá các tác động dự kiến của các công trình đề xuất: đã được thực hiện trong nội dung Đánh giá môi trường chiến lược của quy hoạch. |  |
| 12 | **Về giải pháp thực hiện quy hoạch:**  - Rà soát, làm rõ việc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ đối với các bộ, cơ quan ngang bộ, đặc biệt là Bộ Tài nguyên và Môi trường để phù hợp với các Quy hoạch đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt như Quy hoạch tài nguyên nước thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Quy hoạch phòng, chống thiên tai và thủy lợi thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Cửu Long thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.  - Đề nghị xem xét các ý kiến góp ý cho phần Dự thảo Báo cáo tổng hợp, Dự thảo tờ trình và Dự thảo Báo cáo đánh giá tác động môi trường để bổ sung chỉnh sửa Dự thảo Quyết định cho đồng bộ. | **Cơ quan lập quy hoạch giải trình như sau:**  Quy hoạch chỉ đề xuất giao nhiệm vụ cho các Bộ, cơ quan ngang bộ theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định. |  |
|  | **VỀ HỒ SƠ QUY HOẠCH** |  |  |
| 13 | - Bổ sung tổng hợp kiến nghị và giải trình các ý kiến tham vấn ĐMC, lưu ý việc tham vấn, tiếp thu ý kiến các Bộ, ngành, địa phương có liên quan.  - Bên cạnh đó, hồ sơ quy hoạch cần bổ sung các báo cáo chuyên đề, Quyết định phê duyệt lập quy hoạch.  - Để có thêm thông tin, đề nghị cung cấp các báo cáo chuyên đề, cụ thể như các báo cáo chuyên đề (được quy định trong “Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 8302:2018 Quy hoạch thủy lợi – yêu cầu về nội dung, thành phần, khối lượng”):  (i) Báo cáo hiện trạng và định hướng phát triển kinh tế - xã hội; (ii) Báo cáo hiện trạng thủy lợi; (iii) Báo cáo khí tượng, thủy văn; (iv) Báo cáo thủy công, kinh tế; (v) Báo cáo tính toán quy hoạch cấp nước; (vi) Báo cáo tính toán quy hoạch tiêu, thoát nước; và (vii) Báo cáo tính toán quy hoạch phòng, chống lũ và giảm nhẹ thiên tai | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu như sau:**  Bổ sung tổng hợp kiến nghị và giải trình các ý kiến tham vấn ĐMC.  Thành phần Hồ sơ quy hoạch gửi xin ý kiến được quy định tại Luật số 35/2018/QH14, không bao gồm các báo cáo chuyên đề.  Các báo cáo chuyên đề: quy hoạch thủy lợi lưu vực sông được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư số 11/2020/TT-BNNPTNT. |  |
|  | **VỀ DỰ THẢO BÁO CÁO QUY HOẠCH:** |  |  |
| 14 | **Thông tin, số liệu lập quy hoạch:**  Rà soát, cập nhật số liệu trạm khí tượng, đo mưa và thủy văn dùng để tính toán, đánh giá đặc điểm khí tượng, thủy văn trên lưu vực sông đến năm gần nhất. Cần trích dẫn nguồn gốc thông tin đối với dữ liệu khí tượng thủy văn đã sử dụng, các bảng số liệu trong báo cáo. | **Cơ quan lập quy hoạch giải trình như sau:** Đã bổ sung, trích dẫn nguồn thông tin từ các đài Khí tượng- thủy văn trong vùng ĐBSCL. Số liệu được cập nhật đến năm 2022 tại Mục 1.1.6 và Mục 1.1.8. |  |
| 15 | **Về căn cứ pháp lý:**  - Tại Mục 2. Căn cứ lập quy hoạch (trang 1): đề nghị bổ sung Thông tư số 06/2023/TT-BTNMT ngày 31/07/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn lồng ghép nội dung ứng phó biến đổi khí hậu vào chiến lược, quy hoạch.  - Đề nghị rà soát Quy hoạch đảm bảo phù hợp với Quy hoạch tổng thể quốc gia, Quy hoạch ngành quốc gia, Quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long và các quy hoạch khác có liên quan. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình như sau:**  Tiếp thu, bổ sung Thông tư số 06/2023/TT-BTNMT ngày 31/07/2023 vào phần Căn cứ lập quy hoạch.  Như đã giải trình tại Mục 4 ở trên, nội dung quy hoạch thủy lợi lưu vực sông Cửu Long đã được rà soát, đảm bảo phù hợp với các quy hoạch cấp trên |  |
| 16 | Tại Mục 3. Sự cần thiết lập quy hoạch. Đề nghị xem xét làm nổi bật những hạn chế, khó khăn, thách thức đối với lưu vực sông Cửu Long mà Quy hoạch này góp phần giải quyết như: (i) Thay đổi chế độ dòng chảy do phát triển thượng nguồn, biến đổi khí hậu…; (ii) Thay đổi nhu cầu, phương thức khai thác, sử dụng nước do chuyển đổi mô hình sản xuất nông nghiệp; (iii) Hệ thống thủy lợi được xây dựng từ lâu nên có hạn chế với khả năng cung cấp dịch vụ đa mục tiêu trong đó có phục vụ sản xuất đa ngành, phát triển không gian sống và bảo vệ môi trường sinh thái; (iv) Nhu cầu đầu tư lớn cho thủy lợi nhưng nguồn lực bị hạn chế... | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình như sau:**  Thay đổi chế độ dòng chảy do phát triển thượng nguồn, biến đổi khí hậu: đã được xác định trong Mục 3, Phần Mở đầu.  Thay đổi nhu cầu, phương thức khai thác, sử dụng nước do chuyển đổi mô hình sản xuất nông nghiệp: Nội dung này đã có trong dự thảo: *“Hệ thống thủy lợi chưa thật sự linh hoạt, chủ động nhằm đáp ứng được với nhu cầu khi chuyển đổi mô hình sản xuất”.*  - Hệ thống thủy lợi được xây dựng từ lâu nên có hạn chế với khả năng cung cấp dịch vụ đa mục tiêu trong đó có phục vụ sản xuất đa ngành, phát triển không gian sống và bảo vệ môi trường sinh thái: ý này đã có trong dự thảo: “Nhiều công trình thủy lợi được đầu tư từ lâu, qua thời gian vận hành sử dụng nay đã xuống cấp, không đảm bảo năng lực phục vụ”.  Bổ sung nội dung *“**Nhu cầu đầu tư cho thủy lợi rất lớn nhưng nguồn lực bị hạn chế”* tại Mục 3. | Trang 6 |
| 17 | Đề nghị rà soát, đảm bảo phù hợp về hiện trạng nguồn tài nguyên nước mặt (các đặc trưng thủy văn về tổng lượng nước hằng năm, tổng lượng lũ về đồng bằng sông Cửu Long qua trạm Tân Châu và Châu Đốc…) và hiện trạng nguồn tài nguyên nước dưới đất (các đặc trưng địa chất thủy văn như: số tầng chứa nước, trữ lượng có thể khai thác nước dưới đất…) tại Chương 1 | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình như sau:**  Hiện trạng tài nguyên nước mặt: Quy hoạch đã căn cứ vào số liệu đo đạc các trạm thủy văn trên dòng chính (Kratie, Tân Châu, Châu Đốc, Cần Thơ, Mỹ Thuận…) cũng như các trạm nội đồng để tính toán, phân tích. Liệt số liệu của các trạm thu thập được đều trên 40-45 năm, đảm bảo các yêu cầu và tin cậy.  Đối với nước ngầm: Quy hoạch đã thu thập và kế thừa các quy hoạch của vùng, trong đó có Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Cửu Long thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quyết định số 174/QĐ-TTg). |  |
| 18 | Tại Mục 1.1. Điều kiện tự nhiên, nguồn nước (trang 12): đề nghị bổ sung thông tin về đánh giá diễn biến của biến đổi khí hậu trong quá khứ tại lưu vực sông Cửu Long. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, bổ sung như sau:**  Tiếp thu bổ sung thêm Mục 1.1.9 Diễn biến của biến đổi khí hậu trong quá khứ |  |
| 19 | Tại Bảng 1-1 thuộc Mục 1.1: đề nghị xem xét bổ sung lý giải sự gia tăng diện tích tự nhiên của vùng đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2005-2022, theo đó diện tích tự nhiên của khu vực nghiên cứu tăng từ 3.992.100,40 ha (năm 2005) lên 4.007.924 ha (2015) và 4.081.654 ha (2022). | **Cơ quan lập quy hoạch giải trình như sau:**  Số liệu diện tích tự nhiên của các địa phương được thống kê theo Niên giám thống các tỉnh. Quy hoạch sử dụng số liệu thống kê được công bố. |  |
| 20 | Tại Mục 1.1.2.2 Công tác khảo sát đo đạc địa hình của quy hoạch: Đề nghị làm rõ sự cần thiết chỉ tiến hành khảo sát đo đạc 8 tuyến kênh ở Hệ thống Quản Lộ - Phụng Hiệp. | **Cơ quan lập quy hoạch giải trình như sau:**  Việc khảo sát đo đạc địa hình, thủy văn nhằm mục đích cập nhật vào mô hình tính toán và đề xuất các giải pháp thủy lợi. Việc khảo sát đo đạc 8 tuyến kênh của Hệ thống Quản Lộ - Phụng Hiệp phục vụ cập nhật mô hình thủy lực, đề xuất giải pháp quy hoạch cho hệ thống thủy lợi Quản Lộ- Phụng Hiệp và vùng ĐBSCL. |  |
| 21 | Mục 1.1.5. Đặc điểm về thảm phủ, thổ nhưỡng: đề nghị bổ sung, làm rõ hiện trạng cảnh quan thiên nhiên và đa dạng sinh học của khu vực, đặc biệt là hiện trạng khu bảo tồn đất ngập nước và hệ sinh thái đất ngập nước của lưu vực sông Cửu Long. | **Cơ quan lập quy hoạch giải trình như sau:**  Nội dung đánh giá hiện trạng cảnh quan thiên nhiên và đa dạng sinh học đã được thực hiện trong nội dung Đánh giá môi trường chiến lược. Về các khu bảo tồn đất ngập nước và hệ sinh thái đất ngập nước đã thống kê tại Mục 1.1.5.1 |  |
| 22 | Tại Mục 1.1.6.1: đề nghị xem xét bổ sung phân tích mạng lưới trạm khí tượng thuộc lưu vực sông Cửu Long và các vùng lân cận (Campuchia, Đông Nam Bộ) để lựa chọn chuỗi số liệu của các trạm quan trắc phù hợp sử dụng trong tính toán quy hoạch. | **Cơ quan lập quy hoạch giải trình như sau:**  Mạng lưới trạm khí tượng thủy văn vùng lân cận ảnh hưởng trực tiếp đến lưu vực sông Cửu Long: Vùng Đông Nam Bộ chủ yếu là các trạm trên sông Vàm Cỏ Đông và các trạm khu vực hạ lưu sông Đồng Nai. Trong quy hoạch đã sử dụng tài liệu các trạm này để tính toán các đặc trưng thủy văn và đưa vào các biên trong mô hình tính toán thủy lực. |  |
| 23 | Tại Mục 1.1.7.1: đề nghị làm rõ có sự ảnh hưởng của triều hay không trong đoạn Phnom Penh đến Tân Châu-Châu Đốc như được nêu ở trong nhận định sau: “Đoạn Phnom Penh đến Tân Châu-Châu Đốc ảnh hưởng triều nhẹ trong mùa kiệt, với biên độ 1,0-1,5 m ở Tân Châu-Châu Đốc và 0,2-0,3m ở Phnom Penh. Dòng triều hoàn toàn không xuất hiện trong đoạn này. Mùa lũ hầu như không còn ảnh hưởng triều”. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình như sau:**  Tại trạm Tân Châu và Châu Đốc vào mùa kiệt vẫn bị ảnh hưởng của thủy triều bởi mực nước tại trạm vẫn lên xuống theo thủy triều (với biên độ ngày đạt 1,0 đến 1,5m) và có dòng chảy ngược về hướng thượng lưu “từ biển vào”. Ở trạm Phnom Penh tương tự với biên độ mực nước từ 0,2-0,3m và không có dòng chảy ngược.  Tiếp thu, chỉnh sửa tại Mục 1.1.7.1 |  |
| 24 | Mục 1.1.8. Đặc điểm thủy văn: đề nghị xem xét bổ sung Bảng biểu, phân tích lưu lượng cho cả mùa khô, để có nhận định đầy đủ hơn về biến động dòng chảy mùa khô theo các thời kỳ. Đồng thời, tại mục này chỉ đưa ra các đánh giá về dòng chảy đến hai trạm thủy văn Tân Châu và Châu Đốc, đề nghị bổ sung việc đánh giá tài nguyên nước trên các sông, kênh nằm trong vùng đồng bằng sông Cửu Long. | **Cơ quan lập quy hoạch giải trình như sau:**  Phần 1.1.8 đã phân tích đặc điểm thủy văn của cả lưu vực, bao gồm các đặc điểm dòng chảy năm, dòng chảy lũ, dòng chảy kiệt, thủy triều…  Việc đánh giá tài nguyên nước trên các sông, kênh trong vùng phụ thuộc vào kích thước hệ thống sông, kênh, việc điều tiết của các công trình thủy lợi. Nội dung này đã được quy hoạch thực hiện thông qua các kết quả của mô hình thủy lực của toàn lưu vực, làm cơ sở cho việc đề xuất phương án, giải pháp phát triển thủy lợi. |  |
| 25 | Tại Mục 1.1.8.2: đề nghị xem xét, làm rõ khái niệm “Lưu lượng chân”. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, chỉnh sửa** cụm từ “*Lưu lượng chân*” thành “*lưu lượng bình quân ngày*” |  |
| 26 | Đề nghị xem xét bổ sung phân tích rõ nguyên nhân gây ra lũ, hạn tại lưu vực để có những giải pháp thủy lợi phù hợp. | **Cơ quan lập quy hoạch giải trình như sau:**  Nguyên nhân tác động đến nguồn nước của lưu vực sông Cửu Long bao gồm: do mưa (từ thượng lưu, mưa nội vùng ĐBSCL) và điều tiết của Biển Hồ trong mùa lũ, kiệt. Các yếu tố này đã được phân tích trong Mục 1.1.8 Đặc điểm thủy văn và Mục 1.1.6: Đặc điểm khí tượng của Báo cáo tổng hợp. |  |
| 27 | Đề nghị phân tích, đánh giá vai trò trữ nước Biển Hồ của Campuchia đối với dòng chảy đến lưu vực sông Cửu Long trong mùa kiệt. | **Cơ quan lập quy hoạch giải trình như sau:**  Đặc điểm và vai trò của Biển Hồ đã được đánh giá trong Mục 1.1.8.2, Tiểu mục 4. |  |
| 28 | Mục 1.2. Hiện trạng kinh tế-xã hội, nguồn lực phát triển: đề nghị xem xét phân tích bổ sung các bài học về biến đổi mô hình sản xuất, tập trung vào các mô hình chuyển đổi sản xuất ở đồng bằng sông Cửu Long cần có sự hỗ trợ của hạ tầng thủy lợi để rút ra các kinh nghiệm cho kỳ quy hoạch lần này. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, chỉnh sửa như sau:**  Tiếp thu, bổ sung các thuận lợi và khó khăn của đặc điểm kinh tế - xã hội tại Mục 1.2.2.8, trong đó có đánh giá một số khu vực vẫn còn sản xuất không theo quy hoạch, làm phát sinh mâu thuẫn trong dùng nước giữa các hộ với nhau, gây áp lực lên hệ thống công trình và công tác vận hành điều tiết nguồn nước… |  |
| 29 | Mục 1.2.3. Định hướng phát triển KT-XH: đề nghị đưa nội dung của Mục này vào Chương II: Dự báo xu thế phát triển và kịch bản phát triển nguồn nước trong bối cảnh chịu tác động của BĐKH, nước biển dâng, thiên tai... đồng thời bổ sung làm rõ các cơ sở pháp lý như nghị quyết, chủ trương của Đảng, Chính phủ, các Quy hoạch đã được phê duyệt, theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về định hướng phát triển lưu vực sông Cửu Long. | **Cơ quan lập quy hoạch giải trình như sau:**  Theo hướng dẫn tại Thông tư số 11/2020/TT-BNNPTNT, nội dung về định hướng phát triển kinh tế - xã hội là một nội dung trong Chương I. |  |
| 30 | Tại Mục 1.3.2. Tình hình thiên tai: đề nghị cập nhật thêm số liệu thiệt hại do thiên tai đến những năm gần đây, hiện tại mới chỉ nêu số liệu đến năm 2000. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu như sau:**  Tiếp thu cập nhật số liệu thiệt hại tại Bảng 1-32, số liệu thiệt hại các năm lũ lớn 2001, 2002, 2011. |  |
| 31 | Tại Bảng 1-29 trang 90-91: các hệ thống thủy lợi tại vùng đồng bằng sông Cửu Long, có 15 hệ thống thủy lợi; trong khi Bảng 1-36 trang 104 chỉ có 11 hệ thống; Bảng 5-4, trang 167 lại có 26 hệ thống; hình 2-16 trang 150 lại có 18 hệ thống… Đề nghị xem xét, rà soát đảm bảo nhất quán. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình như sau:**  Hiện trạng các hệ thống thủy lợi đã được đầu tư của ĐBSCL là 15 hệ thống (Bảng 1-29), trong đó có 8 hệ thống liên tỉnh và 7 hệ thống nội tỉnh.  Bảng 1-36: Đánh giá khả năng tải nước của hệ thống kênh cho một số hệ thống thủy lợi, ở đây chỉ đánh giá cho 11 hệ thống tiêu biểu (Báo cáo đã loại bỏ bảng số liệu này).  Bảng 5-4: tính toán nhu cầu nước cho toàn bộ lưu vực, bao gồm 15 hệ thống thủy lợi đã đầu tư và các khu vực lân cận, đảm bảo tính toán đủ nhu cầu nước cho toàn bộ diện tích vùng nghiên cứu.  Do tính chất và nội dung thể hiện khác nhau nên không thể thống nhất nội dung giữa các bảng này. |  |
| 32 | - Tại Mục 1.3.3.2. Những hạn chế tồn tại về thủy lợi:  + Đề nghị xem xét bổ sung các đánh giá về tính linh hoạt của hệ thống thủy lợi phục vụ chuyển đổi các mô hình sản xuất khác nhau; đánh giá tác động của hệ thống công trình thủy lợi đối với môi trường sinh thái, sạt lở bờ kênh trong hệ thống thủy lợi như ở các huyện Trần Văn Thời (Cà Mau), U Minh Thượng (Kiên Giang)…  + Bổ sung, làm rõ tình hình thực hiện quy hoạch thủy lợi thời kỳ trước làm căn cứ xác định mục tiêu, nội dung, phương án, giải pháp thực hiện trong kỳ quy hoạch; bổ sung số liệu quan trắc môi trường, diễn biến chất lượng môi trường và các hoạt động xả nước thải vào các hệ thống thủy lợi ở vùng đồng bằng, đánh giá tác động của các giải pháp và công trình tiêu thoát nước trong các hệ thống thủy lợi ở vùng đồng bằng sông Cửu Long. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình như sau:**  Tiếp thu, bổ sung nội dung đánh giá về tính linh hoạt của hệ thống thủy lợi “*Phần nhiều các cống vùng ven biển được thiết kế với cửa van đóng mở tự động, cống có khẩu diện nhỏ hơn nhiều so với mặt cắt ướt của kênh, sông tự nhiên, nhiều cống được thiết kế một chiều tiêu. Do vậy, công trình không đáp ứng đa mục tiêu, ảnh hưởng bất lợi đến môi trường, giao thông thủy, đến xói lở lòng dẫn, không đáp ứng yêu cầu chuyển đổi cơ cấu sản xuất”*  Nội dung sạt lở hệ thống sông kênh thuộc nội dung đánh giá tình hình thiên tai trong mục 1.3.2.  Đánh giá tình hình thực hiện quy hoạch thủy lợi thời kỳ trước: đã thực hiện trong mục 1.3.3.1  Số liệu về quan trắc môi trường, diễn biến chất lượng môi trường, tác động của các giải pháp thủy lợi…: đây là các nội dung của Đánh giá môi trường chiến lược, đã được thực hiện đầy đủ. |  |
| 33 | Tại Chương 2 đề nghị:  - Rà soát, đảm bảo tính toán đầy đủ các thay đổi về tình hình khai thác, sử dụng nước của các quốc gia thượng nguồn lưu vực sông Mê Công tại các Kịch bản phát triển.  - Nguồn nước đến năm 2030 và 2050 trong các Kịch bản không thay đổi (ví dụ 40,3 tỷ m3) là chưa hợp lý. Thêm vào đó, các kịch bản này chưa gắn với thay đổi phát triển thượng nguồn giai đoạn 2030 và 2050. Đề nghị xem xét điều chỉnh, làm rõ.  - Kịch bản nguồn nước chủ yếu lấy số liệu tại Kratie là chưa đầy đủ, đề nghị xem xét bổ sung thêm lượng trữ tại Biển Hồ, các kịch bản khí tượng (mưa, bốc hơi), kịch bản sử dụng nước ở phía Campuchia. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình như sau:**  Quy hoạch thủy lợi lưu vực sông Cửu Long lấy điểm đầu của lưu vực là trạm Kratie làm biên để tính toán. Kết quả lựa chọn kịch bản nguồn nước tính toán đã được nghiên cứu, kế thừa từ các kết quả nghiên cứu đã có, đặc biệt là nghiên cứu của Ủy hội sông Mê Công.  Với Kịch bản phát triển nhanh bền vững: Tổng lượng nước về Kratie với tần suất 85% là 40,3 tỷ m3 cả giai đoạn 2030 và 2050. Lựa chọn tổng lượng nước mùa khô không thay đổi do đã xem xét, đánh giá tác động tổng hợp của 2 yếu tố ảnh hưởng đến nguồn nước: biến đổi khí hậu (làm lượng mưa mùa khô giảm) và chức năng điều tiết của các hồ chứa thượng lưu (làm tăng lượng nước vào mùa khô).  Kịch bản nguồn nước này cũng đã được đề xuất, tính toán trong Quy hoạch phòng chống thiên tai và thủy lợi (Quyết định 847/QĐ-TTg).  Lựa chọn Kratie làm biên tính toán do đây là điểm bắt đầu của lưu vực, qua Kratie nguồn nước sẽ qua Biển Hồ điều tiết lại (mùa lũ chảy vào, mùa kiệt chảy ra), cùng với những khoảng lũ chảy tràn phía Campuchia sẽ làm thay đổi phân bố dòng chảy lũ về đồng bằng. Nếu lựa chọn biên tính toán ở Tân Châu, Châu Đốc sẽ không mô phỏng được các yếu tố trên.  Trong Kịch bản cực đoan, quy hoạch cũng đã đưa việc xây dựng công trình kiểm soát Biển Hồ vào để kiểm tra, đánh giá kỹ hơn những ảnh hưởng có thể xảy ra với lưu vực: hạn chế bớt dòng chảy lũ chảy vào, giảm bớt dòng chảy kiệt chảy ra. |  |
| 34 | Mục 2.1.3.1 Dự báo xu thế và khả năng xảy ra thiên tai cực đoan: đề nghị bỏ Dự án Vaico ra khỏi danh sách dự án tiềm tàng, do dự án này đã hoàn thành xây dựng. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu** bỏ Dự án Vaico tại Mục 2.1.3.1, Tiêu mục 8. |  |
| 35 | Bảng 2-3 (trang 142): các kịch bản được xây dựng là tổ hợp của các nhóm yếu tố về nguồn nước, nhu cầu nước, cơ sở hạ tầng, khoa học công nghệ, quản lý vận hành. Tuy nhiên, các kịch bản phát triển nhanh - bền vững và kịch bản phát triển cao đều đưa yếu tố nguồn nước ở mức bình thường và đáp ứng đủ nhu cầu. Như vậy việc tính toán cân bằng nước để xác định lượng nước thiếu là không có ý nghĩa và không cần thiết. Mặt khác, điều này cũng mâu thuẫn với việc lấy các tần suất lưu lượng mùa kiệt 85% tại Kratie làm kịch bản nguồn nước như tại mục 2.2.1.2 và 2.2.1.3. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, bổ sung** các yếu tố nguồn nước trong kịch bản tại Bảng 2-3 Mục 2.2. |  |
| 36 | Tại mục 2.2.1.2 về kịch bản phát triển nhanh, bền vững, đầu vào nguồn nước được lấy là lưu lượng mùa kiệt 85% tại Kratie. Tại mục 2.2.1.3 về kịch bản phát triển cao, đầu vào nguồn nước được lấy là lưu lượng mùa kiệt 85% tại Kratie giảm 6% và 20% (tương ứng cho 2030 và 2050). Đề nghị làm rõ việc lấy yếu tố đầu vào nguồn nước đến ít hơn trong kịch bản phát triển cao và luận chứng cho việc sử dụng các giá trị về độ giảm 6% và 20%. Các yếu tố về nguồn nước và mức độ phát triển là độc lập nhau. Để xem xét đầy đủ các trường hợp, đối với mỗi kịch bản phát triển (nhanh-bền vững và cao) cần thiết phải tính toán với các trường hợp nước đến khác nhau (ứng với các tần suất hoặc mức độ thay đổi khác nhau để mô tả các trường hợp nước đến bình thường, ít, rất ít,…). | **Cơ quan lập quy hoạch giải trình như sau:**  Các kết quả lựa chọn biên tính toán với các kịch bản, quy hoạch đã kế thừa kết quả nghiên cứu của Ủy hội sông Mê Công:  Với kịch bản phát triển nhanh, bền vững: nguồn nước năm 2030 và 2050 giữ nguyên như giai đoạn hiện trạng do tác động tổng hợp của 2 yếu tố trái ngược nhau: BĐKH (gây bất lợi về nguồn nước: tăng lưu lượng lũ trong mùa mưa, giảm lưu lượng mùa khô) và các công trình trữ nước thượng lưu nếu vận hành bình thường (cắt bớt lũ trong mùa mưa, xả thêm nước trong mùa khô).  Với kịch bản phát triển cao và kịch bản cực đoan: giả thiết các yếu tố nguồn nước diễn biến bất lợi hơn, thêm các công trình chuyển nước lưu vực, thêm các công trình sử dụng nước… nên lựa chọn kịch nguồn nước về lưu vực cũng thiên về bất lợi: tăng lưu lượng mùa lũ, giảm lưu lượng mùa kiệt (tương ứng theo từng giai đoạn). |  |
| 37 | Yếu tố về nguồn nước trong các kịch bản được lấy theo lưu lượng đến Kratie, vậy các kịch bản có xét đến các yếu tố trong khu vực từ Kratie đến lưu vực sông Cửu Long (Tân Châu, Châu Đốc) hay không. | **Cơ quan lập quy hoạch giải trình như sau:**  Quy hoạch đã xây dựng mô hình thủy lực lưu vực sông để tính toán các trường hợp, với biên trên là lưu lượng tại Kratie, biên dưới là mực nước tại các trạm ven biển. Mô hình bao gồm toàn bộ hệ thống sông, kênh, công trình đã có hoặc dự kiến, các yếu tố dùng nước, mưa trên lưu vực… đều được tích hợp trong mô hình. |  |
| 38 | Làm rõ việc đánh giá, dự báo xu thế biến động tài nguyên nước theo Kịch bản nào của Kịch bản biến đổi khí hậu năm 2020, số liệu sử dụng để đánh giá, dự báo. | **Cơ quan lập quy hoạch giải trình như sau:**  Kịch bản phát triển nhanh, bền vững: sử dụng kịch bản phát thải trung bình RCP 4.5  Kịch bản phát triển cao và Kịch bản cực đoan: sử dụng kịch bản phát thải cao RCP 8.5. |  |
| 39 | Bổ sung việc đánh giá, dự báo xu thế biến động tài nguyên nước đối với các sông, kênh trong nội vùng Đồng bằng sông Cửu Long, báo cáo tổng hợp chỉ đưa ra các nhận định, đánh giá về biến động dòng chảy, lượng nước bên ngoài lưu vực (mục 2.1.2 Chương 2 Báo cáo tổng hợp). | **Cơ quan lập quy hoạch giải trình như sau:**  Nguồn nước của hệ thống sông, kênh nội vùng ĐBSCL được phân tích, đánh giá thông qua các kết quả mô hình thủy lực của toàn lưu vực, trong đó có đánh giá đầy đủ khả năng chuyển tải nước của hệ thống sông, kênh, diễn biến lưu lượng, mực nước tại các vị trí xây dựng cống, khả năng bảo đảm cấp nước của các hệ thống thủy lợi… |  |
| 40 | - Xem xét bổ sung phân tích, dự báo xu thế, đánh giá diễn biến dòng chảy trong quá khứ đến hiện tại, đặc biệt là những năm gần đây liên tục xảy ra các tình hình thời tiết cực đoan.  - Làm rõ các kịch bản biến đổi khí hậu, bổ sung phân tích kịch bản nước biển dâng, kịch bản nhiệt độ để đánh giá những tác động tiêu cực đến dòng chảy, đặc biệt là tiêu thoát lũ, gia tăng xâm nhập mặn. Đối với kịch bản nguồn nước cần làm rõ vì sao lại chọn tại trạm Kratie để tính toán nguồn nước, trong khi nguồn nước vùng đồng bằng sông Cửu Long còn chịu tác động của hồ Tonle Sap, triều,…. | **Cơ quan lập quy hoạch giải trình như sau:**  Kịch bản Biến đổi khí hậu đã được quy hoạch tích hợp vào trong mô hình thủy lực toàn lưu vực, cụ thể:  Kịch bản nước biển dâng: đưa vào biên mực nước tại các trạm ven biển.  Kịch bản thay đổi mưa: đưa vào yếu tố biến động lượng mưa trên lưu vực.  Kịch bản thay đổi nhiệt độ: gắn vào lượng bốc hơi.  Lựa chọn tại trạm Kratie để tính toán: vấn đề này đã giải trình phần trên. |  |
| 41 | Chương 4: Đề nghị thống nhất sử dụng cụm từ “thủy lợi lưu vực sông Cửu Long” trong các nội dung có liên quan của báo cáo và đề mục của chương này | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, chỉnh sửa như sau:**  Tiếp thu, chỉnh sửa tiêu đề Chương IV thành *“Chương IV: Quan điểm và mục tiêu phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng thủy lợi”* |  |
| 42 | Tại Mục 4.1. Quan điểm phát triển thủy lợi lưu vực sông Cửu Long: đề nghị xem xét bổ sung các quan điểm, nguyên tắc phát triển thủy lợi được quy định trong Điều 3, Luật thủy lợi như sau: Phù hợp với nguyên tắc quản lý tổng hợp tài nguyên nước; thống nhất theo lưu vực sông, hệ thống công trình thủy lợi, kết hợp theo đơn vị hành chính, phục vụ đa mục tiêu. Đồng thời bổ sung quan điểm về sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả như quy định trong Quyết định số 174/QĐ-TTg ngày 06 tháng 3 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Cửu Long. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình như sau:**  Như đã giải trình ở phần trên, nội dung quy hoạch thủy lợi được thực hiện theo Luật số 35/2018/QH14 và Thông tư số 11/2020/TT-BNNPTNT.  Tiếp thu, bổ sung quan điểm phù hợp với nguyên tắc quản lý tổng hợp tài nguyên nước; thống nhất theo lưu vực sông, hệ thống công trình thủy lợi, kết hợp theo đơn vị hành chính, phục vụ đa mục tiêu.  Vớiquan điểm về sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả: trong dự thảo đã có nội dung này: “…chủ động khai thác, sử dụng hiệu quả nguồn nước ngọt, nước lợ, nước mặn, bảo đảm an ninh nguồn nước”. |  |
| 43 | Chương 5: Đề nghị xem xét sử dụng một hệ thống phân vùng phù hợp với các Quyết định số 287/QĐ-TTg ngày 28/02/2022 và số 174/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. | **Cơ quan lập quy hoạch giải trình như sau:**  Quy hoạch thủy lợi lưu vực sông Cửu Long cũng phân lưu vực thành 3 vùng: vùng ngọt, vùng ngọt-lợ và vùng mặn, cơ bản phù hợp với Quyết định số 287/QĐ-TTg và Quyết định số 174/QĐ-TTg |  |
| 44 | Tại Mục 5.1 Định hướng chung: đối với vùng ngọt-lợ, việc canh tác có sự chuyển đổi giữa các mô hình sản xuất, đo đó đề nghị xem xét bổ sung định hướng phát triển hệ thống thủy lợi phải có tính linh hoạt nhằm đảm bảo việc chuyển đổi sản xuất trong vùng này được dễ dàng theo điều kiện nguồn nước hàng năm và nhu cầu phát triển. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, chỉnh sửa như sau:**  Tiếp thu, chỉnh sửa thống nhất định hướng cho vùng ngọt- lợ: Phát triển các hệ thống thủy lợi có tính linh hoạt nhằm đảm bảo việc chuyển đổi sản xuất trong vùng này được dễ dàng theo điều kiện nguồn nước và nhu cầu phát triển. |  |
| 45 | - Về tính toán cân bằng nước tại Mục 5.2:  + Trong tính toán cân bằng nước chưa thấy đề cập sử dụng nguồn nước dưới đất, đề nghị bổ sung, làm rõ.  + Đề nghị bổ sung sơ đồ tính toán, phương pháp, công cụ tính toán, các trường hợp/phương án tính toán, số liệu đầu vào, kết quả tính toán lượng nước thiếu theo từng khu thủy lợi hoặc vùng cân bằng theo tháng, theo đối tượng sử dụng nước và thể hiện qua các bảng biểu, bản đồ, biểu đồ để thuận tiện cho việc phân tích, đánh giá;  + Làm rõ việc sử dụng các nguồn nước trong tính toán cân bằng nước như thế nào, trong đó bao gồm nguồn nước mặt nội sinh trên lưu vực, nguồn nước mặt chảy vào từ Campuchia, và nguồn nước dưới đất;  + Làm rõ các phương án tính toán PA0-2030, PA-2030 là gì, đầu vào của các phương án này là như thế nào.  + Làm rõ các giải pháp, phương án để bù đắp lượng nước thiếu đã xác định thông qua tính toán cân bằng nước.  + Bổ sung đơn vị trong bảng 5-6 về Kết quả tính toán cân bằng nước mùa khô cho các trường hợp. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình như sau:**  Trong tính toán cân bằng nước, đơn vị lập quy hoạch luôn tuân thủ quy trình tính toán trên cơ sở xem xét cân bằng giữa nhu cầu dùng nước theo không gian (vùng, hệ thống thủy lợi, hoặc tỉnh) theo thời gian (các tháng trong năm) với tổng lượng nước đến (tổng lượng khả năng đáp ứng – đã bao gồm tổng lượng dòng chảy mặt từ ngoài biên giới vào Việt Nam, tổng lượng nước mặt nội sinh, tổng lượng nước dưới đất)  Nội dung tính toán nhu cầu nước, cân bằng nước là một nội dung thuộc báo cáo Chuyên đề Tính toán cấp nước, tiêu thoát nước, phòng chống lũ. Phần trình bày chi tiết về phương pháp tính, kết quả tính cân bằng nước được trình bày trong báo cáo chuyên đề. Do đó, trong báo cáo tổng hợp chỉ tổng hợp những kết quả chính của tính toán cân bằng nước, và dành khối lượng trình bày cho các nội dung quan trọng khác nữa.  Như đã giải trình ở trên, trong tính toán cân bằng nước, tổng lượng nước đến được tính toán phải bao gồm tổng lượng dòng chảy mặt từ ngoài biên giới vào Việt Nam, từ nguồn nước mặt nội sinh và từ nguồn nước dưới đất.  Phương án tính toán cân bằng nước PA0-2030 được hiểu và tính toán với điều kiện là: Công trình như hiện trạng, Nhu cầu nước đến năm 2030 và Nguồn nước đến năm 2030; PA-2030 được hiểu và tính toán với điều kiện Phương án công trình (bổ sung xây mới, nâng cấp cải tạo công trình hiện có) đến năm 2030, Nhu cầu nước đến năm 2030 và Nguồn nước đến năm 2030.  Thông qua tính toán cân bằng nước sẽ xác định được tổng lượng thừa, thiếu nước theo từng thời đoạn, từ đó làm cơ sở cho việc đề xuất giải pháp công trình, giải pháp vận hành công trình nhằm khai thác, điều tiết nguồn nước đảm bảo cung cấp đủ nước cho từng hệ thống. Phần nội dung giải pháp, phương án này được trình bày chi tiết ở mục 5.2.3. Phương án cấp nước, kiểm soát mặn cho các vùng thuộc Chương 5 và Chương 6. Các giải pháp thủy lợi, Danh mục công trình, dự án ưu tiên đầu tư.  Với ý kiến này, Đơn vị lập Quy hoạch tiếp thu, bổ sung đơn vị tính “triệu m3” trong tiêu đề của Bảng 5-6. |  |
| 46 | - Về tính nhu cầu nước tại Mục 5.2: việc xác định nhu cầu sử dụng nước cần dựa trên nhu cầu của các ngành khai thác, sử dụng được xác định trong Quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long và các quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Tuy nhiên, báo cáo tổng hợp Quy hoạch chưa làm rõ việc tính toán các nhu cầu khai thác, sử dụng nước của các ngành, lĩnh vực, địa phương trong vùng đồng bằng sông Cửu Long. Đề nghị bổ sung và làm rõ trên cơ sở các định hướng và kịch bản phát triển trong các quy hoạch nêu trên. Đồng thời, bổ sung làm rõ:  + Phương án cấp nước cho sinh hoạt, sản xuất công nghiệp trong đó có đề xuất đến năm 2025 thực hiện xây dựng 6 nhà máy cấp nước lớn là khó khả thi, đề nghị xem xét điều chỉnh.  + Nhu cầu nước được tính toán đến năm 2030 (Bảng 5-5, trang 168) nhưng không nêu rõ cho kịch bản nào, đề nghị bổ sung làm rõ. Đồng thời, đối với tính toán nhu cầu sử dụng nước (mục 1.1.1.1. trang 165-166) cần rà soát như sau:  + Việc áp dụng Tiêu chuẩn xây dựng số 04/2008/QĐ-BXD làm cơ sở và căn cứ để xác định định mức dùng nước là không phù hợp do hiện nay đã có Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng Ban hành QCVN 01:2021/BXD quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng.  + Nghị định số 72/2001/NĐ-CP ngày 05/10/2001 của Chính phủ về việc phân loại đô thị và cấp quản lý đô thị không còn hiệu lực thi hành.  + Nước dùng cho chăn nuôi được xác định theo tiêu chuẩn TCVN 4454-1987 là không phù hợp do tiêu chuẩn này đã được thay thế bằng tiêu chuẩn TCVN 4454:2012 Quy hoạch xây dựng nông thôn - Tiêu chuẩn thiết kế.  + Dẫn chiếu TCXDVN 33:2006 của Bộ Xây dựng làm tiêu chuẩn lấy nước dùng cho công nghiệp là không phù hợp do hiện nay đã ban hành Tiêu chuẩn TCVN 13606:2023 Cấp nước - Mạng lưới đường ống và công trình - Yêu cầu thiết kế. Ngoài ra có thể tham khảo áp dụng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng QCVN 01:2021/BXD theo các quy hoạch tổng hợp lưu vực sông đã và đang áp dụng để tính toán dự báo nhu cầu sử dụng nước cho công nghiệp. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, chỉnh sửa như sau:**  Thời kỳ lập quy hoạch thủy lợi lưu vực sông Cửu Long trùng với thời kỳ lập quy hoạch vùng ĐBSCL, quy hoạch các tỉnh ở vùng ĐBSCL, do đó các thông tin, tài liệu, dữ liệu liên quan đều được đơn vị lập quy hoạch rà soát, cập nhật, trong có có các dữ liệu về các ngành dùng nước (quy mô của đối tượng dùng nước, như: cấp nước sinh hoạt – quy mô dân số; cấp nước công nghiệp – diện tích các khu, cụm công nghiệp; cấp nước cho chăn nuôi – quy mô đàn gia súc, gia cầm; cấp nước cho trồng trọt – quy mô diện tích các loại cây trồng, lịch thời vụ; cấp nước cho nuôi trồng thuỷ sản ngọt, lợ - diện tích theo đối tượng nuôi, thời vụ nuôi). Trong đó thống nhất số liệu hiện trạng được cập nhật theo Niên giám thống kê năm 2023; phần định hướng phát triển lấy theo nội dung phương án phát triển ngành trong quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt cho 13 tỉnh, thành vùng ĐBSCL.  Việc đề xuất xây dựng 06 Nhà máy cấp nước lớn cho 3 vùng ở ĐBSCL được cập nhật theo Quyết định số 287/QĐ-TTg ngày 28/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch vùng ĐBSCL thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050 và Quyết định số 287/QĐ-TTg ngày 02/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch cấp nước vùng ĐBSLC đến năm 2030, tầm nhìn đến 2050. Hai quyết định này mới được phê duyệt và đang có hiệu lực.  Trong Bảng 5-5 tính nhu cầu nước đến năm 2030, được tính toán cho kịch bản bền vững. Đơn vị lập Quy hoạch tiếp thu và bổ sung “Kịch bản bền vững” vào trong tiêu đề Bảng 5-5.  Với ý kiến này Đơn vị lập Quy hoạch tiếp thu, chỉnh sửa định mức dùng nước áp dụng Quy chuẩn QCVN 01:2021/BXD cho tính toán nhu cầu nước sinh hoạt, sản xuất công nghiệp;  Bỏ nội dung “Nghị định số 72/2001/NĐ-CP ngày 05/10/2001 của Chính phủ về việc phân loại đô thị và cấp quản lý đô thị” trong thuyết minh báo cáo tổng hợp – tại Bảng 5-2: Chỉ tiêu cấp nước sinh hoạt, sản xuất công nghiệp;  Điều chỉnh áp dụng Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 4454:2012-Quy hoạch xây dựng nông thôn – Tiêu chuẩn thiết kế để tính toán nhu cầu dùng nước cho ngành chăn nuôi (tại bảng 5-3: Tiêu chuẩn dùng nước của một số loại gia súc, gia cầm) thay thế cho tiêu chuẩn TCVV 4454:1987 như trong dự thảo.  Quy hoạch đã điều chỉnh tiêu chuẩn nước dùng cho công nghiệp áp dụng QCVN 01:2021/BXD. |  |
| 47 | Chương 6: Rà soát danh mục các công trình thủy lợi trong dự thảo hồ sơ quy hoạch, đảm bảo nhiệm vụ của các công trình phù hợp với phân vùng chức năng nguồn nước theo quy định tại Quyết định số 174/QĐ-TTg ngày 06/3/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Cửu Long thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. | **Cơ quan lập quy hoạch giải trình như sau:**  Danh mục các công trình đề xuất trong quy hoạch bảo đảm phù hợp với phân vùng chức năng nguồn nước theo quy định tại Quyết định số 174/QĐ-TTg. |  |
| 48 | Đối với đề xuất giải pháp công trình chuyển nước cho vùng Bán đảo Cà Mau là “Cống sông Đốc vận hành rút mặn trên sông Ông Đốc để tạo thành trục nước ngọt. Trạm bơm Tắc Thủ bơm nước ngọt vào trục Sông Đốc, từ đó các tiểu vùng chuyển đổi của vùng Nam Cà Mau (Tiểu vùng I, II, III, IV) có thể lấy nước phục vụ sản xuất lúa...”: Cần nghiên cứu kỹ lưỡng để đảm bảo phù hợp với quy hoạch vùng theo các Quyết định số 287/QĐ-TTg và Quyết định số 174/QĐ-TTg, đồng thời làm rõ tính khả thi của đề xuất, đặc biệt là xem xét yếu tố địa hình. | **Cơ quan lập quy hoạch giải trình như sau:**  Các tiểu vùng I, II, III, IV Nam Cà Mau thuộc vùng sinh thái mặn (theo Quyết định số 287/QĐ-TTg và Quyết định số 174/QĐ-TTg). Tuy nhiên theo Quy hoạch tỉnh Cà Mau thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quyết định số 1386/QĐ-TTg), đến năm 2030 các tiểu vùng này sẽ sản xuất theo mô hình tôm – lúa. Giải pháp công trình chuyển nước cho vùng Bán đảo Cà Mau nhằm mục tiêu cấp nước ngọt cho vụ trồng lúa, cấp nước nhạt (độ mặn thấp) phục vụ pha loãng cho vụ nuôi tôm. Giải pháp này sẽ phục vụ nhu cầu sản xuất thiết thực của địa phương, và ngay cả khi tỉnh Cà Mau chuyển vùng này lại thành vùng mặn thì việc cấp nước cho pha loãng vẫn là rất cần thiết. |  |
| 49 | Đề nghị xem xét bổ sung vào Báo cáo Danh mục dự án ưu tiên. | **Cơ quan lập quy hoạch giải trình như sau:**  Danh mục dự án ưu tiên đã được nêu trong Phụ lục VIII của Báo cáo tổng hợp. |  |
| 50 | Báo cáo tổng hợp Quy hoạch xác định việc Campuchia xây dựng kênh Phù Nam có nguy cơ làm giảm 30% lưu lượng nước đổ về sông Hậu trong mùa kiệt. Đề nghị làm rõ cơ sở của đánh giá này. Mặt khác, nếu lượng nước đổ về đồng bằng sông Cửu Long từ các nước trong tiểu vùng sông Mê Công suy giảm cần làm rõ các đánh giá và tính toán về lượng nước trong lưu vực (lượng nước từ các nước thượng lưu trong tiểu vùng và lượng nước nội địa) với các nhu cầu sử dụng nước lưu vực sông Cửu Long. | **Cơ quan lập quy hoạch giải trình như sau:**  Quy hoạch đã tính toán, đánh giá ảnh hưởng của kênh đào Phù Nam đến nguồn nước của ĐBSCL, cụ thể:  Mùa kiệt, lưu lượng bình quân về trạm Tân Châu giảm từ 50 - 95 m3/s (1,3 - 2,3%); qua trạm Châu Đốc giảm từ 12,6 - 57,9 m3/s (4,2 - 6,9%).  Mùa lũ Qmax về trạm Tân Châu giảm từ 36 - 93 m3/s (0,1 - 0,5%); qua trạm Châu Đốc giảm từ 50 - 170 m3/s (0,6 - 3,6%).  Như vậy, tác động của kênh nếu chỉ vận hành giao thông thủy là không lớn, nếu tính cho cả các mục đích khác thì lưu lượng khai thác có thể lên đến 150 m3/s (3-4% lưu lượng trung bình), sẽ tác động nhiều hơn đến tình trạng hạn hán và xâm nhập mặn của ĐBSCL. |  |
| 51 | Cần tính toán và phân tích các xung đột về các mục tiêu của Quy hoạch đối với các định hướng, giải pháp cấp nước, kiểm soát lũ, chống ngập úng và khống chế mặn. | **Cơ quan lập quy hoạch giải trình như sau:**  Các giải pháp thủy lợi đề xuất có thể dẫn tới một số xung đột, tác động bất lợi đến vùng khác như:  Xây dựng đê bao, kiểm soát lũ vùng thượng nguồn có thể gây dâng nước vùng giữa.  Gia tăng chuyển nước có thể gây mặn xâm nhập sâu hơn trên dòng chính.  Các công trình thủy lợi không phục vụ được cho các vùng sản xuất do hiện vẫn còn những vùng sản xuất đan xen giữa ngọt, lợ, mặn.  Các xung đột, tác động không mong muốn này cũng đã được quy hoạch xem xét, đánh giá mức độ ảnh hưởng và có những giải pháp giảm thiểu tác động. |  |
| 52 | Bổ sung đánh giá chất lượng nước mặt trên các sông, kênh theo số liệu của các trạm quan trắc môi trường quốc gia đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 224/QĐ-TTg ngày 07 tháng 3 năm 2024. | **Cơ quan lập quy hoạch giải trình như sau:**  Nội dung đánh giá chất lượng nước mặt trên các sông, kênh: đã thực hiện trong nội dung Đánh giá môi trường chiến lược. |  |
| 53 | Quy hoạch dự kiến đầu tư xây dựng, nâng cấp các công trình, hệ thống thủy lợi. Đề nghị làm rõ phạm vi, quy mô dự kiến về diện tích đất, rừng bị chiếm dụng để thực hiện theo danh mục công trình, dự án ưu tiên. | **Cơ quan lập quy hoạch giải trình như sau:**  Đối với danh mục xây mới, nâng cấp các công trình thủy lợi, quy hoạch đã có tính toán yêu cầu sử dụng đất, trong đó không có sử dụng đất rừng. |  |
| 54 | Trong danh mục các hồ điều hòa (Phụ lục VI.5), đề nghị lý giải việc xác định quy mô các hồ theo m3/h, không xác định theo dung tích và diện tích chiếm dụng. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, chỉnh sửa như sau:**  Tiếp thu, chỉnh sửa đơn vị của cột quy mô các hồ điều hòa tại Phụ lục V.5 là m3. |  |
|  | **VỀ DỰ THẢO TỜ TRÌNH** |  |  |
| 55 | Đề nghị xem xét các ý kiến góp ý cho phần Dự thảo Báo cáo tổng hợp, Dự thảo Quyết định và Dự thảo Báo cáo đánh giá tác động môi trường để bổ sung chỉnh sửa Dự thảo tờ trình cho đồng bộ. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, chỉnh sửa như sau:**  Tiếp thu, chỉnh sửa các ý kiến góp ý cụ thể trên tại Dự Tờ trình và Quyết định. |  |
| 56 | Đề nghị xem xét bổ sung thông số kỹ thuật dự kiến của công trình, mức đầu tư vào Phụ lục IX. Danh mục các công trình ưu tiên | **Cơ quan lập quy hoạch giải trình như sau:**  Thông số kỹ thuật, và kinh phí đầu của các công trình ưu tiên đã thể hiện tại các Phụ lục I-VI. |  |
|  | **VỀ BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ MÔI TRƯỜNG CHIẾN NƯỚC (ĐMC)** |  |  |
| 57 | **Mở đầu:**  Rà soát bỏ các văn pháp quy phạm pháp luật đã hết hiệu lực như: Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, ĐMC, đánh giá tác động môi trường (ĐTM) và kế hoạch bảo vệ môi trường; Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP; Thông tư liên tịch số 50/2012/TTLT-BTCBTNMT ngày 30/3/2012 của Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường Hướng dẫn cơ chế tài chính và mức kinh phí lập báo cáo đánh giá môi trường chiến lược (thay thế bằng Thông tư số 01/2024/TT-BTNMT ngày 02/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định định mức cho hoạt động thực hiện đánh giá môi trường chiến lược của quy hoạch). | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, chỉnh sửa như sau:**  Tiếp thu bỏ các văn bản đã hết hiệu lực gồm: Nghị định số 18/2015/NĐ-CP; Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT;  Đối với Thông tư liên tịch số 50/2012/TTLT-BTCBTNMT ngày 30/3/2012 của Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường Hướng dẫn cơ chế tài chính và mức kinh phí lập báo cáo đánh giá môi trường chiến lược (thay thế bằng Thông tư số 01/2024/TT-BTNMT ngày 02/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định định mức cho hoạt động thực hiện đánh giá môi trường chiến lược của quy hoạch), tuy nhiên vào thời điểm lập dự toán thực hiện ĐMC năm 2021, Thông tư số 50/2012/TTLT-BTCBTNMT chính là căn cứ pháp lý, do đó khi thực hiện ĐMC cho Quy hoạch này vẫn cần đối chiếu theo thông tư 50/2012/TTLT-BTCBTNMT. |  |
| 58 | Bổ sung các Nghị quyết, Quyết định phê duyệt các quy hoạch thời kỳ 2021 -2030, tầm nhìn đến năm 2050 có liên quan, trong đó có Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, Quy hoạch tài nguyên nước quốc gia, Quy hoạch tổng thể quan trắc môi trường quốc gia. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, chỉnh sửa như sau**:  Tiếp thu bổ sung các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ vào Mục 2.1.4: Quyết định số 611/QĐ-TTg ngày 08/7/2024 phê duyệt Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 1622/QĐ-TTg ngày 27/12/2022 phê duyệt Quy hoạch tài nguyên nước thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 224/QĐ-TTg ngày 07/3/2024 phê duyệt Quy hoạch tổng thể quan trắc môi trường quốc gia giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. |  |
| 59 | Tại Mục 2.1.4. Các văn bản pháp luật khác (trang 6): đề nghị bổ sung Quyết định 1055/QĐ-TTg ngày 20/7/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu,** **bổ sung** Quyết định số 1055/QĐ-TTg ngày 20/7/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 vào Mục 2.1.4. |  |
| 60 | Chương 1: Bổ sung mối quan hệ của Quy hoạch được đề xuất với các quy hoạch có liên quan. Trong đó có Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quy hoạch tổng thể quan trắc môi trường quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; quy hoạch các tỉnh trong vùng đồng bằng sông Cửu Long. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, bổ sung** mối quan hệ của quy hoạch thủy lợi lưu vực sông Cửu Long với Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Quy hoạch tổng thể quan trắc môi trường quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và quy hoạch các tỉnh trong vùng đồng bằng sông Cửu Long. |  |
| 61 | **Chương 2:** Bổ sung phạm vi không gian ngoài lưu vực chịu tác động bởi nguồn nước xuyên biên giới từ các nước thượng lưu tiểu vùng sông Mê Công và rà soát lại thời gian của chuỗi số liệu nghiên cứu trong quá khứ của quá trình thực hiện ĐMC. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, chỉnh sửa:**  Tiếp thu, bổ sung phạm vi không gian ngoài lưu vực chịu tác động bởi nguồn nước xuyên biên giới tại Mục 2.2.1.  Tiếp thu, rà soát, bổ sung chuỗi số liệu nghiên cứu trong quá khứ tại Mục 2.2.1. |  |
| 62 | Báo cáo phân tích, đánh giá và so sánh chất lượng môi trường đất, nước, không khí theo các QCVN năm 2015 đã hết hiệu lực. Đề nghị rà soát, đánh giá trên cơ sở các QCVN được ban hành kèm theo Thông tư số 01/2023/TTBTNMT ngày 13/3/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, chỉnh sửa như sau:**  Tiếp thu, rà soát đánh giá so sánh chất lượng các thành phần môi trường (đất, nước, không khí) trên cơ sở các quy chuẩn được ban hành kèm theo Thông tư số 01/2023/TTBTNMT ngày 13/3/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và các QCVN còn hiệu lực gồm: QCVN 03:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng đất; QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí; QCVN 26:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 08:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt; QCVN 09:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất; QCVN 10:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước biển tại Mục 2.2.1 |  |
| 63 | **Chương 3:** Bổ sung các quan điểm, mục tiêu về bảo vệ môi trường trong Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 611/QĐ-TTg ngày 08/7/2024; Quy hoạch tổng thể quan trắc môi trường quốc gia giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 224/QĐ-TTg ngày 07/3/2024. Bổ sung đánh giá sự phù hợp của Quy hoạch với các quan điểm, mục tiêu về bảo vệ môi trường trong các quy hoạch nói trên. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, bổ sung** các quan điểm, mục tiêu về bảo vệ môi trường tại quy hoạch quốc gia về môi trường và thực hiện đánh giá sự phù hợp của Quy hoạch thủy lợi lưu vực sông Cửu Long với các quan điểm, mục tiêu về bảo vệ môi trường tại các quy hoạch quốc gia về môi trường |  |
| 64 | Các vấn đề môi trường được nhận diện trên cơ sở định hướng và giải pháp của Quy hoạch cơ bản là phù hợp. Tuy nhiên, việc nhận định các vấn đề môi trường chính cần được phân tích, đánh giá và rà soát lại trên cơ sở tác động của Quy hoạch đến điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, đặc điểm địa chất, thổ nhưỡng của vùng quy hoạch trong đó có vấn đề về đất phèn, tác động đến thảm phủ, đa dạng sinh học… của các giải pháp trong Quy hoạch. | **Cơ quan lập quy hoạch giải trình như sau:**  Để xác định được các vấn đề môi trường chính, tư vấn đã xác định và liệt kê tất cả các tác động tích cực và tiêu cực bởi Quy hoạch tới các thành phần môi trường, bao gồm môi trường tự nhiên như: đất đai, nguồn nước (số lượng và chất lượng), thủy sinh, thảm phủ..., môi trường kinh tế - xã hội (như sản xuất nông nghiệp, giao thông, sinh kế, tái định cư...) tại Bảng 3 - 5, được tổng hợp dựa trên kinh nghiệm, các tài liệu nghiên cứu, báo cáo, ý kiến chuyên gia. Từ những tác động này, tư vấn xác định được một số tác động chính, phương pháp ma trận đơn giản được sử dụng để đánh giá định tính sơ bộ mức độ của các tác động đó và đưa ra mức độ ưu tiên của chúng, bao gồm mức độ bị tác động bởi quy hoạch, mức độ quan tâm của quy hoạch tới vấn đề môi trường, sự phù hợp của vấn đề đó với các quan điểm, mục tiêu bảo vệ môi trường, mối liên quan giữa vấn đề xem xét với các vấn đề môi trường hiện tại, có tác động tích lũy với sự phát triển kinh tế, xã hội, mức độ gia tăng của vấn đề bởi yếu tố thượng nguồn và biến đổi khí hậu, nước biển dâng tại Bảng 3-6. Qua đánh giá này, xác định được các vấn đề có mức độ liên quan nhiều nhất tới các hoạt động của quy hoạch và các tiêu chí đã nêu trên, những vấn đề này là các vấn đề môi trường chính cần quan tâm, đánh giá chi tiết. Ngoài ra, các vấn đề môi trường đã được tham vấn ý kiến của các bên có liên quan (Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh và các một số đơn vị của Bộ Nông nghiệp và PTNT) |  |
| 65 | Nội dung đánh giá, dự báo xu hướng của các vấn đề môi trường chính trong trường hợp không thực hiện và thực hiện Quy hoạch cần được rà soát lại trên cơ sở nhận diện đầy đủ các tác động của các định hướng và giải pháp Quy hoạch. Phần đánh giá, dự báo xu hướng của các vấn đề môi trường chính trong trường hợp không thực hiện Quy hoạch có các nội dung được phân tích theo trường hợp thực hiện Quy hoạch, cần xem xét lại cho phù hợp. | **Cơ quan lập quy hoạch giải trình như sau:**  Khi thực hiện đánh giá, dự báo xu hướng các vấn đề môi trường chính trong trường hợp không thực hiện Quy hoạch (PA0) và trong trường hợp thực hiện Quy hoạch, việc phân tách hoàn toàn các định hướng và giải pháp quy hoạch trong 2 trường hợp là rất khó. Bởi nếu không có Quy hoạch thủy lợi lưu vực sông Cửu Long thì đã có những quy hoạch khác được phê duyệt và Quy hoạch thủy lợi lưu vực sông Cửu Long lại có tính kế thừa (có chọn lọc) những quy hoạch đã có. Mục 3.3.1 và 3.3.2 đã xác định và tóm tắt các tiềm năng chính tác động tới môi trường lưu vực sông Cửu Long trong PA0 tại các Quy hoạch đã được phê duyệt, đồng thời phân tích rõ các lựa chọn định hướng cho PA0. |  |
| 66 | Đánh giá, dự báo tác động của các kịch bản biến đổi khí hậu đối với Quy hoạch cần bám sát vào các định hướng được đề xuất trong Quy hoạch trên cơ sở Kịch bản biến đổi khí hậu (phiên bản năm 2020) và Báo cáo Đánh giá khí hậu quốc gia đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường công bố. | **Cơ quan lập quy hoạch giải trình như sau:**  Tại Mục 3.3.4.1 đã nêu rõ xu hướng biến đổi khí hậu ở ĐBSCL được phân tích dựa trên kịch bản biến đổi khí hậu năm 2020 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, do đó theo khuyến nghị sẽ sử dụng kịch bản RCP 8.5 đối với trường hợp xây dựng các kịch bản trước năm 2050. Xu hướng khí hậu này được sử dụng để đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến các vấn đề môi trường trường hợp PA0 (Mục 3.3.4.2) và tác động của biến đổi khí hậu tới quy hoạch (Mục 3.4.2.2). |  |
| 67 | Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy và các vấn đề còn chưa chắc chắn của các dự báo cần làm rõ các nội dung không được đề xuất trong Quy hoạch liên quan đến nguồn nước xuyên biên giới. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, bổ sung** nhận xét về các vấn đề còn chưa chắc chắn của các dự báo không được đề xuất trong quy hoạch nhưng liên quan đến nguồn nước xuyên biên giới tại Mục 3.5.2. |  |
| 68 | Tại Mục 3.4.2. Đánh giá, dự báo tác động của Quy hoạch đến biến đổi khí hậu và ngược lại (trang 176): đề nghị thực hiện đánh giá tác động, tính dễ bị tổn thương, rủi ro do biến đổi khí hậu tới thủy lợi tại lưu vực sông Cửu Long theo quy định Thông tư số 01/2022/TT-BTNMT ngày 07/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành Luật Bảo vệ môi trường về ứng phó với biến đổi khí hậu. | **Cơ quan lập quy hoạch giải trình như sau:**  Theo hướng dẫn của Thông tư số 02/02/2022/TT-BTNMT, Phụ lục II, mẫu 01b, cần đánh giá, dự báo tác động của BĐKH tới Quy hoạch, trong đó tư vấn nêu rõ, các kịch bản BĐKH (phiên bản 2020) đã được lồng ghép vào trong các bước đề xuất giải pháp, phương án quy hoạch (tác động tới bố trí số lượng, thiết kế, kết cấu, vận hành công trình). Trong đó đã phân tích, đánh giá các tác động tích cực và tiêu cực của BĐKH đối với quy hoạch theo giai đoạn 2030 và 2050. Những đánh giá này cũng phù hợp với nội dung yêu cầu của Thông tư số 01/2022/TT-BTNMT ngày 07/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Chương II, Điều 7, Khoản 6, Mục d. |  |
| 69 | Đề nghị rà soát, bổ sung, làm rõ tác động và các biện pháp giảm thiểu tác động của Quy hoạch đến cảnh quan thiên nhiên, đa dạng sinh học của lưu vực sông Cửu Long, đặc biệt là tác động của việc xây dựng các hệ thống công trình hạ tầng đối với đa dạng sinh học, các khu bảo tồn đất ngập nước và hệ sinh thái đất ngập nước của của lưu vực sông Cửu Long. | **Cơ quan lập quy hoạch giải trình như sau:**  Nội dung đánh giá tác động (tích cực và tiêu cực) của quy hoạch tới cảnh quan thiên nhiên và đa dạng sinh học, các khu bảo tồn và hệ sinh thái của lưu vực sông Cửu Long đã được thực hiện cụ thể tại Mục 3.4.1.5. |  |
| 70 | **Chương 4:** Định hướng thực hiện đánh giá tác động môi trường cần bám sát vào định hướng của Quy hoạch, trong đó lưu ý đến các danh mục dự án, công trình ưu tiên được đề xuất trong Quy hoạch và các vấn đề môi trường phát sinh khi thực hiện các dự án, công trình này. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, bổ sung** định hướng của Quy hoạch, trong đó lưu ý đến các danh mục dự án, công trình ưu tiên được đề xuất trong Quy hoạch và một số lưu ý các vấn đề môi trường phát sinh khi tiến hành lập ĐTM để thực hiện các dự án, công trình. |  |
| 71 | Chương trình quản lý và giám sát môi trường đề nghị nội dung về chế độ báo cáo định kỳ đến cơ quan phê duyệt Quy hoạch. | **Cơ quan lập quy hoạch giải trình như sau:**  Chương trình quản lý và giám sát môi trường sẽ được thực hiện cụ thể nội dung về chế độ báo cáo định kỳ đến cơ quan phê duyệt Quy hoạch khi có báo cáo ĐTM cho dự án cụ thể (danh mục ưu tiên đầu tư) tùy theo vị trí, quy mô và tác động tới môi trường của dự án. Hiện tại, cơ quan lập quy hoạch chỉ khuyến nghị chương trình giám sát môi trường định kỳ. |  |
| 72 | Tại Chương 4. Giải pháp duy trì xu hướng tích cực, giảm thiểu xu hướng tiêu cực của các vấn đề môi trường chính (trang 182): đề nghị bổ sung nội dung giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, bổ sung** nội dung giải pháp ứng phó, thích ứng với BĐKH tại Mục 4.1.3. |  |
| 73 | **Chương 5:** Đề nghị bổ sung cụ thể đối tượng tham vấn, thời gian tham vấn và cụ thể các nội dung, tổng hợp kiến nghị và giải trình các ý kiến tham vấn. | **Cơ quan lập quy hoạch giải trình như sau:**  Đối tượng tham vấn và thời gian tham vấn được trình bày trong Mục 5.1.2 (hình thức, đối tượng và thời gian tham vấn); Nội dung tham vấn và kết quả được trình bày trong mục 5.2 (kết quả tham vấn), bao gồm phần tổng hợp các ý kiến và giải trình các ý kiến tham vấn. Tư vấn đã bổ sung thêm phần tổng hợp các ý kiến và giải trình ở Mục 5.2.3 và 5.2.4. |  |
| 74 | Kết luận, kiến nghị, cam kết: Trên cơ sở các góp ý tại các nội dung như trên, cần rà soát lại phần kết luận, kiến nghị, cam kết cho phù hợp | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, chỉnh sửa** các nội dung phù hợp với các ý kiến góp ý. |  |
| **IV** | **Bộ Xây dựng (Công văn số 6319/BXD-HTKT ngày 14/11/2024)** |  |  |
| 1 | Phần Mở đầu: Tại Mục 4 đề nghị bổ sung nguyên tắc lập quy hoạch thủy lợi lưu vực sông Cửu Long cần bảo đảm phù hợp với Chiến lược Thủy lợi Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (Quyết định số 33/QĐ-TTg ngày 7/01/2020) và đồng bộ với các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành có liên quan đến vùng Đồng bằng sông Cửu Long và lưu vực sông Cửu Long). | **Cơ quan lập quy hoạch giải trình như sau:**  Chiến lược Thủy lợi Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, các quy hoạch có liên quan đến vùng ĐBSCL: Quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quyết định số 287/QĐ-TTg ngày 28/2/2022), Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Cửu Long thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quyết định 174/QĐ-TTg ngày 6/3/2023) là các căn cứ để lập Quy hoạch thủy lợi lưu vực sông, đã được nêu trong phần Căn cứ lập Quy hoạch. |  |
| 2 | Tại Chương 1, Mục 1.2: Bổ sung nội dung tổng quát về hiện trạng sử dụng đất và quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; phân tích, đánh giá việc thực hiện các chủ trương, định hướng phát triển kinh tế - xã hội và các quy hoạch ngành có liên quan đến khai thác công trình thủy lợi của các địa phương trên LVS Cửu Long. | **Cơ quan lập quy hoạch giải trình như sau:**  Hiện trạng và quy hoạch sử dụng đất của lưu vực sông Cửu Long được xác định trên cơ sở Phân bổ chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021-2025 (Quyết định 326/QĐ-TTg) và từ các quy hoạch tỉnh trong lưu vực.  Định hướng phát triển kinh tế - xã hội và các định hướng phát triển các ngành sử dụng nước đã được tổng hợp từ số liệu của Quy hoạch vùng ĐBSCL thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (QĐ 287/QĐ-TTg) và Quy hoạch các tỉnh trong lưu vực, đảm bảo phù hợp với các Quy hoạch có liên quan. |  |
| 3 | Tại Chương 1, Mục 1.3: Bổ sung phân tích, đánh giá những kết quả đạt được và khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện Quy hoạch thủy lợi đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2012-2020 và định hướng đến năm 2050 trong điều kiện biến đổi khí hậu, nước biển dâng (Quyết định số 1397/QĐ-TTg ngày 25/9/2012) làm cơ sở đề xuất các giải pháp quy hoạch thủy lợi phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo phát triển bền vững, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng. | **Cơ quan lập quy hoạch giải trình như sau:**  Việc đánh giá thực hiện Quy hoạch thủy lợi đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2012-2020 và định hướng đến năm 2050 trong điều kiện biến đổi khí hậu, nước biển dâng (Quyết định số 1397/QĐ-TTg ngày 25/9/2012) đã được đánh giá trong mục 1.3.3.1: Kết quả thực hiện các quy hoạch thời kỳ trước |  |
| 4 | Tại Chương 2 và Chương 3: Việc dự báo xu thế phát triển, xu thế nguồn nước trong bối cảnh chịu tác động của biến đổi khí hậu, nước biển dâng, thiên tai (Mục 2.1); đáng giá sự liên kết ngành, liên kết vùng (Mục 3.1) và yêu cầu phát triển thủy lợi phục vụ phát triển kinh tế - xã hội (Mục 3.3) cần được bổ sung phân tích cụ thể, đảm bảo phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội và phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật của Quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quyết định số 287/QĐ-TTg ngày 28/2/2022) và đồng bộ với dự báo xu thế biến động tài nguyên nước của Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Cửu Long thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quyết định 174/QĐ-TTg ngày 6/3/2023). | **Cơ quan lập quy hoạch giải trình như sau:**  Quy hoạch thủy lợi lưu vực sông Cửu Long là quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành, theo quy định của pháp luật thì phải tuân thủ các quy hoạch cấp trên (Quy hoạch quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh).  Các nội dung Dự báo xu thế nguồn nước, xu thế phát triển kinh tế - xã hội, của quy hoạch đã căn cứ vào Quy hoạch vùng ĐBSCL thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quyết định 287/QĐ-TTg); Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Cửu Long thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quyết định 174/QĐ-TTg), đảm bảo phù hợp với các quy hoạch đã được phê duyệt. |  |
| 5 | Mục 3.4: Bổ sung nghiên cứu, phân tích những tác động tích cực và thách thức do phát triển kinh tế - xã hội, môi trường của các địa phương, các vùng, các ngành đến phát triển thủy lợi trong phạm vi vùng quy hoạch. | **Cơ quan lập quy hoạch giải trình như sau:**  Quy hoạch đã có đánh giá những thuận lợi và khó khăn của điều kiện kinh tế - xã hội vùng ĐBSCL đối với phát triển thủy lợi của vùng (Mục 1.2.2.8) |  |
| 6 | Tại Chương 5: Mục 5.2 Việc tính toán nhu cầu dùng nước cần phân tích bổ sung dựa trên tổng hợp số liệu về định hướng, chỉ tiêu phát triển, mở rộng các khu đô thị, các khu dân cư, các khu du lịch tập trung, các khu công nghiệp và ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, nước biển dâng (hạn hán, xâm nhập mặn), ô nhiễm, suy thoái nguồn nước trên LVS Cửu Long. Đối với nhu cầu sử dụng nước cho sinh hoạt đô thị, khu công nghiệp cần áp dụng theo QCVN 01:2021/BXD-Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng (Do QCVN 01:2008/BXD nay đã hết hiệu lực) | **Cơ quan lập quy hoạch giải trình như sau:**  Tính toán nhu cầu sử dụng nước trong Quy hoạch đã căn cứ vào các định hướng phát triển của các ngành dùng nước: nông nghiệp, dân số (thành thị và nông thôn), công nghiệp...  Trong tính toán nhu cầu nước, Quy hoạch cũng đã điều chỉnh, áp dụng tiêu chuẩn QCVN 01:2021/BXD-Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng. |  |
| 7 | Mục 5.2.2: Đề nghị bổ sung phân tích cụ thể việc tính toán cân bằng nước theo tháng, mùa, năm trên LVS Cửu Long cho giai đoạn hiện tại của nguồn nước hiện tại (với các công trình điều tiết hiện có và đang xây dựng) và phát triển tương lai có tính đến các biện pháp công trình điều tiết, bổ sung dự kiến, có tính đến tác động của biến đổi khí hậu. Trong trường hợp thiếu nước, cần nghiên cứu đề xuất phương án điều chỉnh nhu cầu dùng nước hoặc đề xuất giải pháp bổ sung nguồn nước từ các lưu vực lân cận. Mặt khác, cần rà soát đảm bảo động bộ với giải pháp quản lý, điều hòa, phân bổ nguồn nước của Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Cửu Long thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quyết định 174/QĐ-TTg ngày 6/3/2023). | **Cơ quan lập quy hoạch giải trình như sau:**  Trong phần tính toán cân bằng nước, quy hoạch đã tính cho 3 trường hợp:  Hiện trạng: nguồn nước hiện trạng, các công trình điều tiết như hiện trạng.  PA0-2030: Nguồn nước thay đổi giai đoạn năm 2030, các công trình điều tiết như hiện trạng.  PA-2030: Nguồn nước thay đổi giai đoạn năm 2030, Các công trình được đầu tư theo phương án phát triển thủy lợi.  Việc tính toán cân bằng nước cũng đã được rà soát, bảo đảm thỏa mãn phân bổ nguồn nước cho các vùng của Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Cửu Long thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quyết định 174/QĐ-TTg ngày 6/3/2023). |  |
| 8 | Mục 5.3.3: Việc tính toán lưu lượng tiêu thoát nước mưa cho đô thị cần cập nhật, bổ sung áp dụng theo TCVN 7957/2023 – Thoát nước – Mạng lưới và công trình bên ngoài – Yêu cầu thiết kế (Do TCVN 7957:2008 nay đã hết hiệu lực). | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, cập nhật như sau:**  Rà soát, tính toán lại lưu lượng tiêu thoát nước mưa cho đô thị áp dụng theo TCVN 7957/2023 – Thoát nước – Mạng lưới và công trình bên ngoài – Yêu cầu thiết kế. |  |
| 9 | Mục 5.3.4: Đề nghị bổ sung phân tích đánh giá tình hình ngập lụt, úng, nguyên nhân mưa gây úng hàng năm của LVS Cửu Long trong trường hợp bình thường, trường hợp vượt tần suất thiết kế; xác định các yêu cầu về tiêu úng (phạm vi cần tiêu, lượng mưa tiêu thiết kế, hệ số tiêu…) tại các tiểu vùng trong trường hợp bình thường, trường hợp vượt tần suất thiết kế; xác định đối tượng ưu tiên, giải pháp tiêu thoát nước cho các đối tượng ưu tiên như: khu đô thị, khu tập trung dân cư, các khu công nghiệp, cụm công nghiệp quan trọng và vùng nông nghiệp ảnh hưởng đến an ninh lương thực quốc gia; xác định phương án sơ tán người và tài sản nhân dân vùng ngập lũ (địa điểm sơ tán, phân phối dân cư, phương án phòng dịch…) và phương án nhân sự, công tác chỉ đạo điều hành ở các cấp chính quyền cấp tỉnh, liên tỉnh thuộc LVS Cửu Long để ứng phó kịp thời khi xảy ra ngập lụt, úng. | **Cơ quan lập quy hoạch giải trình như sau:**  Lưu vực sông Cửu Long có hệ thống sông, kênh rạch chằng chịt và liên thông nhau, do vậy việc tính toán tiêu thoát không thể tách riêng từng bộ phận, từng khu vực. Trong bài toán quy hoạch đã sử dụng mô hình thủy lực toàn đồng bằng, đưa các yếu tố ảnh hưởng đến tiêu thoát (mưa, nguồn nước, địa hình, hệ thống công trình…) để tính toán, kiểm tra bài toán tiêu thoát một cách tổng thể.  Các trường hợp tính toán tiêu thoát, kiểm soát lũ tuân thủ theo tiêu chuẩn thiết kế công trình thủy lợi và phù hợp các quy hoạch có liên quan, đặc biệt là Quy hoạch phòng, chống thiên tai và thủy lợi thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quyết định 847/QĐ-TTg) |  |
| **V** | **Bộ Công Thương (Công văn số 7371/BCT-KHTC ngày 20/9/2024)** |  |  |
| 1 | Sông Mê Công chảy qua lãnh thổ 6 nước, trong đó có Việt Nam, khi vào địa phận nước ta, sông có tên gọi Cửu Long. Dữ liệu thông tin về nguồn nước, sử dụng nước của sông Mê Công có vai trò quan trọng, phục vụ công tác quy hoạch, chỉ đạo và vận hành công trình khai thác nước. Vì vậy đề nghị Bộ Nông nghiệp và PTNT cụ thể hơn về việc trao đổi thông tin, phối hợp với các quốc gia có liên quan trong việc khai thác, quản lý, điều tiết dòng chảy sông Mê Công, đồng thời nêu rõ trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong phần giải pháp thực hiện quy hoạch và tổ chức thực hiện tại dự thảo quy hoạch để đảm bảo tính khả thi. | **Cơ quan lập quy hoạch giải trình như sau:** Hiện nay, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã trình Thủ tướng Chính phủ việc chia sẻ thông tin, số liệu vận hành của các công trình khai thác, sử dụng nước trên lưu vực sông Mê Công, trong đó quy định rõ trách nhiệm chia sẻ thông tin của các quốc gia. Sau khi Kế hoạch được phê duyệt, Việt Nam và các quốc gia sẽ thực hiện việc chia sẻ thông tin, số liệu. |  |
| 2 | Tại dự thảo Quy hoạch đã đề cập các giải pháp về khoa học công nghệ, hợp tác quốc tế, tuy nhiên công tác tổ chức thực hiện chưa phân công rõ nhiệm vụ, trách nhiệm cho các tổ chức, cá nhân. Do vậy, đề nghị Bộ Nông nghiệp và PTNT nghiên cứu bổ sung đối với nội dung này. | **Cơ quan lập quy hoạch giải trình như sau:** Đối với nhiệm vụ quy hoạch có quy định về giải pháp khoa học công nghệ và hợp tác quốc tế. Còn việc áp dụng các giải pháp khoa học và hợp tác quốc tế sẽ được triển khai cụ thể trong giai đoạn sau này theo quy định khác có liên quan. |  |
| 3 | Nội dung của quy hoạch thủy lợi lưu vực sông liên tỉnh được quy định tại khoản 2 Điều 13 Luật Thủy lợi. Do đó đề nghị Bộ Nông nghiệp và PTNT căn cứ nguyên tắc tại Điều 12 Luật Thủy lợi và nội dung nhiệm vụ lập quy hoạch đã được phê duyệt để rà soát, hoàn thiện hồ sơ quy hoạch đảm bảo đầy đủ các nội dung theo quy định nêu trên.  Đồng thời, theo quy định tại Điều 5 Luật Thủy lợi, trong lập quy hoạch thủy lợi và đầu tư xây dựng công trình thủy lợi phải đề xuất, lựa chọn giải pháp nguồn sinh thủy, tạo nguồn nước, chống thất thoát nước, sử dụng nước tại chỗ, tái sử dụng nước, kết nối hệ thống thủy lợi liên vùng. Đề nghị Bộ Nông nghiệp và PTNT rà soát kỹ và cụ thể hơn đối với nội dung này trong dự thảo quy hoạch. | **Cơ quan lập quy hoạch giải trình như sau:** Hiện nay, các quy định về lập quy hoạch thủy lợi tại Luật Thủy lợi được điều chỉnh tại tại khoản 4 Điều 14 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch. Cơ quan chủ trì lập quy hoạch đã tổ chức, triển khai lập theo các nội dung được quy định tại Khoản 4, Luật số 35/2018/QH14. |  |
| 4 | Quy hoạch thủy lợi là quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành, cụ thể hóa quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng. Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát kỹ nội dung dự thảo với các căn cứ pháp lý để lập quy hoạch, bao gồm các quy hoạch, chiến lược, các nghị quyết liên quan đã được Bộ Chính trị, Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt…, đảm bảo đồng bộ, phù hợp, cụ thể hóa và nội dung của quy hoạch tuân thủ các căn cứ nêu trên theo đúng quy định của pháp luật về quy hoạch. Liên quan các quy hoạch quốc gia thuộc ngành Công thương, Bộ Công thương có ý kiến như sau:  - Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quy hoạch điện VIII), được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 500/QĐ-TTg, ngày 15/5/2023.  - Quy hoạch tổng thể về năng lượng quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quyết định số 8937/QĐ-TTg, ngày 26/7/2023) và các Quy hoạch tỉnh/Thành phố thuộc lưu vực sông Cửu Long.  - Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quyết định số 866/QĐ-TTg, ngày 18/7/2023). | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình như sau:** Quy hoạch lưu vực sông Cửu Long là quy hoạch thủy lợi có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành, cụ thể hóa quy hoạch cấp trên. Nội dung quy hoạch lưu vực sông Cửu Long đã xem xét đề xuất các giải pháp nhằm cụ thể quy hoạch cấp trên như: Phòng, chống thiên tai và thủy lợi, quy hoạch vùng Đồng bằng sông Cửu Long… Cơ quan lập quy hoạch đã rà soát và cập nhật các nội dung của quy hoạch tổng thể điện lực quốc gia, quy hoạch tổng thể về năng lượng quốc gia, quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản vào hồ sơ quy hoạch cho phù hợp. |  |
| 5 | Đề nghị bổ sung quy định về nội dung chia sẻ dữ liệu thủy lợi sau khi đã được Bộ Nông nghiệp và PTNT tổng hợp để các cơ quan có liên quan cùng phối hợp theo dõi, giám sát, triển khai thực hiện, kiểm tra việc khai thác, sử dụng nước, xả nước thải vào nguồn nước, bảo đảm dòng chảy tối thiểu, vận hành tại các công trình điều tiết nước và các nội dung khác của quy hoạch thủy lợi lưu vực sông Cửu Long. Đồng thời đề nghị làm rõ nội dung về nguồn kinh phí và phân kỳ thực hiện quy hoạch. | **Cơ quan lập quy hoạch giải trình như sau:**  Hồ sơ quy hoạch thủy lợi lưu vực sông sẽ được đăng tải trên Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu về quy hoạch do Bộ Kế hoạch và Đầu tư quản lý sau khi được phê duyệt để các tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng.  Về tổ chức thực hiện quy hoạch có giao “Bộ Nông nghiệp và PTNT chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trong lưu vực quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch; kiểm tra, giám sát thực hiện, đánh giá thực hiện quy hoạch theo quy định”  Quy hoạch xác định nguồn kinh phí ở giai đoạn quy hoạch và phân kỳ thực hiện quy hoạch. Trong quá trình lập dự án đầu tư sẽ được tính cụ thể, tùy thuộc tính cấp thiết nhu cầu và khả năng cân đối, huy động nguồn lực đầu tư của từng giai đoạn |  |
| 6 | Đối với dự thảo quyết định, đề nghị đánh giá tổng quát tính khả thi về kỹ thuật và khả năng cân đối nguồn vốn cho các dự án đầu tư theo danh mục đầu tư xây dựng mới, nâng cấp các công trình trữ nước tại Phụ lục III của dự thảo quyết định. | **Cơ quan lập quy hoạch giải trình như sau:** Hiện nay, tại vùng Đồng bằng sông Cửu Long đã và đang đầu tư xây dựng một số công trình trữ nước như: hồ chứa Kênh Lấp (tỉnh Bến Tre), hồ chứa nước huyện U Minh (tỉnh Cà Mau), hồ Vị Thủy (tỉnh Hậu Giang)… Các công trình trữ nước đã phát huy trong cấp nước phục vụ sinh hoạt và sản xuất. Quy hoạch xác định nguồn kinh phí và phân kỳ thực hiện ở giai đoạn quy hoạch. Trong quá trình lập dự án đầu tư sẽ được tính cụ thể, tùy thuộc tính cấp thiết, nhu cầu và khả năng cân đối, huy động nguồn lực đầu tư của từng giai đoạn |  |
| 7 | Mục 2.1. Phần mở đầu (trang 5) về căn cứ pháp lý, đề nghị bổ sung: Quyết định số 611/QĐ-TTg ngày 08/7/2024 của Thủ tướng chính phủ phê duyệt Quy hoạch BVMT quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 687/QĐ-TTg ngày 07/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam; Quyết định số 500/QĐ-TTg ngày 15/5/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu và bổ sung** các quyết định sau vào mục 2.1:  Quyết định số 611/QĐ-TTg ngày 08/7/2024 của Thủ tướng chính phủ phê duyệt Quy hoạch BVMT quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;  Quyết định số 687/QĐ-TTg ngày 07/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam;  Quyết định số 500/QĐ-TTg ngày 15/5/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. |  |
| 8 | Chương II: Theo quy định tại thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, số liệu về hiện trạng khí tượng - thủy văn trong lưu vực, các thành phần môi trường tự nhiên, kinh tế - xã hội phải có chuỗi thời giàn ít nhất 05 năm tính đến thời điển thực hiện ĐMC. Hiện tại, nguồn dữ liệu sử dụng trong Báo cáo ĐMC chưa đủ chuỗi dữ liệu. Đề nghị cập nhật, bổ sung dữ liệu theo chuỗi số liệu đến năm 2023 và 6 tháng đầu năm 2024, để có cơ sở đánh giá hiện trạng, dự báo tác động các vấn đề môi trường chính, từ đó đề xuất giải pháp giải pháp bảo vệ môi trường phù hợp đối với Quy hoạch (trang 43). | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, rà soát, bổ sung** chuỗi số liệu nghiên cứu trong quá khứ tại Mục 2.2.1. Do thời gian lập báo cáo ĐMC bắt đầu từ năm 2022 nên toàn bộ chuỗi số liệu được phân tích, đánh giá trong khoảng thời gian 2016 - 2020 và năm 2021. |  |
| 9 | Chương III, Mục 3.1: Đề nghị bổ sung đánh giá sự phù hợp của quan điểm, mục tiêu Quy hoạch với quan điểm, mục tiêu chính sách về BVMT tại Quyết định số 611/QĐ-TTg ngày 08/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch BVMT quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (trang 97) | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu và bổ sung** đánh giá sự phù hợp của quan điểm, mục tiêu Quy hoạch với quan điểm, mục tiêu chính sách về BVMT tại Quyết định số 611/QĐ-TTg ngày 08/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Mục 3.1.1.4 e và Mục 3.1.2 (bảng 3-4) |  |
| **VI** | **Bộ Công an (Công văn số 3468/BCA-ANKT ngày 02/10/2024)** |  |  |
| 1 | Về nội dung tổng quát: Việc lập quy hoạch cần phù hợp với quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Bên cạnh đó, trong quy hoạch cần tính đến các tác động và sự phù hợp với các cơ chế hợp tác Mê Công – Lan Thương mà Việt Nam đã tham gia để từ đó có giải pháp nhằm bảo vệ nguồn nước, ứng phó, ngăn chặn tình trạng hạn hán, xâm nhập mặn diễn ra phức tạp tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long; cần dự báo và có giải pháp cụ thể hạn chế thấp nhất các vấn đề xã hội phức tạp phát sinh trong lĩnh vực đất đai, môi trường, xây dựng, giao thông, lao động, việc làm… Quá trình giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan cần chú ý xử lý hài hòa lợi ích Nhà nước, người dân và doanh nghiệp, bảo đảm an ninh các vấn đề xã hội. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình như sau:**  Trong quá trình triển khai lập quy hoạch, Cơ quan lập quy hoạch đã xem xét cập nhật các nội dung theo quy hoạch cấp trên (Quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh). Quy hoạch cũng đã xem xét, tính toán cập nhật đến phát triển thượng nguồn (xây dựng thủy điện, gia tăng sử dụng nước, chuyển nước…). Quy hoạch đã đề xuất giải pháp nhằm ứng phó với những tác động thượng nguồn. |  |
| 2 | Về thách thức đối với phát triển thủy lợi (Mục 3.4 Chương 3): Đề nghị nghiên cứu bổ sung đánh giá cụ thể hơn về tác động đến đồng bằng sông Cửu Long khi các nước thượng nguồn xây dựng hồ, đập, kênh trên dòng chính, dòng nhánh sông Mê Công; việc sử dụng nguồn nước sông Mê Công của các nước tiểu vùng (như việc Campuchia xây dựng kênh đào Phù Nam Techo…). Trên cơ sở đó đánh giá kỹ tác động, đưa ra giải pháp phù hợp, lâu dài và mang tính bền vững. | **Cơ quan lập quy hoạch giải trình như sau:**  Tại hồ sơ quy hoạch đã đánh giá tác động của phát triển thượng nguồn và đề xuất giải pháp ứng phó với những tác động thượng nguồn. |  |
| 3 | Về cấp nước sinh hoạt đô thị, nông thôn (Mục 6.3 về tạo nguồn cấp nước sinh hoạt của Chương 6 về các giải pháp thủy lợi; danh mục công trình, dự án ưu tiên đầu tư): Đề nghị nghiên cứu, phối hợp với UBND các địa phương liên quan làm rõ, tính toán các dự án cấp nước sinh hoạt đô thị, nông thôn sẽ triển khai giai đoạn 2022-2030, tầm nhìn đến năm 2050; đồng thời chỉ rõ các khu vực dự kiến lấy nước nguyên liệu cho các nhà máy/công trình cấp nước để cắm mốc vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt và có phương án ưu tiên bảo vệ. | **Cơ quan lập quy hoạch giải trình như sau:**  Theo Nhiệm vụ quy hoạch được phê duyệt, Quy hoạch thủy lợi lưu vực sông chỉ đề xuất định hướng giải pháp tạo nguồn cấp nước sinh hoạt từ hệ thống thủy lợi. Quy hoạch không đề xuất danh mục cụ thể các công trình cấp nước sinh hoạt. |  |
| 4 | Về danh mục công trình và vốn đầu tư (Mục 6.6 Chương 6): Đề nghị cơ quan soạn thảo phối hợp Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và UBND tỉnh liên quan rà soát các dự án ưu tiên và nguồn vốn đầu tư nhằm tránh trùng dẫm về chức năng, nhiệm vụ được giao và lãng phí ngân sách nhà nước. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình như sau:**  Đã cập nhật, rà soát cụ thể hóa danh mục đầu tư tại các quy hoạch cấp trên: Quy hoạch vùng ĐBSCL thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quy hoạch Phòng chống thiên tai và thủy lợi thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Các quy hoạch cấp tỉnh… |  |
| 5 | Đối với giải pháp về hạn chế suy thoái nguồn nước: Đề nghị nghiên cứu, bổ sung việc hợp tác với các tiểu vùng Mê Công trong quản lý lũ lụt và hạn hán, chia sẻ dữ liệu thủy văn, tiến hành các nghiên cứu chung. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình như sau:**  Quy hoạch đã cập nhật, bổ sung các nội dung hợp tác đã được quy định tại các quy chế hợp tác Mê Công như: Hiệp định Mê Công năm 1995, bộ quy chế sử dụng nước và các hướng dẫn kỹ thuật (Thủ tục trao đổi và Chia sẻ thông tin số liệu; Thủ tục Thông báo, Tham vấn trước và Thỏa thuận; Thủ tục Giám sát sử dụng nước; Thủ tục Duy trì dòng chảy trên dòng chính) |  |
| 6 | Về số liệu quy hoạch sử dụng đất an ninh đến năm 2030 tại Bảng 1-21 trang 81 của Báo cáo tổng hợp: quy hoạch là 12.384ha là chưa chính xác; đề nghị sửa lại là 13.198ha cho đúng với Quyết định số 95/QĐ-TTg ngày 16/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch sử dụng đất an ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; đồng thời bổ sung nội dung vào Khoản 3 Điều 2 dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch thủy lợi lưu vực sông Cửu Long thời kỳ 2022-2030, tầm nhìn đến năm 2050 như sau: Đề nghị UBND tỉnh, thành phố trong lưu vực sông Cửu Long cập nhật, điều chỉnh chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất an ninh đến năm 2030 tại quy hoạch tỉnh theo quy định tại công điện số 46/CĐ-TTg ngày 9/5/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc rà soát các quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, chỉnh sửa** số liệu diện tích Đất an ninh là 13.198ha trong bảng 1-21. |  |
| 7 | Về diện tích đăng ký thực hiện Đề án lúa chất lượng cao tỉnh Hậu Giang (là 35.000ha tại Bảng 5-1, trang 164): Đề nghị điều chỉnh diện tích này thành 46.000ha để đảm bảo đúng số liệu quy định tại Kế hoạch số 112/KH-UBND ngày 20/5/2024 của UBND tỉnh Hậu Giang về việc thực hiện Đề án phát triển bền vững 01 triệu ha chuyên canh lúa chất lượng cao và phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng đống bằng sông Cửu Long đến năm 2030 tỉnh Hậu Giang. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, chỉnh sửa** số liệu diện tích đăng ký thực hiện Đề án tại tỉnh Hậu Giang trong Bảng 5-1 |  |
| 8 | Đối với phụ lục danh mục đầu tư xây dựng mới/nâng cấp cống hở: Danh mục công trình trên địa bàn tỉnh Hậu Giang (trang 269) điều chỉnh cống Mái Dầm và cống Cái Côn địa điểm từ Cần Thơ thành Hậu Giang; đồng thời bổ sung vào danh mục cống Cái Dầu tỉnh Hậu Giang (Căn cứ vào Quyết định số 14/2018/QĐ-UBND ngày 28/9/2018 của UBND tỉnh Hậu Giang về việc ban hành quy định phân cấp quản lý, khai thác và bảo vệ các công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Hậu Giang) Hệ thống cống ngăn mặn Nam Xà No (giai đoạn 2) đề nghị bổ sung nhiệm vụ tưới tiêu, kiểm soát mặn, kiểm soát lũ và triều cường (Căn cứ Kế hoạch số 22/KH-UBND ngày 01/02/2024 của UBND tỉnh Hậu Giang về phòng chống hạn hán và xâm nhập mặn trên địa bàn tỉnh Hậu Giang. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, chỉnh sửa** tại Phụ lục I:  Điều chỉnh cống Mái Dầm và cống Cái Côn: địa điểm tỉnh Hậu Giang.  Bổ sung cống Cái Dầu.  Bổ sung nhiệm vụ cho Hệ thống cống ngăn mặn Nam Xà No (giai đoạn 2). |  |
| 9 | Trong quá trình thực hiện và triển khai quy hoạch (khi được cấp thẩm quyền phê duyệt) đảm bảo thực hiện theo đúng quy định về đất đai, tài nguyên môi trường, thủy lợi, đầu tư và các quy định pháp luật khác; kịp thời phối hợp lực lượng công an giải quyết các vấn đề phát sinh về an ninh, trật tự. | **Cơ quan lập quy hoạch giải trình như sau:**  Quy hoạch đã đề xuất giao cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý chặt chẽ quỹ đất phục vụ triển khai quy hoạch. |  |
| **VII** | **Bộ Quốc phòng (Công văn số 4071/BQP-KHQS ngày 26/9/2024)** |  |  |
| 1 | Bổ sung vào giải pháp thực hiện Quy hoạch nội dung: Phối hợp và lấy ý kiến Bộ Quốc phòng về: Các vấn đề liên quan đến nhiệm vụ quân sự, quốc phòng theo quy định của pháp luật; các tác động ảnh hưởng đến khu quân sự và địa hình ưu tiên cho nhiệm vụ quốc phòng trên địa bàn toàn quốc (đã được xác định trong Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc hội về quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;… | **Cơ quan lập quy hoạch giải trình như sau:** Giải pháp quy hoạch thủy lợi lưu vực sông mang tính tổng thể về quốc phòng và an ninh, khi tiến hành thực hiện các dự án cụ thể sẽ xin ý kiến về những nội dung liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Bộ Quốc phòng |  |
| 2 | Bổ sung thông tin, dữ liệu, đánh giá sự phù hợp, xác định các giải pháp của Quy hoạch để không ảnh hưởng đến nhiệm vụ quân sự, quốc phòng | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình như sau:** Để đề xuất được các phải pháp thực hiện quy hoạch, Cơ quan lập quy hoạch phải căn cứ, kế thừa định hướng, yêu cầu của Bộ Chính trị, Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các địa phương. Cơ quan lập quy hoạch đã thu thập đầy đủ thông tin, số liệu về hiện trạng và định hướng phát triển kinh tế - xã hội |  |
| **VIII** | **Bộ Khoa học và Công nghệ (Công văn số 3932/BKHCN-CNN ngày 11/10/2024)** |  |  |
| 1 | Đối với dự thảo Quyết định: Xem xét về điều chỉnh thời kỳ Quy hoạch là 2024 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 thay vì 2022 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 cho phù hợp với thực tế. | **Cơ quan lập quy hoạch giải trình như sau:**  Theo quy định tại Luật số 35/2018/QH14 quy hoạch thủy lợi được lập cho giai đoạn 10 năm, tầm nhìn là từ 30 năm đến 50 năm. Thời kỳ quy hoạch là khoảng thời gian được xác định để làm cơ sở dự báo, tính toán các chỉ tiêu kinh tế - xã hội cho việc lập quy hoạch. Quy hoạch sử dụng mốc thời gian hiện tại và dự báo tính toán đến năm 20230, và định hướng đến năm 2050. Do vậy, việc quy định thời kỳ quy hoạch theo giai đoạn 2021-2030 hay 2022-2030 không ảnh hưởng đến nội dung của quy hoạch. Cơ quan lập quy hoạch chọn kỳ quy hoạch 2022-2030. |  |
| 2 | Đối với dự thảo Quyết định: Tại khoản 3 mục VIII, đề nghị xem xét một số nội dung sau:  + Sửa nội dung “Xây dựng, sửa đổi, bổ sung các tiêu chuẩn… bảo đảm an ninh nguồn nước” thành “*Rà soát,* sửa đổi và bổ sung các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật cho công tác tác thuỷ lợi *nhằm bảo đảm an ninh nguồn nước, thích ứng với biến đổi khí hậu và nước biển dâng*”.  + Sửa nội dung “Nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng khoa học công nghệ trong quy hoạch, thiết kế, xây dựng, quản lý… công trình thủy lợi” thành “*Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu, phát triển, ứng dụng và chuyển giao công nghệ trong quy hoạch, thiết kế, xây dựng, quản lý, tự động hoá vận hành công trình thủy lợi bảo đảm an ninh nguồn nước, thích ứng với biến đổi khí hậu và nước biển dâng;* nâng cao năng lực quan trắc, cảnh báo lũ, lụt, hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, sạt lở; ứng dụng khoa học công nghệ, vật liệu mới trong thiết kế, xây dựng công trình thủy lợi*”*.  + Sửa nội dung “Triển khai nghiên cứu, phát triển, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo để sử dụng nước tiết kiệm… giảm phát thải khí nhà kính” thành “Nghiên cứu, phát triển, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo để *quản lý nhu cầu sử dụng nước*, sử dụng nước *hiệu quả,* tiết kiệm, an toàn, tuần hoàn, tái sử dụng nước; *tăng cường nghiên cứu các giải pháp thu, trữ nước, tạo nguồn nước, bổ cập nước dưới đất, phát triển bền vững nguồn sinh thuỷ; điều hòa, phân phối, chuyển nước, liên kết nguồn nước, thiết lập mạng lưới công trình thủy lợi ở từng lưu vực, liên lưu vực, vùng và liên vùng”.* | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, chỉnh sửa** tại Mục 9.3 Báo cáo tổng hợp và các tài liệu liên quan |  |
| 3 | Đối với dự thảo Quyết định: Ngoài ra, đề nghị xem xét một số nội dung sau: (i) Bổ sung thêm quan điểm về kế thừa, phát triển, gắn kết với các quy hoạch đang được thực hiện trong vùng, phù hợp với phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đồng bằng sông Cửu Long; (ii) Về Danh mục dự án ưu tiên và phân kỳ đầu tư, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, nêu rõ các nhóm giải pháp/nhiệm vụ, dự án, đồng thời sắp xếp thứ tự ưu tiên theo giai đoạn, đảm bảo sự đầu tư đồng bộ và có hiệu quả. Cụ thể hơn phương án tổ chức thực hiện (nhiệm vụ ưu tiên theo lộ trình, cơ quan chủ trì/cơ quan phối hợp, cơ cấu nguồn kinh phí). | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình như sau:**  Trong quá trình lập quy hoạch cơ quan lập quy hoạch đã kế thừa, cập nhật để bảo đảm đồng độ, thống nhất với các quy hoạch cấp trên. Quy hoạch cũng đã cụ thể hóa các giải pháp, nhiệm vụ được nêu tại các quy hoạch cấp cao hơn.  Quy hoạch đã đề xuất danh mục dự án ưu tiên, danh mục các nhóm công trình (trạm bơm, cống, công trình trữ nước…) kinh phí và phân kỳ đầu tư tại các Phụ lục Danh mục đầu tư. Việc phân giao nhiệm vụ cơ quan chủ trì trong quy hoạch căn cứ vào chức năng nhiệm vụ của các cơ quan trung ương và địa phương được cấp có thẩm quyền phê duyệt và sẽ được cụ thể hóa trong các danh mục cụ thể. |  |
| 4 | Đối với Báo cáo tổng hợp: Tại mục 2.1 về dự báo xu thế phát triển, xu thế nguồn nước trong bối cảnh tác động của biến đổi khí hậu, nước biển dâng, thiên tai, đề nghị bổ sung dự báo về xu thế sử dụng nước ở thượng nguồn; đồng thời cần quan tâm đến tác động của các công trình tương tự như tuyến kênh giao thông thủy Funan – Techo đến tài nguyên nước vùng Đồng bằng sông Cửu Long… | **Cơ quan lập quy hoạch giải trình như sau:** Quy hoạch đã cập nhật quá trình phát triển của các quốc gia thượng nguồn như:  Việc xây dựng thủy điện từ Trung Quốc đến Campuchia  Gia tăng sử dụng nước ở Thái Lan và Campuchia.  Chuyển nước trong và ngoài lưu vực của Thái Lan. Có đánh giá và dự kiến tác động của việc xây dựng kênh đào Phù Nam đến Đồng bằng sông Cửu Long.  Trong quá trình tính toán cũng có xem xét đến tác động của phát triển thượng nguồn đến Đồng bằng sông Cửu Long.  Hiện nay, Bộ Tài nguyên và Môi trường đang xây dựng Đề án Đánh giá tổng thể tác động và giải pháp ứng phó đối với việc các nước phát triển thủy điện trên dòng chính, chuyển nước sông Mê Công, trong đó sẽ đề xuất các giải pháp ứng phó cụ thể hơn. |  |
| 5 | Đối với Báo cáo tổng hợp: Tại mục 5.2.2.1 về phương án cấp nước, kiểm soát mặn cho vùng ngọt, đề nghị xem xét bổ sung phương án để cấp nước cho các hộ tiêu thụ nước lớn như các nhà máy điện sẽ được xây dựng mới tính đến năm 2030 quy định tại Quyết định số 262/QĐ-TTg ngày 01/4/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt kế hoạch thực hiện quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Cụ thể, nhà máy nhiệt điện than gồm Long Phú 1, công suất 1.200MW (Sóc Trăng); Nhà máy điện rác gồm: Đồng Tháp (13MW), An Giang (7,5MW), Tiền Giang (10MW), Bến Tre (18MW), Cà Mau (16MW)…; Nhà máy điện sinh khối gồm: Đồng Tháp (10MW), An Giang (50MW), Bến Tre (10MW), Hậu Giang (30MW), Cà Mau (24MW)… | **Cơ quan lập quy hoạch giải trình như sau:** Trong quá trình tính toán nhu cầu nước, cân bằng nước, quy hoạch đã tính toán nhu cầu sử dụng nước cho các ngành sử dụng nước nói chung, trong đó đã bao gồm ngành điện. |  |
| **IX** | **Bộ Ngoại giao (Công văn số 5407/BNG-THKT ngày 7/10/2024)** |  |  |
| 1 | Đề nghị cân nhắc điều chỉnh thời gian quy hoạch thành “thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050” để đảm bảo phù hợp với quy định của Luật Quy hoạch, Quy hoạch vùng và các quy hoạch ngành, lĩnh vực có liên quan. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình như sau:**  Theo quy định tại Luật số 35/2018/QH14 quy hoạch thủy lợi được lập cho giai đoạn 10 năm, tầm nhìn là từ 30 năm đến 50 năm. Thời kỳ quy hoạch là khoảng thời gian được xác định để làm cơ sở dự báo, tính toán các chỉ tiêu kinh tế - xã hội cho việc lập quy hoạch. Quy hoạch sử dụng mốc thời gian hiện tại và dự báo tính toán đến năm 2030, và định hướng đến năm 2050. Do vậy, Cơ quan lập quy hoạch chọn kỳ quy hoạch 2022-2030. |  |
| 2 | Do thời kỳ và tầm nhìn của Quy hoạch trong thời gian dài, đề nghị cân nhắc bổ sung nội dung theo dõi, đánh giá định kỳ, thường xuyên về tình hình thay đổi của thời tiết và biến đổi khí hậu, thay đổi chính sách về thủy lợi của các nước thượng nguồn sông Mê Công, tác động của việc xây dựng và vận hành các công trình thủy lợi ở thượng nguồn... ảnh hưởng tới quy hoạch, từ đó đề xuất giải pháp điều chỉnh kịp thời, phù hợp khi cần thiết. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình như sau:**  Trong phần giải pháp phi công trình đề xuất, quy hoạch đã đề xuất giải pháp: “Nâng cao chất lượng công tác giám sát, dự báo nguồn nước”, trong đó bao gồm các biện pháp xây dựng các trạm quan trắc, trung tâm dữ liệu.. để có đầy đủ thông tin phục vụ công tác dự báo nguồn nước. |  |
| 3 | Về phát triển thượng nguồn sông Mê Công (Mục 3.4.2.1, trang 159), thực tiễn vừa qua đã có quốc gia trong khu vực nghiên cứu, triển khai xây dựng dự án kênh đào nhân tạo, trong tương lai một số dự án tương tự có thể sẽ được triển khai, ảnh hưởng đến tình hình tài nguyên nước của lưu vực. Việc này cần được xem xét trong tổng thể của Quy hoạch. Vì vậy, đề nghị bổ sung nội dung đoạn thứ nhất như sau: “Các hoạt động khai thác ở thượng lưu... xây dựng đập, hồ chứa, các dự án giao thông thủy nhân tạo, tăng diện tích tưới, chuyển nước ra khỏi lưu vực...”. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, cập nhật như sau:**  Cập nhật trong phần Phát triển thượng nguồn sông Mê Công: “Các hoạt động khai thác ở thượng lưu có tác động mạnh mẽ đến an ninh nguồn nước cho phát triển kinh tế xã hội, nhất là sản xuất nông nghiệp tại đồng bằng sông Cửu Long, các hoạt động phải kể đến như xây dựng đập, hồ chứa, các dự án giao thông thủy nhân tạo, tăng diện tích tưới, chuyển nước ra khỏi lưu vực” |  |
| 4 | Về phát triển kinh tế, xã hội ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long (Mục 2.1.1, trang 109 và Mục 3.4.2 trang 160), đề nghị cân nhắc bổ sung một số nhận xét, đánh giá về thách thức hiện nay của lưu vực sông Cửu Long, bao gồm gia tăng dân số, phát triển cơ sở hạ tầng các khu đô thị, công nghiệp, tăng diện tích sản xuất nông nghiệp và hoạt động sử dụng nước thiếu bền vững của người dân. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình như sau:**  Đánh giá về thách thức hiện nay của lưu vực sông Cửu Long đối với công tác thủy lợi đã được trình bày trong mục 1.2.2.8. Các thuận lợi và khó khăn của đặc điểm kinh tế - xã hội đối với công tác thủy lợi và Mục 1.3.3.2. Những hạn chế tồn tại về thủy lợi. |  |
| 5 | Về mục tiêu phát triển thủy lợi (Mục 4.2 trang 161), đề nghị cân nhắc bổ sung như sau: “Chủ động điều tiết nguồn nước để cấp nước, tiêu, thoát nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, tạo nguồn cấp nước ***bền vững*** cho dân sinh và các ngành kinh tế...” | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, cập nhật** trong phần Mục tiêu tổng quát:“...tạo nguồn cấp nước bền vững cho dân sinh và các ngành kinh tế...” |  |
| 6 | Về giải pháp phi công trình (Mục 6.4 trang 244) và giải pháp về Hợp tác quốc tế (Mục 8.5 trang 254), đề nghị bổ sung nội dung tăng cường hợp tác quốc tế về: (i) Khoa học công nghệ về sử dụng nước hiệu quả, tiết kiệm; (ii) Quản lý nguồn nước xuyên biên giới, chia sẻ thông tin, số liệu vận hành, dữ liệu thủy văn... để kịp thời phòng, chống lũ lụt và hạn hán, xâm nhập mặn (đặc biệt trong khuôn khổ Ủy hội sông Mê Công quốc tế, cơ chế hợp tác Mê Công – Lan Thương) | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, cập nhật** trong Mục Các giải pháp về hợp tác quốc tế: “Tăng cường hợp tác quốc tế nhằm trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm, thông tin, chính sách, chuyển giao công nghệ trong đầu tư xây dựng, quản lý, khai thác và vận hành công trình thủy lợi; Khoa học công nghệ trong sử dụng nước hiệu quả, tiết kiệm; Quản lý nguồn nước xuyên biên giới, chia sẻ thông tin, số liệu vận hành, dữ liệu thủy văn... để kịp thời phòng, chống lũ lụt và hạn hán, xâm nhập mặn (đặc biệt trong khuôn khổ Ủy hội sông Mê Công quốc tế, cơ chế hợp tác Mê Công – Lan Thương); Huy động nguồn lực quốc tế cho công tác thủy lợi ứng phó với biến đổi khí hậu.” |  |
|  |  |  |  |
| **B** | **CÁC ĐỊA PHƯƠNG** |  |  |
| **I** | **Tỉnh Đồng Tháp (Công văn số 698/UBND-KT ngày 07/10/2024)** |  |  |
| 1 | Đề nghị cập nhật lại diện tích lúa đăng ký tham gia duyệt “Đề án Phát triển bền vững một triệu héc ta chuyên canh lúa chất lượng cao và phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030” đến năm 2025 là 50.000 ha, đến năm 2030 là 168.000 ha. Tại trang 83 của Báo cáo tổng hợp. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, điều chỉnh** diện tích lúa đăng ký tham gia Đề án của tỉnh Đồng Tháp đến năm 2025 là 50.000ha, đến năm 2030 là 168.000ha vào Bảng 5-1 Báo cáo tổng hợp. |  |
| 2 | Tại mục 5.3.4.1 Tiêu thoát cho vùng ngọt tại trang 184 của Báo cáo tổng hợp *“ Xây dựng các đường tràn Trà Đư 1, Trà Đư 2 và Trung Tâm 1, Trung Tâm 2 có B=300m, cao trình +2,0m (Tứ Thường), nhằm tăng khả năng thoát 1.000 m3/s”*. Đề nghị Viện Quy hoạch Thủy lợi Miền Nam khảo sát thực tế, đánh giá cụ thể sự phù hợp của giải pháp công trình để đưa vào quy hoạch. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình như sau:**  Các tràn Trà Đư 1, Trà Đư 2, Trung Tâm 1, Trung tâm 2 được đề xuất với mục tiêu giảm tiêu nước lũ tràn biên giới vào vùng Đồng Tháp Mười, thoát nhanh nước lũ ra sông Tiền, hạn chế dâng mực nước bên kia biên giới.  Tuy nhiên, do diễn biến của lượng lũ tràn biên giới những năm gần đây không lớn, mức độ cấp bách của các công trình này chưa cao. Tại Quyết định số 847/QĐ-TTg cũng đề xuất các công trình đầu tư giai đoạn sau năm 2030. Do vậy quy hoạch này cũng đề xuất xây dựng sau năm 2030, để có thời gian tiếp tục theo dõi diễn biến lũ và có điều chỉnh kịp thời nếu không phù hợp. |  |
| 3 | Thành phố Sa Đéc là 01 trong 03 thành phố của tỉnh Đồng Tháp, hiện tại là đô thị loại II, định hướng đến năm 2030 phát triển trở thành đô thị loại I... Tuy nhiên do nằm cạnh sông Tiền, những năm gần đây thành phố thường xuyện bị ngập do ảnh hưởng của triều cường. Trước ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, nước biển dâng, trong tương lai tình hình ngập của thành phố ngày một diễn biến phức tạp, ảnh hưởng lớn đến phát triển kinh tế xã hội địa phương. Về lâu dài cần phải có giải pháp chống ngập úng cho thành phố, do đó tỉnh Đồng Tháp đề xuất bổ sung giải pháp chống ngập úng cho thành phố Sa Đéc vào Quy hoạch thủy lợi lưu vực sông Cửu Long thời kỳ 2022-2035, tầm nhìn đến năm 2050. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình như sau:**  Trong phạm vi của quy hoạch thủy lợi lưu vực sông Cửu Long đã đề xuất giải pháp thủy lợi chống ngập úng đô thị chi tiết cho một số thành phố, đô thị lớn, trung tâm các tỉnh có mức độ ngập nghiêm trọng. Đối với các thành phố còn lại đề nghị xem xét điều chỉnh, bổ sung vào quy hoạch tỉnh. |  |
| **II** | **Tỉnh Tiền Giang (Công văn số 4125/SNN&PTNT-CCTL ngày 24/9/2024)** |  |  |
| 1 | Tại mục căn cứ lập quy hoạch: Đề nghị xem xét bổ sung các Quyết định: Quyết định số 1622/QĐ-TTg ngày 27/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tài nguyên nước thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 1579/QĐ-TTg ngày 22/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình như sau:**  Quyết định số 1622/QĐ-TTg đã có trong phần Căn cứ lập quy hoạch.  Tiếp thu, bổ sung Quyết định số 1579/QĐ-TTg vào phần Căn cứ lập quy hoạch |  |
| 2 | Tại điểm b khoản 5 Phần III, trang 7 của Tờ trình và tại điểm b khoản 1 Mục V Điều 1, trang 4 của Quyết định: đề nghị điều chỉnh giới hạn độ mặn của điểm khống chế mặn trên sông Tiền tại đầu kênh Nguyễn Tấn Thành và tại cống Xuân Hòa như sau:  - Điểm khống chế mặn trên sông Tiền tại đầu kênh Nguyễn Tấn Thành với độ mặn 0,50g/l phục vụ cấp nước sinh hoạt, sản xuất rau màu và vườn cây ăn trái (trong đó có những cây có giá trị kinh tế cao như cây sầu riêng).  - Điểm khống chế mặn trên sông Tiền tại cống Xuân Hòa với độ mặn 1,0g/l phục vụ sản xuất lúa và cây rau màu trong vùng dự án Ngọt hóa Gò Công. | **Cơ quan lập quy hoạch giải trình như sau:**  Việc đề xuất các vị trí khống chế độ mặn nhằm mục tiêu phục vụ chung cho toàn vùng và là điều kiện để vận hành các công trình cửa sông sau này. Đề nghị của tỉnh sẽ quy định cho các dự án, các công trình đầu mối. Ví dụ như cống Xuân Hòa, cống Nguyễn Tấn Thành… và cụ thể hóa trong quy trình vận hành sau này. |  |
| 3 | Tại điểm b khoản 2 Mục V Điều 1, trang 5 của Quyết định: *“Đầu tư xây dựng các cống lớn kiểm soát nguồn nước cửa sông: cống Vàm Cỏ, cống Hàm Luông. Tiếp tục nghiên cứu cống cửa sông lớn như cống Cổ Chiên, cống Cung Hầu”* **đề nghị bổ sung và chỉnh sửa lại thành** *“Đầu tư xây dựng các cống lớn kiểm soát nguồn nước cửa sông: cống Vàm Cỏ, cống Hàm Luông,* ***cống trên hai đầu sông Cửa Trung****. Tiếp tục nghiên cứu cống cửa sông lớn như cống Cổ Chiên, cống Cung Hầu”*. Do dự án “Công trình trữ nước Cửa Trung” có trong Phụ lục III của dự thảo Quyết định và Phụ lục IX - Danh mục công trình thủy lợi tỉnh Tiền Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 của Quyết định số 1762/QĐ-TTg ngày 31/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch tỉnh Tiền Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. | **Cơ quan lập quy hoạch giải trình như sau:**  Cống trên 2 đầu sông Cửa Trung không thuộc loại công trình cống lớn kiểm soát nguồn nước cửa sông. Danh mục công trình trữ nước sông Cửa Trung cũng đã được đề xuất trong Phụ lục III: Danh mục đầu tư xây dựng mới, nâng cấp công trình trữ nước. Do đó đề nghị giữ nguyên như dự thảo. |  |
| 4 | Tại Phụ lục III, trang 85 của Quyết định: đề nghị điều chỉnh lại tên dự án *“Công trình trữ nước Cửa Trung”* **thành** dự án *“Đầu tư 2 cống trên hai đầu sông Cửa Trung để tạo thành hồ chứa nước ngọt phục vụ sản xuất và sinh hoạt cho toàn huyện Tân Phú Đông”* theo Quyết định số 1762/QĐ-TTg ngày 31/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch tỉnh Tiền Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. | **Cơ quan lập quy hoạch giải trình như sau:**  Việc ghi danh mục là Công trình trữ nước Cửa Trung là phù hợp. Khi lập dự án đầu tư công trình trữ nước sẽ xác định các hạng mục cần đầu tư có thể gồm, cống, trạm trơm, đê…, nếu chỉ ghi đầu tư 2 cống có thể sẽ vướng mắc trong quá trình thực hiện.  Cấp nước phục vụ sản xuất và sinh hoạt là nhiệm vụ của dự án, cũng đã được ghi trong cột nhiệm vụ của Phụ lục III, không cần thiết ghi trong tên dự án. |  |
| 5 | Tại trang 72 của Báo cáo tổng hợp: Mạng lưới đường thủy có nêu tên cơ quan quản lý các tuyến, sông, kênh Quốc gia là *“Cục đường sông Việt Nam”*, đề nghị điều chỉnh lại cho đúng là ***“******Cục Đường thủy nội địa Việt Nam”*** | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, chỉnh sửa** thành *“Cục Đường thủy nội địa Việt Nam”* tại Mục 1.2.2.5 Báo cáo tổng hợp. |  |
| 6 | Tại trang 146, bảng 2-4 của Báo cáo tổng hợp: Dự kiến các khu và cụm công nghiệp tại Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, đề nghị điều chỉnh cho phù hợp Quyết định 1762/QĐ-TTg ngày 31/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Tiền Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, như sau: 11 KCN (Diện tích 3.358,6ha), 32 Cụm công nghiệp (Diện tích 1.476ha) | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, chỉnh sửa** số liệu diện tích các khu công nghiệp và cụm công nghiệp trong Bảng 2-4 Báo cáo tổng hợp. |  |
| 7 | Tại trang 215 của Báo cáo tổng hợp: Phương án cấp nước bổ sung cho dự án Gò Công: “Giải pháp cấp nước lựa chọn cho vùng này: đối với những năm dự báo hạn mặn cực đoan, địa phương cần chủ động giảm diện tích gieo trồng, chuyển lúa sang các loại cây ít sử dụng nước (rau màu), tăng cường trữ nước trong hệ thống kênh, sử dụng tiết kiệm...” là chưa đáp ứng mục tiêu cấp nước bền vững nhằm phục vụ tốt nhất các hoạt động sản xuất và sinh hoạt hàng ngày của người dân khu vực bị ảnh hưởng trước tình hình biến đổi khí hậu ngày càng khắc nghiệt, dự báo hạn mặn, nắng nóng cực đoan tiếp tục xảy ra tại khu vực này. Do đó, cần nghiên cứu đánh giá, bổ sung giải pháp sử dụng trạm bơm + xi phông qua kênh Chợ Gạo để cấp nước từ vùng Bảo Định sang vùng ngọt hóa Gò Công. | **Cơ quan lập quy hoạch giải trình như sau:**  Giải pháp sử dụng trạm bơm và xi phông qua kênh Chợ Gạo để cấp nước cho hệ thống thủy lợi Gò Công cũng đã được nghiên cứu và tính toán. Về mặt giải pháp kỹ thuật là có thể thực hiện được. Song với chi phí đầu tư ban đầu, chi phí quản lý vận hành rất cao, sẽ không có hiệu quả về mặt cấp nước. Mặt khác, sau khi đầu tư các công trình kiểm soát cửa sông (cống Hàm Luông, Cổ Chiên, Cung Hầu), ranh mặn trên sông Tiền sẽ giảm thấp hơn vị trí lấy nước ngọt của dự án Gò Công (cống Xuân Hòa), khi đó sẽ không cần công trình chuyển nước. Việc đầu tư 1 dự án chuyển nước lớn, lại hoạt động trong thời gian ngắn sẽ không hiệu quả. Do đó đề nghị không xem xét bổ sung phương án nêu trên. |  |
| 8 | Ngoài ra còn một số ý kiến cần điều chinh:  - Điều chỉnh *“Thị xã Gò Công”* thành *“Thành phố Gò Công”*  - Theo quy định pháp luật về lĩnh vực giao thông vận tải không có quy định hệ thống đường tỉnh lộ hay huyện lộ mà chỉ quy định hệ thống đường tỉnh (ĐT) và hệ thống đường huyện (ĐH). Do đó, đề nghị rà soát điều chỉnh lại cho phù hợp.  - Điều chỉnh lại tên các vùng: vùng ngọt, vùng ngọt-lợ, vùng lợ-mặn cho thống nhất giữa dự thảo báo cáo, dự thảo Tờ trình và dự thảo Quyết định phê duyệt quy hoạch. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, chỉnh sửa như sau:**  Điều chỉnh thành *“Thành phố Gò Công”* trong mục 6.3.2 Báo cáo tổng hợp.  Điều chỉnh thành "Đường tỉnh”, “Đường huyện” trong Mục 1.2.2.5 Báo cáo tổng hợp.  Rà soát, thống nhất tên gọi 3 vùng: vùng ngọt, vùng ngọt - lợ và vùng mặn. |  |
| **III** | **Tỉnh Vĩnh Long (Công văn số 6123/UBND-KTNV ngày 18/9/2024)** |  |  |
| 1 | Tại phần Phụ lục kèm theo Báo cáo còn thiếu danh mục các dự án/công trình thủy lợi theo Quy hoạch tỉnh Vĩnh Long thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Vì vậy, đề nghị bổ sung vào phần Phụ lục danh mục các công trình, dự án thủy lợi tại Phụ lục 1, 2, 3 kèm theo, bao gồm 28 dự án/công trình, tổng vốn đầu tư: 14.186 tỷ đồng, tổng nhu cầu đất xây dựng: 1.313,53 ha. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu,** bổ sung các hạng mục của tỉnh Vĩnh Long tại Phụ lục I, Phụ lục II, Phụ lục V, Phụ lục VI.  Riêng đối với Hệ thống cống ngăn lũ ven sông Hậu: Quy hoạch kiểm soát lũ của vùng Bắc Mang Thít là theo các ô bao vừa và nhỏ, do vậy chưa xem xét đầu tư các cống ven sông Hậu thuộc huyện Bình Tân, Vĩnh Long trong giai đoạn này.  Quy hoạch thủy lợi đề xuất định hướng giải pháp phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển. Tỉnh Vĩnh Long căn cứ vào danh mục đề xuất tại Quyết định phê duyệt Quy hoạch tỉnh để triển khai thực hiện. |  |
| **IV** | **Tỉnh Bến Tre (Công văn số 6607/UBND-KT ngày 04/10/2024)** |  |  |
| 1 | Tại trang 197 dự thảo Báo cáo tổng hợp và trang 21 dự thảo Báo cáo tóm tắt: Đề nghị xem xét, điều chỉnh nội dung *“Hoàn thiện các cống của HTTL Bắc Bến Tre, Nam Bến Tre: Bến Tre, An Hóa, Thủ Cửu, Vàm Nước Trong, Cái Quao”* thành *“Hoàn thiện các cống của HTTL Bắc Bến Tre, Nam Bến Tre: Bến Tre, An Hóa, Thủ Cửu, Vàm Nước Trong, Cái Quao, Vàm Thơm”*, nhằm để phù hợp theo Mục III Phụ lục IX về hệ thống cống cần cải tạo, nâng cấp được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1399/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bến Tre thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 *(sau đây gọi tắt là Quyết định số 1399/QĐ-TTg).* | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, cập nhật** trong mục 6.1.2.1 thành câu: Hoàn thiện các cống của HTTL Bắc Bến Tre, Nam Bến Tre: Bến Tre, An Hóa, Thủ Cửu, Vàm Nước Trong, Cái Quao, Vàm Thơm.  Các cống: Bến Tre, An Hóa, Thủ Cửu, Vàm Nước Trong, Cái Quao, Vàm Thơm đã có trong Phụ lục I Danh mục đầu tư xây mới, nâng cấp cống hở. |  |
| 2 | Tại Phụ lục I các dự thảo Báo cáo tổng hợp (trang 287), Báo cáo tóm tắt (trang 54), Tờ trình (trang 33) và Quyết định (trang 35): Đề nghị xem xét, điều chỉnh tên *“Cống Sông Dọc (Vàm Bình Định)”* thành *“Cống Sông Dọc (Vàm Định Bình)”* nhằm để phù hợp theo Mục III Phụ lục IX về hệ thống cống cần cải tạo, nâng cấp của Quyết định số 1399/QĐ-TTg. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, điều chỉnh** thành *“Cống Sông Dọc (Vàm Định Bình)”* tại Phụ lục I Danh mục đầu tư xây mới, nâng cấp cống hở tại Báo cáo tổng hợp và các tài liệu liên quan |  |
| 3 | Đề nghị xem xét, bổ sung danh mục kênh nạo vét vùng Bắc Bến Tre và Nam Bến Tre, nhằm để phù hợp theo Mục II Phụ lục IX về hệ thống kênh trục, kênh cấp 1, cấp 2 cần nạo vét của Quyết định số 1399/QĐ-TTg, cụ thể như sau:  - Vùng Bắc Bến Tre:  + Rạch Bến Rớ từ cống Bến Rớ đến cầu Cái Cỏ.  + Kênh Trục Dẫn Cây Da.  + Kênh Trục Dẫn Cầu Sập.  - Vùng Nam Bến Tre:  + Kênh Cái Chát.  + Kênh Chín Thước.  + Cải tạo kênh Cái Cá làm hồ chứa nước ngọt.  + Trục Dẫn Phụ Nữ - Cái Cá - Cả Ráng Sâu. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, chỉnh sửa** tại Phụ lục II: Danh mục Nạo vét kênh.  Riêng đối với kênh Cái Cá đã đưa vào danh mục trong Phụ lục III: Các công trình trữ nước. |  |
| 4 | Đề nghị xem xét, điều chỉnh tên kênh trục dẫn ngọt - vùng Nam Bến Tre (tại trang 307 dự thảo Báo cáo tổng hợp, trang 74 dự thảo Báo cáo tóm tắt, trang 49 dự thảo Tờ trình và trang 54 dự thảo Quyết định) nhằm để phù hợp theo Mục I Phụ lục IX về hệ thống đê bao, bờ bao theo kênh cấp 1, cấp 2 cần nâng cấp, bổ sung của Quyết định số 1399/QĐ-TTg, cụ thể như sau:  - Điều chỉnh *“Vàm Xã - Cầu Mới - Cầu Sơn - Cái Hàng - Cả Chát – sông Thơm”* thành *“Trục* *Vàm Xã - Cầu Mới - Cầu Sơn - Cái Hàng - Cả Chát – sông Thơm - kênh Phụ Nữ”*.  - Điều chỉnh *“Vàm Cái Gà - Cái Mơn - Vĩnh Hòa - Giồng Keo - Sông Mỏ Cày”* thành *“**Vàm Cái Gà - Cái Mơn - Vĩnh Hòa - Giồng Keo - Sông Mỏ Cày – An Bình - Đồng Khởi - Chín Thước - Cổ Rạng”*. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, chỉnh sửa như sau:**  Điều chỉnh thành *“Trục Vàm Xã - Cầu Mới - Cầu Sơn - Cái Hàng - Cả Chát - sông Thơm - kênh Phụ Nữ”*, *“Vàm Cái Gà - Cái Mơn - Vĩnh Hòa - Giồng Keo - Sông Mỏ Cày - An Bình - Đồng Khởi - Chín Thước - Cổ Rạng”* vào vùng Nam Bến Tre Phụ lục II Báo cáo tổng hợp. |  |
| 5 | Tại Phụ lục III về danh mục đầu tư xây dựng mới, nâng cấp công trình trữ nước của các dự thảo Báo cáo tổng hợp, Báo cáo tóm tắt, Tờ trình và Quyết định: Đề nghị xem xét, bổ sung danh mục *“Cải tạo, nạo vét sông Ba Lai thành hồ chứa nước Ba Lai”* vào danh mục của tỉnh Bến Tre, nhằm để phù hợp để phù hợp theo Mục I Phụ lục IX về hệ thống đê bao, bờ bao theo kênh cấp 1, cấp 2 cần nâng cấp, bổ sung của Quyết định số 1399/QĐ-TTg. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, bổ sung** danh mục *“Cải tạo, nạo vét sông Ba Lai thành công trình trữ nước Ba Lai”* tại Phụ lục III Danh mục đầu tư xây dựng mới, nâng cấp công trình trữ nước của Báo cáo tổng hợp |  |
| 6 | Tại Phụ lục IV về danh mục xây dựng mới, nâng cấp đê sông của các dự thảo Báo cáo tổng hợp, Báo cáo tóm tắt, Tờ trình và Quyết định: Đề nghị xem xét, bổ sung thêm vào danh mục của tỉnh Bến Tre các tuyến đê sau:  + Nâng cấp tuyến đê từ cống Định Trung đến cống Thừa Long 2 (cống DK).  + Nâng cấp đê biển Ba Tri.  + Xây mới đê biển Thạnh Phú (từ rạch Eo Lói đến rạch Ông Phụ). | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình như sau:**  Quy hoạch thủy lợi chỉ định hướng giải pháp chung cho hệ thống đê biển. Hiện, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đang giao cho Cục Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai tổ chức lập Quy hoạch đê điều hệ thống đê biển, đê cửa sông các tỉnh, thành phố từ Quảng Ninh đến Kiên Giang, nội dung quy hoạch này sẽ giải quyết các vấn đề liên quan đến tác động từ biển và hệ thống đê biển, đê cửa sông trên địa bàn các tỉnh. |  |
| **V** | **Tỉnh Kiên Giang (Công văn số 2289/UBND-KT ngày 21/10/2024)** |  |  |
| 1 | Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn bổ sung các danh mục dự án, công trình trên địa bàn tỉnh Kiên Giang theo các Phụ lục đính kèm vào danh mục các dự án, công trình thuộc Phụ lục kèm theo Dự thảo Tờ trình, Dự thảo Quyết định Phê duyệt Quy hoạch và cập nhật, bổ sung vào các Báo cáo tổng hợp, Báo cáo tóm tắt của Quy hoạch. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, bổ sung** các danh mục công trình kèm theo công văn số 2289/UBND-KT vào trong các Phụ lục I, II, III, IV, V, VI của Quy hoạch. |  |
| **VI** | **Thành phố Cần Thơ (Công văn số 2707/SNN&PTNT-KHTC ngày 24/9/2024)** |  |  |
| 1 | Tại khoản 3, mục III trong báo cáo tóm tắt có nêu "Lượng phù sa về đồng bằng ước tính còn khoảng 5% so với thời điểm cao nhất (khoảng 120 triệu tấn vào năm 2000)" và "Việc khai thác nước dưới đất cho sinh hoạt và sản xuất là một trong những nguyên nhân dẫn đến tình lún sụt đất nền ở đồng bằng, làm gia tăng mức độ ngập úng (do lũ, do triều) và xâm nhập mặn". Vần đề suy giảm phù sa và sử dụng nước ngầm quá mức gây sụp lún là hai vấn đề lớn, thách thức đối với sự phát triển của Đồng bằng sông Cửu Long trong thời gian tới. Đơn vị tư vấn nên làm rõ hơn các giải pháp cụ thể để ứng phó và giải quyết vấn đề này. | **Cơ quan lập quy hoạch giải trình như sau:**  Suy giảm phù sa do phát triển thượng nguồn sông Mê Công, làm gia tăng nguy cơ sạt lở bờ sông, bờ biển ở đồng bằng. Trước tác động này, giải pháp chủ động để ứng phó do sự thiếu hụt phù sa, sạt lở đã được đề xuất trong phần Giải pháp phi công trình: Hạn chế, quản lý khai thác cát sỏi, sắp xếp dân cư sống ven sông rạch.  Giải pháp hạn chế khai thác nước dưới đất nhằm giảm thiểu nguy cơ gây sụt lún đất ở đồng bằng trong đã được đề xuất tại phần Giải pháp phi công trình.  Hiện nay Sở Tài nguyên và Môi trường các tỉnh, thành vùng ĐBSCL đang trong quá trình triển khai xây dựng lập bản đồ khoanh định vùng hạn chế khai thác nước dưới đất theo Nghị định số 167/NĐ-CP ngày 26/12/2018 về quy định việc hạn chế khai thác nước dưới đất ở các vùng chứa nước ngọt. Đây được xem như là một giải pháp, công cụ để quản lý về mặt cấp phép cho các tổ chức, cá nhân khai thác nguồn nước dưới đất phục vụ cấp nước sinh hoạt, sản xuất kinh doanh ở vùng, nhằm đảm bảo việc khai thác hợp lý về tầng chứa nước được khai thác, lưu lượng tối đa được khai thác, phạm vi không gian theo địa giới được khai thác. |  |
| 2 | Danh mục công trình đề xuất trong Báo cáo tóm tắt như sau: Tại trang 36, mục II, phụ lục I, danh mục hệ thống các cống ven sông Hậu thì cống Mái Dầm và cống Cái Côn thuộc địa bàn tỉnh Hậu Giang (không phải địa bàn Tp. Cần Thơ). | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, chỉnh sửa như sau:**  Điều chỉnh cống Mái Dầm, cống Cái Côn thuộc tỉnh Hậu Giang tại Phụ lục I. |  |
| 3 | Danh mục công trình đề xuất trong Báo cáo tóm tắt như sau: Tại trang 81, mục VII, phụ lục II - danh mục nạo vét các kênh thuộc hệ thống kênh KH. Đề nghị bổ sung thêm kênh KH1 thuộc địa bàn Kiên Giang - Cần Thơ vào danh mục. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, chỉnh sửa như sau:**  Bổ sung kênh KH1 thuộc địa bàn tỉnh Kiên Giang - Cần Thơ vào Phụ lục II Danh mục nạo vét kênh. |  |
| 4 | Danh mục công trình đề xuất trong Báo cáo tóm tắt như sau: Tại trang 113, mục VIII, phụ lục VI - danh mục các cống thuộc thành phố Cần Thơ: Đề nghị không đưa các cống có số thứ tự từ 18 đến 26 vào danh mục do các cống này đã được địa phương đầu tư xây dựng bằng nguồn vốn ODA. Thay vào đó đề nghị bổ sung các cống chống ngập và xâm nhập mặn khu vực đô thị phía nam sông Cần Thơ (thuộc địa bàn quận Cái Răng) vào danh mục với 17 cống dọc sông Hậu, sông Cần Thơ, kênh Thạnh Đông (Danh mục kèm theo công văn của Chi cục Thủy lợi Tp Cần Thơ). | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, chỉnh sửa như sau:**  Bỏ các cống: Rạch Sao, Rạch Ranh, Rạch Súc, Rạch Nước Lạnh, Rạch Phó Thọ, Rạch Cây Dừa, Rạch Bà Lễ, Rạch Trần Ngọc Quế, Rạch Tham Tướng tại Phụ lục VI (Danh mục các cống chống ngập úng các thành phố).  Bổ sung danh mục với 17 cống dọc sông Hậu, sông Cần Thơ, kênh Thạnh Đông: Cống Cái Răng; Cống Cái Nai; Cống Cái Da; Cống Vong; Cống 26/3; Cống Bà Trại; Cống Cái Sâu; Cống Bùng Binh; Cống Bến Bạ; Cống Bến Bạ 2; Cống Ông Củ Lớn; Cống Xẻo Da; Cống Mù U; Cống Ngã Bát; Cống Xẻo Lá; Cống Đường Gỗ; Cống Ấp Mỹ. |  |
| **VII** | **Tỉnh Hậu Giang (Công văn số 1736/SNNPTNT-CCTL ngày 20/9/2024)** |  |  |
| 1 | Về phương án và giải pháp thủy lợi:  - Đề nghị điều chỉnh diện tích đăng ký thực hiện Đề án lúa chất lượng cao đến năm 2030 của tỉnh Hậu Giang tại Bảng 5-1 là 46.000ha.  - Về giải pháp thủy lợi các cống ven sông Hậu đề nghị bổ sung thêm cống Cái Dầu để ngăn lũ, triều cường và về lâu dài sẽ ngăn mặn bảo vệ vườn cây ăn trái, bảo vệ sản xuất nông nghiệp và sinh hoạt của người dân. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, chỉnh sửa như sau:**  Điều chỉnh diện tích đăng ký thực hiện Đề án lúa chất lượng cao đến năm 2030 của tỉnh Hậu Giang trong Bảng 5-1 Báo cáo tổng hợp.  Bổ sung thêm cống Cái Dầu nằm trong hệ thống cống ven sông Hậu tại Phụ lục I. |  |
| 2 | Về danh mục công trình trên địa bàn tỉnh Hậu Giang:  - Các cống ven sông Hậu, cống Mái Dầm và cống Cái Côn điều chỉnh địa điểm thành tỉnh Hậu Giang.  - Bổ sung vào danh mục cống Cái Dầu của tỉnh Hậu Giang.  - Hệ thống cống ngăn mặn Nam Xà No (Giai đoạn 2): 09 cống đề nghị bổ sung thêm nhiệm vụ “Tưới, tiêu, kiểm soát mặn, kiểm soát lũ và triều cường.  - Bổ sung vào danh mục Hồ trữ nước ngọt trên dòng sông tỉnh Hậu Giang. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, chỉnh sửa như sau:**  Điều chỉnh cống Mái Dầm và cống Cái Côn thuộc tỉnh Hậu Giang tại Phụ lục I  Bổ sung thêm cống Cái Dầu vào Hệ thống cống ven sông Hậu tại Phụ lục I.  Bổ sung nhiệm vụ của Hệ thống cống ngăn mặn Nam Xà No (Giai đoạn 2): Tưới, tiêu, kiểm soát mặn, kiểm soát lũ và triều cường.  Hồ trữ nước ngọt: Việc đầu tư các cống ven sông Hậu thuộc tỉnh Hậu Giang, các cống ven kênh Xà No, cũng như vận hành các cống thuộc hệ thống thủy lợi Ô Môn - Xà No hợp lý có thể trữ được nước ngọt trên toàn bộ hệ thống sông, kênh của tỉnh Hậu Giang. Đây cũng là giải pháp phi công trình quan trọng được đề xuất trong quy hoạch để ứng phó với vấn đề hạn hán, xâm nhập mặn của các tỉnh ĐBSCL. |  |
| **VIII** | **Tỉnh Trà Vinh (Công văn số 1008/BC-SNN ngày 24/9/2024)** |  |  |
| 1 | Điều chỉnh gạch đầu dòng thứ 3 *“Cải tạo thay thế cửa van đóng mở tự động cưỡng bức (ít nhất 01 cửa/cống) tại các cống đầu mối: Mỹ Văn, Rạch Rum; Các cống Bà Trầm, Điệp Thạch, Nhà Thờ, Ngãi Hòa, Ngãi Hiệp, Rạch Kinh phía sông Cổ Chiên và các cống: Hàm Giang, Trà Cú, La Bang, Bắc Trang phía sông Hậu”* thành *“Cải tạo thay thế cửa van đóng mở tự động cưỡng bức (ít nhất 01 cửa/cống) tại các cống đầu mối: Mỹ Văn, Rạch Rum, Trà Cú, La Bang, Bắc Trang phía sông Hậu; Các cống Bà Trầm, Điệp Thạch, Nhà Thờ, Ngãi Hòa, Ngãi Hiệp, Rạch Kinh phía sông Cổ Chiên”* tại mục 6.1.2.2 trang 197 Báo cáo Tổng hợp | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, chỉnh sửa** thành *“**Cải tạo thay thế cửa van đóng mở tự động cưỡng bức (ít nhất sửa chữa 1 cửa van cho mỗi cống) tại các cống đầu mối: Mỹ Văn, Rạch Rum, Trà Cú, La Bang, Bắc Trang phía sông Hậu; Các cống Bà Trầm, Điệp Thạch, Nhà Thờ, Ngãi Hòa, Ngãi Hiệp, Rạch Kinh phía sông Cổ Chiên”* vào mục 6.1.2.2 Báo cáo tổng hợp. |  |
| 2 | Điều chỉnh gạch đầu dòng thứ 4 *“Mở rộng cống Cái Hóp (B=25m); Đầu tư xây dựng 5 cống trên địa bàn xã Huyền Hội, Phương Thạnh huyện Càng Long”* thành *“Đầu tư xây dựng âu thuyền Cái Hóp (B=25m); Đầu tư xây dựng 5 cống trên địa bàn xã Huyền Hội, Phương Thạnh, huyện Càng Long”* *”* tại mục 6.1.2.2 trang 197 Báo cáo Tổng hợp. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, chỉnh sửa** thành *“**Đầu tư xây dựng âu thuyền Cái Hóp (B=25m); Đầu tư xây dựng 5 cống trên địa bàn xã Huyền Hội, Phương Thạnh, huyện Càng Long”* vào mục 6.1.2.2 Báo cáo tổng hợp. |  |
| 3 | Tại số thứ tự 1, phần II, Phụ lục I Báo cáo Tổng hợp: *“Cống Bà Trầm”*, đề nghị điều chỉnh thành *“cống Bà Trân”* | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, chỉnh sửa** thành *“Cống Ba Trân”* |  |
| 4 | Tại phần III, phụ lục I Báo cáo tổng hợp: Cống Mỹ Văn, cống Rạch Rum nằm ở nhánh sông Cổ Chiên, đề nghị điều chỉnh sang nhánh sông Hậu | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, chỉnh sửa** cống Mỹ Văn, cống Rạch Rum sang hệ thống cống thuộc nhánh sông Hậu tại Phụ lục I Báo cáo tổng hợp |  |
| 5 | Tại số thứ tự 5, phần B phụ lục III, Báo cáo Tổng hợp: *“Công trình trữ nước bờ sông Láng Thé đảm bảo an ninh nguồn nước”* thành *“Hạ tầng hồ chứa nước ngọt dọc bờ sông Láng Thé đảm bảo an ninh nguồn nước các huyện Càng Long, Châu Thành và thành phố Trà Vinh”* | **Cơ quan lập quy hoạch** tiếp thu, chỉnh sửa thành *“Công trình trữ nước Láng Thé”* |  |
| 6 | Tại số thứ tự III, phần I, phụ lục I, Báo cáo Tổng hợp, đề nghị bổ sung nâng cấp cống Vàm Buôn (02 cửa, chiều rộng mỗi cửa 8m; cao trình đáy -3m) phía sông Hậu | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, bổ sung** tại Phụ lục I danh mục dự án: Nâng cấp cống Vàm Buôn (2 cửa, chiều rộng mỗi cửa 8m, cao trình đáy -3m) phía sông Hậu |  |
| **IX** | **Tỉnh Sóc Trăng (Công văn số 3116/UBND-KT ngày 27/9/2024)** |  |  |
| 1 | Tại Phụ lục I, Mục I: Hệ thống cống kiểm soát mặn dọc sông Hậu của Báo cáo tóm tắt (trang 37): Đề nghị bổ sung 3 cống trên tuyến Nam sông Hậu gồm: cống Lò Gạch, cống Phèn Đen, cống Hai Liềm để đảm bảo khép kín kiểm soát nguồn nước tuyến Nam sông Hậu. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, bổ sung** các cống Lò Gạch, Phèn Đen, Hai Liềm vào mục I Hệ thống cống kiểm soát mặn dọc sông Hậu tại Báo cáo tổng hợp. |  |
| 2 | Tại Phụ lục I, Mục II: Nâng cấp mở rộng cống tiêu chính vùng ba Rinh – Tà Liêm:  - Đề nghị sửa đổi tên cống từ *“cống Thạnh Mỹ”* thành *“cống Mỹ Phước”*  - Đề nghị bổ sung nâng cấp mở rộng các cống sau: Cống Xẽo Gừa, cống Thạnh Phú, cống Ba Rẹt, cống Tuân Tức, cống Sa Keo, cống Cái Trầu, cống Bưng Côi, cống Bố Thảo, cống An Tập, cống Lâm trường Mỹ Phước. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, chỉnh sửa như sau:**  Điều chỉnh*“cống Thạnh Mỹ”* thành *“cống Mỹ Phước”*  Bổ sung nâng cấp, mở rộng các cống: Cống Xẽo Gừa, cống Thạnh Phú, cống Ba Rẹt, cống Tuân Tức, cống Sa Keo, cống Cái Trầu, cống Bưng Côi, cống Bố Thảo, cống An Tập, cống Lâm trường Mỹ Phước. |  |
| 3 | Tại Phụ lục I, Mục IV: Hệ thống cống kiểm soát nguồn nước phía Nam kênh Quản Lộ - Phụng Hiệp: Đề nghị sửa đổi bổ sung nội dung *“Xây dựng mới 15 cống kiểm soát nguồn nước phía Nam kênh Quản Lộ - Phụng Hiệp trên địa bàn huyện Mỹ Tú và Thị xã Ngã Năm”* thành *“xây dựng mới 17 cống, quy mô 5-20m, vốn đầu tư 600 tỷ đồng”* | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, chỉnh sửa** thành “*Hệ thống cống kiểm soát nguồn nước phía nam kênh Quản Lộ - Phụng Hiệp (17 cống)*” và cập nhật quy mô, nhiệm vụ và vốn đầu tư. |  |
| 4 | Tại Phụ lục I, Mục I, Phần N: Hệ thống Long Phú - Tiếp Nhật: Bổ sung các công trình sau:  - Cống Năm Mẫm, cống Lộ Đình, cống Thủy Nông, cống Tiếp Nhật, cống Xã Chỉ.  - Nâng cấp 14 cống trên tuyến tỉnh lộ 935B (từ cống số 2 đến cống số 14)  - Mở rộng, nâng cấp cống Cái Trúc, cống Đại Ngãi (trên tuyến Huyện lộ 22). | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, bổ sung:**  Cống Năm Mẫm, cống Lộ Đình, cống Thủy Nông, cống Tiếp Nhật, cống Xã Chỉ.  Nâng cấp 14 cống trên tuyến tỉnh lộ 935B (từ cống số 2 đến cống số 14)  Mở rộng, nâng cấp cống Cái Trúc, cống Đại Ngãi (trên tuyến Huyện lộ 22). |  |
| 5 | Tại Phụ lục I, Phần Q: Vùng ven biển Sóc Trăng – Bạc Liêu: Đề nghị bổ sung vào Mục V: Nâng cấp tuyến đê biển trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng gồm:  - Nâng cấp, cứng hóa tuyến đê biển Vĩnh Châu từ cầu Mỹ Thanh 2 đến ranh tỉnh Bạc Liêu và nâng cấp mở rộng đồng bộ 16 cống dưới đê (từ cống số 2 đến cống số 17).  - Nâng cấp cứng hóa tuyến đê biển Cù Lao Dung (từ rạch Mù U – Vàm Hồ Lớn), huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.  - Nâng cấp mở rộng cống dưới đê biển Trần Đề (gồm các cống Tầm Vu, Đông Xuân, Ông Khinh, Sáu Quế 1 và Sáu Quế 2)” | **Cơ quan lập quy hoạch giải trình như sau:**  Quy hoạch thủy lợi chỉ định hướng giải pháp chung cho hệ thống đê biển. Hiện, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đang giao cho Cục Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai tổ chức lập Quy hoạch đê điều hệ thống đê biển, đê cửa sông các tỉnh, thành phố từ Quảng Ninh đến Kiên Giang, nội dung quy hoạch này sẽ giải quyết các vấn đề liên quan đến tác động từ biển và hệ thống đê biển, đê cửa sông trên địa bàn các tỉnh. |  |
| 6 | Tại Phụ lục II, Mục X: Long Phú - Tiếp Nhật: Đề nghị bổ sung các công trình sau: Kênh 96-Long Hưng; kênh 22/5; kênh Sóc Ven (Đoạn từ kênh Lộ Đình đến kênh Bà Xẩm); kênh Đê sông Mỹ Thanh. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, bổ sung** kênh 96-Long Hưng; kênh 22/5; kênh Sóc Ven (Đoạn từ kênh Lộ Đình đến kênh Bà Xẩm); kênh Đê sông Mỹ Thanh tại Phụ lục II |  |
| 7 | Tại Phụ lục II, Mục XIII: Quản Lộ - Phụng Hiệp, đề nghị:  - Tiểu vùng Kế Sách: Đề nghị bổ sung các công trình sau: Kênh số 01; kênh 30/4; rạch Phụng An; kênh Cái Trúc; kênh Ba Rinh - Mang Cá; kênh Saintard (Đoạn từ vàm Đại Ngãi- Dù Tho); kênh Maspero.  - Tiểu vùng Ba Rinh: Đề nghị bổ sung các công trình sau: Kênh 19/5; kênh Xẻo Gừa; kênh Ô Quên; kênh Gòn.  - Tiểu vùng ngọt Bạc Liêu - Sóc Trăng: Đề nghị bổ sung các công trình sau: kênh Xẻo Chít; kênh Thầy Cai Nhâm. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, bổ sung**  vào Phụ lục II Danh mục nạo vét kênh tại Báo cáo tổng hợp  Tiểu vùng Kế Sách: Kênh số 1; kênh 30/4; rạch Phụng An; kênh Cái Trúc; kênh Ba Rinh - Mang Cá; kênh Saintard (Đoạn từ vàm Đại Ngãi- Dù Tho); kênh Maspero.  Tiểu vùng Ba Rinh: Kênh 19/5; kênh Xẻo Gừa; kênh Ô Quên; kênh Gòn.  Tiểu vùng ngọt Bạc Liêu - Sóc Trăng: kênh Xẻo Chít; kênh Thầy Cai Nhâm. |  |
| 8 | Tại Phụ lục II, Mục XVII: Ven biển Sóc Trăng - Bạc Liêu: Đề nghị bổ sung các công trình sau: Kênh 300; kênh Trà Niên Từ Mỹ Thanh - Lai Hòa); sông Vĩnh Châu; kênh Bảy Túc; kênh Tân Quy; rạch Giồng Chùa; nạo vét thượng, hạ lưu các cống ven biển. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, bổ sung** Kênh 300; kênh Trà Niên Từ Mỹ Thanh - Lai Hòa); sông Vĩnh Châu; kênh Bảy Túc; kênh Tân Quy; rạch Giồng Chùa; nạo vét thượng, hạ lưu các cống ven biển vào Phụ lục II Danh mục nạo vét kênh tại Báo cáo tổng hợp |  |
| 9 | Tại Phụ lục III: Danh mục đầu tư xây dựng mới, nâng cấp công trình trữ nước: Đề nghị bổ sung các công trình sau: Công trình trữ nước ngọt (hồ chứa nước) Lâm trường Phú Lợi; Công trình trữ nước ngọt (hồ chứa nước) Lâm trường Thạnh Trị; Hồ chứa nước xã Phong Nẫm; Hồ chứa nước huyện Cù Lao Dung. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, bổ sung** danh mục công trình trữ nước Lâm trường Phú Lợi, Lâm trường Thạnh Trị, hồ chứa nước xã Phong Nẫm, hồ chứa nước huyện Cù Lao Dung vào Phụ lục III Danh mục đầu tư xây dựng mới, nâng cấp công trình trữ nước tại Báo cáo tổng hợp |  |
| 10 | Tại Phụ lục IV: Đề nghị bổ sung các công trình nâng cấp các tuyến đê tỉnh Sóc Trăng, như sau:  - Nâng cấp đê sông các cù lao huyện Kế Sách (Cồn Phong Nẫm, Cồn An Tấn, An Công, Cồn Mỹ Phước).  - Đê sông Mỹ Thanh, đê sông Nhu Gia, đê sông Vàm Lẽo (đoạn từ ngã 3 sông Mỹ Thanh đến Lai Hòa).  - Nâng cấp mở rộng các cống dưới đê bao sông thuộc huyện Cù Lao Dung và các cồn trên sông Hậu thuộc huyện Kế Sách. | **Cơ quan lập quy hoạch giải trình như sau:**  Các tuyến đê sông ssẽ được đề xuất trong quy hoạch chuyên ngành về đê điều theo quy định của pháp luật. |  |
| **X** | **Tỉnh Bạc Liêu (Công văn số 1721/SNN-TL ngày 20/9/2024)** |  |  |
| 1 | Trang 9 dòng thứ 3 từ cuối trang đếm lên. Xem xét điều chỉnh từ “biến đổi” thành từ “dao động” để cho hợp lý. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, chỉnh sửa như sau:**  Tiếp thu, chỉnh sửa cụm từ “*biến đổi*” thành “*dao động*” tại Mục 1.3.1.4 Báo cáo tổng hợp |  |
| 2 | Trang 12 dòng thứ nhất bổ sung từ “do” phía sau từ “ngập” để trở thành cụm từ “ngập do triều”. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, chỉnh sửa** thành “*ngập do triều*” tại Mục 3.3.2.3 của Báo cáo tổng hợp |  |
| 3 | Trong Báo cáo có đề cập mặt đất tự nhiên bị lún khi khai thác nước ngầm thì cần phải đề xuất kiểm tra lại toàn bộ các mốc cao độ hạng III, hạng IV. Vì nếu mặt đất tự nhiên lún đều thì các mốc cao độ này sẽ lún theo làm sai lệch cao độ theo mốc cao độ quốc gia. Từ đó khi dẫn mốc hạng III, Hạng IV để xây dựng các công trình thì sẽ bị lệch và dẫn đến các công trình mới xây dựng, nâng cấp sẽ có cao độ không chuẩn so với cao độ quốc gia. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình như sau:** Việc quản lý, theo dõi, kiểm tra các mốc theo cao độ quốc gia là trách nhiệm của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Trong phần kiến nghị của quy hoạch cũng đã đề xuất giao Bộ Tài nguyên và Môi trường tiếp tục thực hiện nhiệm vụ này. |  |
| 4 | Trang 201: Tiểu vùng ngọt của Bạc Liêu cống Xẻo Chít điều chỉnh lại tên là cống Xẻo Chích (Thứ tự số 5 phụ lục XII Quyết định 1598/QĐ-TTg) và sửa lại tên Xẻo Chích trên các văn bản khác. Bổ sung thêm cống Xóm Lung và điều chỉnh thành Đầu tư mới 07 cống ngăn mặn (cống Cái Tràm, Cầu Số 3, Chệt Niêu, Ấp Dôn, Cả Vĩnh, Nước Mặn và cống Xóm Lung), (Thứ tự số 1 phụ lục XII Quyết định 1598/QĐ-TTg). | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, chỉnh sửa như sau:**  Điều chỉnh thành tên cống Xẻo Chích.  Bổ sung trong Phụ lục I: Danh mục đầu tư xây mới/nâng cấp cống hở: cống Cái Tràm, Cầu Số 3, Chệt Niêu, Ấp Dôn, Cả Vĩnh, Nước Mặn và cống Xóm Lung. |  |
| 5 | Trang 208: Mô hình trạm bơm + đường ống cấp nước cho NTTS: Bổ sung quy hoạch cho Bạc Liêu từ 1 đến 2 trạm bơm để phục vụ cho nuôi tôm công nghệ cao, nuôi tôm tập trung trên diện lớn. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình như sau:** Mô hình trạm bơm kết hợp đường ống cấp nước cho nuôi trồng thủy sản thích hợp cho các mô hình nuôi thâm canh, siêu thâm canh do chi phí đầu tư ban đầu, cũng như quản lý vận hành, việc hoạt động ổn định của mô hình cần có thực tiễn kiểm nghiệm kỹ hơn. Do vậy trong quy hoạch này mới đề xuất một số dự án để tổng kết, rút kinh nghiệm mô hình trước khi triển khai nhân rộng.  Các vị trí đề xuất xây dựng hệ thống cấp nước bằng đường ống kết hợp trạm bơm:  Bạc Liêu: Khu nuôi tôm công nghệ cao của Tp Bạc Liêu 450ha; Dự án cấp nước khu nuôi tôm tập trung Vĩnh Trạch Đông- TP Bạc Liêu: 800ha.  Kiên Giang: Tuyến đường ống từ biển vào đầu tuyến đường bãi Chà Và - Xoa Ảo; Tuyến đường ống từ biển vào đầu tuyến kênh Cây Me.  Cà Mau: Khu vực Nuôi tôm tập trung 400 ha U Minh Hạ quy hoạch đầu tư đường ống cấp nước từ biển. |  |
| 6 | Trang 209: Điều chỉnh “Khu nuôi tôm công nghệ cao TP Bạc Liêu 450ha” thành “Khu nuôi tôm công nghệ cao TP Bạc Liêu quy hoạch đầu tư đường ống cấp nước từ biển vào” | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, chỉnh sửa** thành: “*Khu nuôi tôm công nghệ cao TP Bạc Liêu 450ha quy hoạch đầu tư đường ống cấp nước từ biển vào*”. |  |
| 7 | Dự thảo tờ trình: Cập nhật tên, quy mô các công trình theo Quyết định số 6005/QĐ-BNN-XD ngày 29/12/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Quyết định 1598/QĐ-TTg ngày 08/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ. Ví dụ: Đề nghị khảo sát hiện trạng để cập nhật quy mô cho phù hợp như cống Xẻo Chích, cao trình đáy= -2m (trang 24) nên điều chỉnh cao trình đáy ≥ -3m. Cống Công Điền, cao trình đáy = -5,5m (trang 42) nên điều chỉnh cao trình đáy ≥ -2,5m… | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, chỉnh sửa** thông số các cống trong danh mục của Báo cáo tổng hợp và Dự thảo Quyết định, Tờ trình. |  |
| 8 | Một số giải pháp thủy lợi, danh mục công trình trên địa bàn tỉnh phục vụ Đề án “Phát triển bền vững một triệu héc ta chuyên canh lúa chất lượng cao và phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng Đồng bằng sông Cửu Long”: tham khảo thêm Công văn số 1702/UBND-KT ngày 09/5/2024 về việc đề xuất tham gia Dự án hỗ trợ hạ tầng và kỹ thuật cho sản xuất lúa các bon thấp vùng ĐBSCL, vay vốn Ngân hàng Thế giới. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu,** bổ sung danh mục Nâng cấp hệ thống tưới tiêu phục vụ sản xuất lúa các bon thấp tỉnh Bạc Liêu tại Mục VIII, Phụ lục VI: Danh mục nâng cấp, xây mới hệ thống đê bao, bờ bao, thủy lợi nội đồng. |  |
| 9 | Tại Báo cáo ĐMC: Trang 27: Đề nghị xem lại, vì hiện tại Bạc Liêu chỉ có đê Biển Đông (chưa có đê Đông Hộ Phòng) | **Cơ quan lập quy hoạch giải trình như sau**:  Thực tế hiện nay chưa có đê Đông Hộ Phòng, tuy nhiên trong phương án Quy hoạch có đề xuất giải pháp đê Đông Hộ Phòng của tỉnh Bạc Liêu. |  |
| 10 | Tại Báo cáo ĐMC: Thứ tự mục 67, trang 31 điều chỉnh tên dự án là: Đê sông và công trình để phòng chống triều cường cho 5 xã phía Tây huyện Đông Hải (Hộ Phòng - Tắc Vân - Cái Su - Tắc Vân - Hộ Phòng). | **Cơ quan lập quy hoạch giải trình như sau:**  Quy hoạch đã có đề xuất giải pháp xây dựng đê sông và cống để phòng chống triều cường cho khu vực 5 xã phía Tây huyện Đông Hải tạo thành 1 ô lớn (tiểu vùng VI). Danh mục công trình cụ thể được đầu tư theo quyết định phê duyệt Quy hoạch tỉnh. |  |
| 11 | Tại Báo cáo ĐMC: Trong Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược có liệt kê một số tác động, trong đó có tác động từ kênh đào Phù Nam Techo do Campuchia thực hiện và trong Báo cáo chỉ đánh giá về mức độ tưới tiêu hiện tại trong những năm qua, hiện chưa đưa ra được giải pháp khi Đồng bằng Sông Cửu Long bị thiếu nước do Campuchia đào kênh Phù Nam Techo. Nếu thực tế Đồng bằng Sông Cửu Long thiếu nước trong tương lai gần thì Quy hoạch đâu là kênh chuyển nước từ sông Mê Kông về Đồng bằng Sông Cửu Long. | **Cơ quan lập quy hoạch giải trình như sau:**  Quy hoạch đã đề xuất 3 kịch bản tính toán (Nhanh bền vững, cao và cực đoan), trong cả 3 kịch bản này đã có xem xét đến việc biến động nguồn nước khi Campuchia xây dựng kênh đào Phù Nam. Quy hoạch đã đề xuất giải pháp thủy lợi phục vụ tưới, tiêu, kiểm soát lũ, kiểm soát mặn trong trường hợp có kênh đào Phù Nam. |  |
| **XI** | **Tỉnh Cà Mau (Công văn số 8006/UBND-XD ngày 25/9/2024)** |  |  |
| 1 | Đối với nội dung vùng sinh thái ngọt của phân vùng quy hoạch và điểm khống chế mặn trong Tờ trình, Quyết định và Báo cáo tóm tắt: Bổ sung thêm phương án phát triển mạng lưới thủy lợi vùng sinh thái ngọt của tỉnh Cà Mau (theo Quyết định số 1386/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Cà Mau thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Quyết định số 287/QĐ-TTg ngày 28/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 847/QĐ-TTg ngày 14/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phòng, chống thiên tai và thủy lợi thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050). | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, bổ sung** giải pháp thủy lợi cho vùng ngọt tỉnh Cà Mau (tiểu vùng U Minh Hạ) tại Mục 6.1.1.2, Tiểu mục 9 Báo cáo tổng hợp |  |
| 2 | Tại điểm 5, điểm 6, mục T, Phụ lục I trong nội dung Tờ trình, Quyết định và Báo cáo tóm tắt Quy hoạch ghi chưa đúng địa điểm (Cống Cổ Chiên và Cống Cung Hầu không phải tại Cà Mau), đề nghị đơn vị soạn thảo điều chỉnh cho phù hợp. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, chỉnh sửa như sau:**  Điều chỉnh cống Cổ Chiên thuộc tỉnh Trà Vinh, cống Cung Hầu thuộc tỉnh Bến Tre vào Báo cáo tổng hợp |  |
| **XII** | **Tỉnh An Giang (Công văn số 1680/UBND-KTN ngày 28/11/2024)** |  |  |
| 1 | Tại mục 1.2.3.1. Các yếu tố xã hội (dự báo dân số tại Bảng 1-20), trong đó dự báo dân số tỉnh An Giang đến năm 2030 là 1.678.805 người, giảm 226.711 người so với năm 2022 (dân số hiện tại năm 2022 là 1.905.516 người). Đề nghị tư vấn xem xét cơ sở dự báo dân số giảm này. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình như sau:**  Căn cứ vào Quy hoạch vùng Đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quyết định 287/QĐ-TTg), dân số của tỉnh An Giang được dự báo sẽ giảm 1,16%/năm. Do vậy đến năm 2030 dân số tỉnh An Giang chỉ còn 1.678.805 người (giảm 226.711 người so với năm 2022) |  |
| 2 | Tại mục 1.2.3.2. Cơ cấu và phát triển các ngành kinh tế, tại Bảng 1-22: Diện tích lúa các tỉnh đăng ký thực hiện Đề án “Phát triển bền vững 1 triệu ha chuyên canh lúa chất lượng cao gắn với tăng trưởng xanh vùng Đồng bằng sông Cửu Long”: thể hiện tỉnh An Giang đăng ký tham gia Đề án đến 2025 là 74.000 ha và đến 2030 là 200.000 ha. Đề nghị đơn vị tư vấn điều chỉnh số liệu đăng ký của tỉnh An Giang theo Công văn số 402/UBND-KTN ngày 17/4/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang, cụ thể: Diện tích thực hiện Đề án đến năm 2025 là 100.000 ha và phấn đấu đến năm 2030 sẽ đạt 150.000 ha. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, cập nhật như sau:**  Diện tích đăng ký thực hiện Đề án “Phát triển bền vững 1 triệu ha chuyên canh lúa chất lượng cao gắn với tăng trưởng xanh vùng Đồng bằng sông Cửu Long” của tỉnh An Giang đến năm 2030 là 150.000ha trong Bảng 1-22 |  |
| 3 | Tại mục 1.3.1.3. Hệ thống kết cấu hạ tầng phòng, chống lũ, tại Bảng 1-30: Hiện trạng hệ thống ô bao khép kín vùng Đồng bằng sông Cửu Long và Bảng 1-31: Hiện trạng hệ thống ô bao chưa khép kín vùng Đồng bằng sông Cửu Long: Theo số liệu tổng hợp này thì An Giang có 654+4 = 658 tiểu vùng, với diện tích là 272.100 ha + 4.801 ha = 276.901 ha, số liệu này chưa tổng hợp đầy đủ của tỉnh. Số liệu thống kê của tỉnh năm 2023 là đê bao, bờ bao có 700 tiểu vùng, gồm 2.662 công trình, với chiều dài 5.806,2km, kiểm soát lũ bảo vệ sản xuất cho 256.634 ha. Trong đó: có 03 công trình đê cấp III vùng Đông kênh Bảy xã, thị xã Tân Châu (tổng chiều dài 22,7km, gồm: đê Bắc kênh Xáng 6,2km, đê Đông kênh Bảy Xã 13,0km và đê kênh nhánh Đông Bảy Xã 3,5km); 421 tiểu vùng bờ bao kiểm soát triệt để, với 1.659 công trình, chiều dài 4.055,6km, kiểm soát lũ hơn 193.941 ha; 235 tiểu vùng bờ bao kiểm soát lũ tháng 8, với 843 công trình, chiều dài 1.438,3km kiểm soát lũ 54.620 ha đất sản xuất 02 vụ và 44 tiểu vùng ngoài bờ bao, với 160 công trình, chiều dài 312,2 km, diện tích 12.074 ha. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, cập nhật** số liệu thống kê hệ thống đê bao tỉnh An Giang trong bảng 1-30 và 1-31 |  |
| 4 | Tại mục 1.3.1.5. Hiện trạng các hồ trữ nước ngọt: đề nghị đơn vị tư vấn bổ sung thêm 03 hồ chứa (Hồ Núi Dài 2, hồ Tà Lọt và hồ Cô Tô) được đầu tư hoàn thành theo dự án Xây dựng hệ thống thuỷ lợi vùng cao thích ứng với biến đổi khí hậu nhằm phục vụ tái cơ cấu sản xuất nông nghiệp cho đồng bào vùng Bảy Núi, tỉnh An Giang. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, cập nhật như sau:**  Bổ sung phần hiện trạng hồ chứa nước ngọt các hồ của tỉnh An Giang: Hồ Núi Dài 2, hồ Tà Lọt và hồ Cô Tô.  Phần Danh mục công trình hồ chưa đề xuất (Phụ lục III): bỏ danh mục xây dựng các hồ: Núi Dài 2, Cô Tô, Tà Lọt. |  |
| 5 | Tại mục 1.3.3.2-1. Đối với tưới, cấp nước (Những tồn tại trong công tác thủy lợi): Đối với khu vực giữa sông Tiền và sông Hậu thuộc tỉnh An Giang là khu vực đầu nguồn. Tuy nhiên, những năm gần đây lưu lượng nước từ sông Mê Công về hạn chế, kết hợp với việc hạ thấp lòng dẫn, nên mực nước trên sông, kênh xu thế xuống thấp dần vào mùa khô, mực nước trên các kênh cấp II, III trơ đáy không thể lấy nước bơm tưới cho sản xuất nhưng không thể nạo vét kênh, bởi vì nạo vét sẽ gây sạt lở đê bao, bờ bao. Đồng thời, hệ thống cống chưa đồng bộ để phục vụ vận hành tích trữ nước vào các kênh này. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, cập nhật như sau:**  Bổ sung nội dung trong Mục 1.3.2: “Đối với khu vực giữa sông Tiền và sông Hậu thuộc tỉnh An Giang là khu vực đầu nguồn, tuy nhiên những năm gần đây lưu lượng nước từ sông Mê Công về hạn chế, kết hợp với việc hạ thấp lòng dẫn, nên mực nước trên sông, kênh xu thế xuống thấp vào mùa khô, các kênh cấp II, III bị cạn đáy không thể lấy nước bơm tưới cho sản xuất. Việc nạo vét kênh cũng gặp khó khăn do nạo vét nhiều sẽ làm gia tăng sạt lở đê bao, bờ bao. Đồng thời, hệ thống cống chưa đồng bộ để phục vụ vận hành tích trữ nước” |  |
| 6 | Tại mục 5.2.3.1. Phương án cấp nước, kiểm soát mặn cho các vùng – Vùng ngọt: trong dự thảo quy hoạch đề xuất xây dựng 02 nhà máy nước (NMN) tập trung, trong đó, NMN sông Hậu 2 khu vực huyện Châu Thành, tỉnh An Giang và NMN Sông Hậu 3 khu vực Châu Đốc, tỉnh An Giang. Tuy nhiên, theo quy hoạch tỉnh An Giang được duyệt tại Quyết định số 1369/QĐ-TTg ngày 15/11/2023 thì vẫn có 02 NMN: NMN sông Hậu 2 khu vực huyện Châu Thành, tỉnh An Giang và NMN sông Hậu 3 khu vực Châu Phú, tỉnh An Giang (quy hoạch tỉnh An Giang phù hợp với quy hoạch vùng Đồng bằng sông Cửu Long 2021-2030 theo Quyết định số 287/QĐ-TTg ngày 28/02/2022). Đề nghị đơn vị tư vấn xem xét rà soát lại NMN Sông Hậu 3 để điều chỉnh vị trí lại cho phù hợp. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, cập nhật như sau:**  Điều chỉnh vị trí xây dựng Nhà máy nước Sông Hậu 3 tại huyện Châu Phú, tỉnh An Giang. |  |
| 7 | Tại mục 5.3.4.1-1) Hướng tiêu thoát lũ: trên bản đồ còn thể hiện 02 đập cao su Trà Sư và Tha La. Đề nghị tư vấn điều chỉnh lại thành 02 cống Trà Sư và Tha La. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, điều chỉnh như sau:**  Điều chỉnh thành cống Tha La và cống Trà Sư tại bản đồ Hình 5-5 |  |
| 8 | Tại mục 6.1.1.1. Kiểm soát lũ: “Khu vực Bắc Vàm Nao, Nam Vàm Nao: Nâng cấp hệ thống đê bao kiểm soát lũ theo ô lớn” đề nghị điều chỉnh thành “Khu vực Bắc Vàm Nao, Nam Vàm Nao: Nâng cấp hệ thống đê bao kết hợp hoàn chỉnh các cống kiểm soát lũ theo ô lớn.” lý do, hiện nay khu vực Bắc Vàm Nao đã cơ bản hoàn chỉnh vùng lớn, tuy nhiên qua sử dụng đã xuống cấp cần thiết cải tạo hệ thống vận hành để đảm bảo đa mục tiêu (kiểm soát lũ, trữ nước, giao thông thủy,…); đối với Nam Vàm Nao thì chưa có hệ thống khép thành 04 phân vùng lớn, cần phải đầu tư hoàn chỉnh. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, cập nhật như sau:**  Giải pháp kiểm soát lũ cho Khu vực Bắc Vàm Nao, Nam Vàm Nao: Nâng cấp hệ thống đê bao kết hợp hoàn chỉnh các cống kiểm soát lũ theo ô lớn. |  |
| 9 | Tại mục 6.1.1.2. Cấp nước, tiêu thoát nước:  - Tại mục 2) Tứ giác Long Xuyên: “Nạo vét hệ thống kênh trục thoát lũ, cấp nước từ sông Hậu về biển Tây.” đề nghị xem xét điều chỉnh thành “- Nạo vét hệ thống kênh trục thoát lũ, cấp nước từ sông Hậu về biển Tây và các tuyến kênh trục ngang.” Bởi vì các trục ngang này góp phần chia nước cho các trục dọc (như kênh ranh An Giang – Kiên Giang, kênh Tám Ngàn).  + Ngoài ra, “Sửa chữa, nâng cấp các hồ chứa nhỏ phục vụ diện tích vùng cao Tri Tôn, Tịnh Biên.” đề nghị điều chỉnh thành “- Đầu tư, sửa chữa, nâng cấp các hồ chứa nhỏ, ao chứa phục vụ diện tích sản xuất, sinh hoạt, và phòng cháy chữa cháy rừng vùng cao Tri Tôn, Tịnh Biên.” Nhằm để có thể đầu tư bổ sung thêm các hồ chứa.  - Tại mục 4) Hệ thống thủy lợi Bắc Vàm Nao: “- Sửa chữa các cửa van vận hành tự động thành dạng cưỡng bức.”, đề nghị điều chỉnh thành “- Sửa chữa, cải tạo nâng cấp các cống, hệ thống vận hành, cửa van.” do các cửa van này, hiện nay vận hành mất nhiều thời gian (trên 45 phút cho một quy trình đóng hoặc mở cống) nên không đảm bảo vận hành tích trữ nước vào hệ thống kênh trong mùa khô để nâng đầu nước trong vùng phục vụ cấp nước.  - Tại mục 7) Tiểu vùng Bắc Vĩnh An:  + “Duy trì các vùng kiểm soát như hiện trạng, củng cố các tuyến kiểm soát lũ hiện hữu, xây dựng thêm hệ thống cống bọng để chủ động kiểm soát lũ (ngăn, lấy lũ) ở các khu vực đang kiểm soát lũ cả năm (Đông kênh Bảy Xã, Nam kênh Xáng).” đề nghị điều chỉnh thành “- Duy trì các vùng kiểm soát như hiện trạng, củng cố các tuyến kiểm soát lũ hiện hữu, xây dựng thêm hệ thống cống bọng để chủ động kiểm soát lũ (ngăn, lấy lũ), vận hành tích trữ nước, hệ thống trạm bơm phục vụ cấp nước vào mùa khô ở các khu vực đang kiểm soát lũ cả năm (Đông kênh Bảy Xã, Nam kênh Xáng và Bắc kênh Xáng).”. Do hiện trạng kênh Vĩnh An, kênh Đào Thần Nông đang bị cạn kiệt vào mùa khô, không thể cấp nước nhưng không thể nạo vét được, vì nạo vét sẽ bị sạt lở.  + “Khu vực phía Tây sông Châu Đốc: Không xây dựng công trình kiểm soát lũ cho khu vực này (giáp biên giới Campuchia), sản xuất theo tự nhiên.”. Theo dự thảo thì vùng Bắc kênh Vĩnh Tế (nằm trong vùng Tứ giác Long Xuyên) cũng tương tự như Khu vực phía Tây sông Châu Đốc nhưng chưa thể hiện trong quy hoạch, đề nghị bổ sung vào quy hoạch. Ngoài ra, đề nghị tư vấn xem xét phương án quy hoạch vùng Bắc kênh Vĩnh Tế sao cho phát huy hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tế, ngoài phương án như Khu vực phía Tây sông Châu Đốc. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, điều chỉnh như sau:**  Điều chỉnh các giải pháp cấp, tiêu thoát nước vùng Tứ giác Long Xuyên như sau:  “Nạo vét hệ thống kênh trục thoát lũ, cấp nước từ sông Hậu về biển Tây và các tuyến kênh trục ngang”.  “Đầu tư, sửa chữa, nâng cấp các hồ chứa nhỏ, ao chứa phục vụ diện tích sản xuất, sinh hoạt và phòng cháy chữa cháy rừng vùng cao Tri Tôn, Tịnh Biên”.  Điều chỉnh các giải pháp cấp, tiêu thoát nước vùng Bắc Vàm Nao như sau:  “Sửa chữa, cải tạo nâng cấp các cống, hệ thống vận hành, cửa van”.  Điều chỉnh các giải pháp cấp, tiêu thoát nước vùng Bắc Vĩnh An như sau:  “Duy trì các vùng kiểm soát như hiện trạng, củng cố các tuyến kiểm soát lũ hiện hữu, xây dựng thêm hệ thống cống bọng để chủ động kiểm soát lũ (ngăn, lấy lũ), vận hành tích trữ nước, hệ thống trạm bơm phục vụ cấp nước vào mùa khô ở các khu vực đang kiểm soát lũ cả năm (Đông kênh Bảy Xã, Nam kênh Xáng và Bắc kênh Xáng)”.  Bổ sung nội dung cấp, tiêu thoát nước cho vùng Tứ giác Long Xuyên:  “Khu vực Bắc kênh Vĩnh Tế duy trì sản xuất như hiện trạng, không đầu tư thêm các ô bao bảo vệ sản xuất”. |  |
| 10 | Tại Phụ lục I: Danh mục đầu tư xây mới/nâng cấp cống hở. Đề nghị bổ sung cho tỉnh An Giang danh mục “Xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp các cống phục vụ vận hành kiểm soát lũ, tích trữ nước ở các vùng, tiểu vùng”. Do quy hoạch này là dài hạn, nhu cầu đầu tư xây dựng, sửa chữa nâng cấp rất nhiều công trình, trong đó có công trình cống; vì lý do nào đó mà ta chưa đưa vào danh mục công trình cống trong quy hoạch này. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình như sau:**  Quy hoạch thủy lợi lưu vực sông Cửu Long chỉ đề xuất các công trình có tác động liên vùng, liên tỉnh, công trình có quy mô vừa, lớn. Các công trình nhỏ, nội đồng như: cống nội đồng để khép kín các ô bao, kiểm soát lũ, trữ nước… sẽ thuộc danh mục các công trình nội đồng, đã được ghi chú trong Phụ lục VI của Quyết định |  |
| 11 | Tại Phụ lục II: Danh mục kênh nạo vét.  - Đối với vùng Tứ giác Long Xuyên: Đề nghị bổ sung thêm 02 danh mục, gồm: Nạo vét kênh ranh An Giang – Kiên Giang; nạo vét kênh Tám Ngàn, kênh Tha La.  - Ngoài ra, đề nghị bổ sung danh mục chung là “Nạo vét các tuyến kênh phục vụ cấp nước tưới, tiêu thoát lũ cho các vùng, tiểu vùng”. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, cập nhật như sau:**  Bổ sung vào Phụ lục III: Danh mục nạo vét kênh:  Kênh Ranh.  Kênh Tám Ngàn.  Kênh Tha La. |  |
| 12 | Tại Phụ lục III: Danh mục đầu tư xây dựng mới, nâng cấp công trình trữ nước. Đề nghị bổ sung cho tỉnh An Giang danh mục “Xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp các hồ chứa nước phục vụ đa mục tiêu”. Bởi vì, có 02 hồ chưa đưa vào danh mục cải tạo, sửa chữa (hồ Soài So và hồ Ô Tưk Sa), và cuối năm 2024 này tỉnh đầu tư hoàn chỉnh đưa vào sử dụng thêm 03 hồ (hồ Núi Dài 2, hồ Tà Lọt và hồ Cô Tô). Bên cạnh đó, trước đây theo Quy hoạch thủy lợi vùng Bảy Núi thì tỉnh cũng có quy hoạch rất nhiều hồ trên các núi ở Tri Tôn và Tịnh Biên. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, cập nhật như sau:**  Các hồ Núi Dài 2, hồ Tà Lọt và hồ Cô Tô đã được thống kê trong phần hiện trạng các hồ chứa nước, do đã hoàn thành đầu tư.  Bổ sung danh mục trong Phụ lục III: Sửa chữa nâng cấp hồ Soài So và hồ Ô Tưk Sa |  |
| 13 | Tại Phụ lục IV: Danh mục xây dựng trạm bơm. Đề nghị bổ sung cho tỉnh An Giang danh mục “Xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp các trạm bơm phục vụ cấp nguồn, tiêu thoát ở các vùng, tiểu vùng”. Do trên địa bàn tỉnh An Giang vào mùa khô thì tưới cho sản xuất hầu hết là tưới bằng động lực thông qua hệ thống trạm bơm, vào mùa lũ thì tiêu cũng bằng động lực, theo thống kê chưa đầy đủ thì trên địa bàn tỉnh An Giang có trên 2.200 trạm bơm tưới, tiêu. Do đó, việc đầu tư cải tạo, nâng cấp và xây dựng mới hệ thống trạm bơm được đầu tư hằng năm nên không thể đưa tất cả trạm bơm vào biểu danh mục đầu tư này được. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình như sau:**  Hạng mục xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp các trạm bơm sẽ gắn với việc nâng cấp hệ thống thủy lợi nội đồng, được ghi chú trong Phụ lục VI của Quyết định. |  |
| 14 | Tại Phụ lục VI: Danh mục nâng cấp, xây mới hệ thống đê bao, bờ bao, thủy lợi nội đồng. Đề nghị bổ sung cho tỉnh An Giang danh mục “Cải tạo, nâng cấp các tuyến đê bao ở các vùng, tiểu vùng”. Do trên địa bàn tỉnh có khoảng 700 tiểu vùng, gồm 2.662 công trình, với chiều dài 5.806,2km, kiểm soát lũ bảo vệ sản xuất cho hơn 256.634 ha. Qua đầu tư, sử dụng nhiều năm đã xuống cấp, do bị sạt lở, cần phải đầu tư cải tạo, nâng cấp hằng năm, trong đó có 03 công trình đê cấp III vùng Đông kênh Bảy Xã, thị xã Tân Châu, với tổng chiều dài 22,7km. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình như sau:**  Hạng mục xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp các trạm bơm sẽ gắn với việc nâng cấp hệ thống thủy lợi nội đồng, được ghi chú trong Phụ lục VI của Quyết định. |  |
| 15 | - Đối với bản đồ hiện trạng thủy lợi:  + Quy mô 02 cống Tha La và Trà Sư: đề nghị điều chỉnh quy mô mỗi cửa từ 20m lên 22m cho đúng theo thực tế và của dự án.  + Đối với đê bao: đề nghị bổ sung Tiểu vùng đê cấp III vùng Đông kênh Bảy Xã, thị xã Tân Châu, tổng chiều dài 22,7km, gồm: đê Bắc kênh Xáng 6,2km, đê Đông kênh Bảy Xã 13,0km và đê kênh nhánh Đông Bảy Xã 3,5km. Do đây là vùng đê cấp III đã được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phân cấp quản lý. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, cập nhật** vào bản đồ hiện trạng thủy lợi. |  |
| 16 | - Đối với bản đồ Quy hoạch thủy lợi:  + Đối với đê bao: đề nghị bổ sung Tiểu vùng đê cấp III vùng Đông kênh Bảy Xã, thị xã Tân Châu, tổng chiều dài 22,7km, gồm: đê Bắc kênh Xáng 6,2km, đê Đông kênh Bảy Xã 13,0km và đê kênh nhánh Đông Bảy Xã 3,5km. Do đây là vùng đê cấp III đã được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phân cấp quản lý.  + Đối với các hồ chứa: cuối năm 2024 này tỉnh đầu tư hoàn chỉnh đưa vào sử dụng thêm 03 hồ, gồm: hồ Núi Dài 2, hồ Tà Lọt và hồ Cô Tô. Đề nghị tư vấn bổ sung 03 hồ này lên bản đồ.  + Đối với băng tràn thoát lũ: trên bản đồ có thể hiện băng tràn thoát lũ từ kênh Vĩnh Tế về kênh Rạch Giá – Hà Tiên (phạm vi băng từ kênh T4 đến kênh T6). Đề nghị tư vấn không quy hoạch băng tràn thoát lũ này, do hiện trạng trong phạm vi này hầu hết diện tích của người dân đã là vùng sản xuất 03 vụ và tuyến này trước giờ chưa có quy hoạch băng tràn thoát lũ. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, cập nhật** vào bản đồ quy hoạch thủy lợi. |  |
| **XIII** | **Tỉnh Long An (Công văn số 8890/SNN-KHXDCT ngày 13/12/2024)** |  |  |
| 1 | Tại phụ lục III Danh mục đầu tư xây dựng mới, nâng cấp công trình trữ nước của Báo cáo tổng hợp, trang 371, mục B danh mục dự án số 7 “Cụm 4 công trình trữ nước: Hưng Điền, Bàu Biển, Bình Hiệp, **Thuận Bình**” đề nghị điều chỉnh **“Thuận Bình” thành “Thạnh An”** để thống nhất danh mục dự án theo Quyết định số 686/QĐ-TTg ngày 13/6/2023 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch tỉnh Long An thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, cập nhật như sau:**  Điều chỉnh tên hồ chứa “Thuận Bình” thành “Thạnh An” trong Phụ lục III. |  |
| 2 | Bổ sung: Hoàn thiện hệ thống thủy lợi khu vực phía Bắc kênh Thủ Thừa thuộc vùng kẹp giữa hai sông Vàm Cỏ Đông và sông Vàm Cỏ Tây. Nhiệm vụ đề xuất: Ngăn mặn, trữ ngọt vùng trồng cây ăn quả (Định hướng theo Quyết định số 686/QĐ-TTg ngày 13/6/2023 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch tỉnh Long An thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050) | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình như sau:**  Dự án này đã được đề xuất trong Phụ lục VI: Củng cố hệ thống đê bao bảo vệ sản xuất hiện trạng vùng Bắc Thủ Thừa, với diện tích 47.000ha. |  |
| 3 | Bổ sung: Nâng cấp, hoàn thiện hệ thống thủy lợi hệ thống thủy lợi Rạch Chanh – Trị Yên và hệ thống thủy lợi Đôi Ma – Xóm Bồ - Mồng Gà. Nhiệm vụ đề xuất: Tăng khả năng trữ nước phục vụ vùng sản xuất nông nghiệp cho hơn 10.000 ha, trong đó vùng trồng rau ứng dụng công nghệ cao 1.785ha. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, bổ sung như sau:**  Bổ sung dự án: Nâng cấp, hoàn thiện hệ thống thủy lợi Rạch Chanh - Trị Yên và hệ thống thủy lợi Đôi Ma - Xóm Bồ - Mồng Gà vào Phụ lục VI. |  |
| 4 | Bổ sung: Nạo vét cải tạo hệ thống kênh trục, kết hợp sửa chữa bờ bao: Kênh Trà Cú Thượng - Trà Cú Hạ; Kênh Cái Cỏ, kênh Sông Prồ (ven biên giới Việt Nam – Campuchia) | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình như sau:**  Dự án: nạo vét kênh Cái Cỏ và nạo vét kênh Sông Prồ đã được được đề xuất trong Phụ lục II.  Bổ sung dự án: Nạo vét Kênh Trà Cú Thượng - Trà Cú Hạ vào Phụ lục II. |  |
| 5 | Bổ sung: Các cống kiểm soát dọc sông Vàm Cỏ Tây: Cống Rạch Chanh (Thành phố Tân An), Cống Bắc Đông (Huyện Thủ Thừa). | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình như sau:**  Hạng mục nâng cấp cống Rạch Chanh và cống Bắc Đông đã được đề xuất trong Phụ lục I. |  |
| 6 | Ưu tiên xây dựng 02/cụm 04 hồ chứa: Thạnh An và Bình Hiệp. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu như sau:**  Điều chỉnh giai đoạn đầu tư hồ Thạnh An và hồ Bình Hiệp sang giai đoạn trước năm 2030. |  |
| 7 | Bổ sung giải pháp phòng chống sạt lở bờ kênh Dương Văn Dương (đoạn qua địa bàn huyện Tân Thạnh và huyện Thạnh Hóa): Các năm qua trên tuyến kênh Dương Văn Dương thường xuyên xảy ra tình trạng sạt lở, từ năm 2022-2024 tỉnh đã xử lý khắc phục trên 30 điểm sạt lở với kinh phí khoảng 15 tỷ đồng. Mục tiêu đề xuất: Chống sạt lở bờ tuyến kênh trục thoát lũ và đồng thời là tuyến giao thông thủy huyết mạch nối sông Tiền và sông Vàm Cỏ Tây. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình như sau:**  Quy hoạch thủy lợi lưu vực sông Cửu Long chỉ đề xuất các giải pháp tổng thể để phòng chống sạt lở, các dự án cụ thể sẽ được đầu tư theo danh mục đề xuất trong Quy hoạch tỉnh và các đề án có liên quan. |  |
| **C** | **CÁC ĐƠN VỊ THUỘC BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN** |  |  |
| **I** | **Cục Quản lý đê điều và Phòng chống thiên tai (Công văn số 1093/ĐĐ-QLQH** |  |  |
| 1 | Để đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật về đê điều, về quy hoạch, đảm bảo phù hợp với quyết định số 847/QĐ-TTg, đề nghị rà soát các nội dung tại báo cáo và dự thảo quyết định của Thủ tướng Chính phủ, không đưa danh mục cụ thể các tuyến đê, công trình trên đê. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, cập nhật như sau:**  Quy hoạch thống nhất không đưa vào danh mục các công trình nâng cấp hệ thống đê sông và các công trình trên đê. Đề nghị xây dựng quy hoạch chuyên ngành về đê điều theo quy định của pháp luật. |  |
| 2 | Rà soát việc lựa chọn kịch bản phòng chống lũ và đề xuất giải pháp đảm bảo phù hợp với quy hoạch Phòng chống thiên tai và thủy lợi thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, trong đó quy định các khu vực sản xuất cả năm (cây ăn trái, thủy sản nước ngọt, lúa, rau màu) chống được lũ 2% (tương đương với lũ năm 2000) và các khu vực đô thị chống được lũ 1% (tương đương với lũ năm 1961). | **Cơ quan lập quy hoạch giải trình như sau:**  Các giải pháp kiểm soát lũ được đề xuất trong Quy hoạch thủy lợi lưu vực sông Cửu Long đã được tính toán với tần suất phù hợp với Quy hoạch Phòng chống thiên tai và thủy lợi thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, cụ thể:  Các khu vực sản xuất cả năm (cây ăn trái, thủy sản nước ngọt, lúa, rau màu) chống được lũ 2% (tương đương với lũ năm 2000).  Các khu vực đô thị chống được lũ 1% (tương đương với lũ năm 1961).  Các khu vực còn lại: sống chung với lũ một cách chủ động |  |
| 3 | Về tình hình thiên tai (khoản 1.3.2, trang 96): dự thảo báo cáo tổng hợp mới chỉ đề cập đến tình hình lũ, xâm nhập mặn, sạt lở bờ sông, bờ biển, bão. Do vậy đề nghị bổ sung đánh giá các loại hình thiên tai khác như mưa lớn, ngập lut, hạn hán, sụt lún đất… và thiệt hại một số trận thiên tai điển hình như lũ năm 2011 và cơn bão Linda năm 1997. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình như sau:**  Theo quy định, các công trình thủy lợi được tính toán, đề xuất để phục vụ trong các điều kiện tần suất nhất định:  Mưa lớn: tần suất 10%.  Ngập lụt: tần suất lũ 1-2%, tần suất mực nước triều 5%.  Hạn hán: Tần suất nguồn nước 85%.  Với các điều kiện vượt quá tần suất thiết kế thì công trình thủy lợi sẽ không đủ khả năng đáp ứng và có thể trở thành tình huống có thiên tai, cần kết hợp các giải pháp ứng phó thiên tai theo Phương án phòng chống thiên tai của các địa phương.  Tiếp thu, bổ sung thiệt hại của các năm lũ lớn tại lưu vực sông Cửu Long: 2000, 2001, 2002, 2011 tại Bảng 1-32, Mục 1.3.2. |  |
| 4 | Về dự báo tác động của thiên tai và các hiện tượng thời tiết cực đoan đến tính bền vững của hệ thống kết cấu hạ tầng thủy lợi (điểm 2.1.3, mục 2.1, Chương II, trang 127): đề nghị rà soát bổ sung dự báo tác động của sạt lở bờ sông, bờ biển, sụt lún đất và vấn đề hạ thấp lòng dẫn đến kết cấu hạ tầng thủy lợi. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình như sau:**  Dự báo tác động của sạt lở bờ sông, bờ biển: đã được đánh giá tại Mục 2.1.3.  Tếp thu, bổ sung đánh giá vấn đề sụt lún đất và hạ thấp lòng dẫn tại Mục 2.1.3. |  |
| 5 | Cập nhật các số liệu về thiên tai và hệ thống công trình phòng, chống thiên tai, sạt lở bờ sông, bờ biển đến thời điểm hiện tại. | **Cơ quan lập quy hoạch giải trình như sau:**  Các số liệu về sạt lở bờ sông, bờ biển, quy hoạch đã kế thừa kết quả của dự án Điều tra cơ bản “Điều tra, giám sát hiện trạng sạt lở bờ sông, bờ biển vùng ĐBSCL và đề xuất các cảnh báo, giải pháp xử lý”, kết hợp với các số liệu thu thập được từ các địa phương trong lưu vực. |  |
| 6 | Đề nghị làm rõ căn cứ xác định chiều dài đề xuất xây dựng mới kè chống sạt lở tại điểm 3.3.3, mục 3.3, Chương III, trang 158 và tại điểm 6.6.1 trang 248. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu và cập nhật như sau:**  Quy hoạch thủy lợi lưu vực sông Cửu Long sẽ chỉ đề xuất định hướng giải pháp phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển. Không đề xuất danh mục cụ thể các công trình phòng chống sạt lở. Danh mục công trình phòng chống sạt lở, bờ sông bờ biển cụ thể được đề xuất tại Quy hoạch tỉnh. |  |
| **II** | **Cục Lâm nghiệp (Công văn số 1426/LN-KHTC ngày 24/9/2024)** |  |  |
| 1 | Hồ sơ Quy hoạch thuỷ lợi lưu vực sông Cửu Long thời kỳ 2022-2030, tầm nhìn đến năm 2050 phải phù hợp với phân bổ chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021-2025 tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 227/QĐ-TTg ngày 12 tháng 3 năm 2024 về điều chỉnh một số chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2025 được Thủ tướng Chính phủ phân bổ tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022; Đảm bảo phù hợp và không được chồng lấn với Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 895/QĐ-TTg ngày 24 tháng 8 năm 2024 và các quy hoạch khác có liên quan. | **Cơ quan lập quy hoạch giải trình như sau:**  Quy hoạch thủy lợi lưu vực sông Cửu Long đã sơ bộ xác định nhu cầu đất cho quy hoạch. Tuy nhiên, quy hoạch chủ yếu đề xuất đầu tư nâng cấp, sửa chữa công trình thủy lợi. Cơ quan lập quy hoạch rà soát, cập nhật để bảo đảm không chồng lấn với Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia |  |
| 2 | Đối với việc quản lý, sử dụng đất lâm nghiệp trong Hồ sơ Quy hoạch thuỷ lợi lưu vực sông Cửu Long thời kỳ 2022-2030, tầm nhìn đến năm 2050 cần bám sát các quy định, định hướng tại Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 2/4/2022 của Bộ Chính trị khóa XIII về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Quyết định số 287/QĐ-TTg ngày 28/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Kết luận số 61-KL/TW ngày 17/8/2023 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; Nghị quyết số 120/NQ-CP ngày 17/11/2017 của Chính phủ về phát triển bền vững đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu và các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan. | **Cơ quan lập quy hoạch giải trình như sau:** Các công trình thủy lợi được đề xuất không thuộc phạm vi đất lâm nghiệp. |  |
| 3 | Hiện nay, ảnh hưởng của biến đổi khí hậu ngày càng rõ nét, tình trạng sạt lở đất bờ sông, bão lũ, dông lốc, sét, hạn hán và xâm nhập mặn do nước biển dâng... xảy ra tại các tỉnh vùng đồng bằng sông Cửu Long thường xuyên và ngày càng phức tạp. Do đó, đề nghị:  - Việc thực hiện các chỉ tiêu quy hoạch rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất, chuyển đổi mục đích sử dụng rừng phải đảm bảo tuân thủ theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp và các quy định của pháp luật hiện hành.  - Đề nghị rà soát, cụ thể hóa các nội dung và giải pháp thực hiện quy hoạch trên cơ sở nhiệm vụ, định hướng phát triển vùng đồng bằng sông Cửu Long trong Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 523/QĐ-TTg ngày 01/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ; Đề án "Bảo vệ và phát triển rừng vùng ven biển nhằm ứng phó với biển đổi khí hậu và thúc đẩy tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030" tại Quyết định số 1662/QĐ-TTg ngày 04/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ; quy định của văn bản quy phạm pháp luật mới ban hành; các chương trình, đề án trọng điểm của ngành, trong đó ưu tiên:  + Bảo vệ rừng: rà soát, bổ sung phương án quản lý rừng bền vững, phòng cháy chữa cháy rừng; giải pháp về bảo vệ rừng và phát triển hệ thống rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, các khu bảo tồn cấp quốc gia, hệ sinh thái ở các cửa sông, đất rừng ngập mặn, bảo tồn đa dạng sinh học.  + Phát triển rừng: rà soát, bổ sung các nội dung ưu tiên đầu tư phát triển rừng đặc dụng, rừng phòng hộ đầu nguồn, ven biển; trồng cây xanh phân tán nhằm phòng, chống và giảm nhẹ tác động tiêu cực của thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu, đảm bảo duy trì và nâng cao khả năng phòng hộ, nhất là diện tích rừng phòng hộ ven biển; Thực hiện trồng rừng thay thế khi có chuyển mục đích sử dụng rừng sang thực hiện công trình thuỷ lợi. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình như sau:**  Nội dung quy hoạch thủy lợi lưu vực sông Cửu Long đề xuất giải pháp thủy lợi phục vụ đa mục tiêu, trong đó đề xuất giải pháp công trình thủy lợi phục vụ cấp, tiêu, thoát nước;… Đồng thời đề xuất giải pháp phi công trình, Cơ quan lập quy hoạch rà soát cập nhật đề xuất giải pháp liên quan đến phát triển và bảo vệ rừng ở khu vực Đồng bằng sông Cửu Long. Đối với các dự án trồng và bảo vệ rừng sẽ do các địa phương chủ động triển khai thực hiện đảm bảo tuân thủ pháp luật về lâm nghiệp |  |
| **D** | **CÁC HỘI** |  |  |
| **I** | **Hội Thủy lợi Việt Nam (Công văn số 36/HTLVN, ngày 20/9/2024)** |  |  |
| 1 | Tên gọi quy hoạch: Những người trong ngành đều hiểu về phạm vi lưu vực sông Mê Công. Một lưu vực sông lớn có thể bao gồm nhiều lưu vực nhỏ của các chi lưu, nhưng không có lưu vực của các đoạn sông. Chúng ta cần có quy hoạch này, nhưng tên gọi nên là Quy hoạch thuỷ lợi lưu vực sông Mê Công- khu vực sông Cửu Long (ĐBSCL). Thực tế bản quy hoạch đã thực hiện rộng như vậy, vì phải nghiên cứu và đánh giá những tác động từ thượng nguồn. | **Cơ quan lập quy hoạch giải trình như sau:** Phạm vi của quy hoạch thủy lợi lưu vực sông Cửu Long thực chất là toàn bộ diện tích của 13 tỉnh vùng Đồng bằng sông Cửu Long không bao gồm các đảo. Trong quá trình lập quy hoạch đã xem xét quá trình phát triển thượng nguồn (thủy điện, gia tăng sử dụng nước, chuyển nước trong và người lưu vực) để phục vụ tính toán, đề xuất giải pháp quy hoạch. Đồng thời Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Cửu Long (quy hoạch tài nguyên nước lưu vực sông Cửu Long). Cơ quan lập quy hoạch đề nghị giữ nguyên tên quy hoạch. |  |
| 2 | Tác động từ thượng nguồn: Việc đánh giá đầy đủ những tác động từ thượng nguồn là rất cần thiết. Báo cáo đã đánh giá đầy đủ những tác động liên quan đến nguồn nước như: Chuyển nước khỏi lưu vực; Mở rộng diện tích tưới; Thủy điện trên dòng chính; Bảo vệ môi trường nước, quy trình vận hành; Hàm lượng phù sa; Nguồn lợi thủy sản; kênh Phù Nam; Công trình khống chế Biển Hồ… Tuy nhiên, cần phân tích sâu hơn mức độ tác động và trách nhiệm, thái độ của chúng ta đối với các vấn đề nêu trên để trình và tham mưu cho Chính phủ. Đối với công trình khống chế Biển Hồ, nếu được thực hiện sẽ gây tác động lớn nhất và trực tiếp nhất đối với ĐBSCL. Chúng ta cần phải nghiên cứu những giải pháp nhằm chủ động thích ứng lâu dài những tác động từ thượng nguồn | **Cơ quan lập quy hoạch giải trình như sau:** Quy hoạch đã cập nhật quá trình phát triển của các quốc gia thượng nguồn như:  Việc xây dựng thủy điện từ Trung Quốc đến Campuchia  Mở rộng diện tích, gia tăng sử dụng nước ở Lào, Thái Lan và Campuchia.  Chuyển nước trong và ngoài lưu vực của Thái Lan và Campuchia. Có đánh giá và dự kiến tác động của việc xây dựng kênh đào Phù Nam đến Đồng bằng sông Cửu Long.  Trong quá trình tính toán cũng có xem xét đến tác động công trình Biển Hồ  Hiện nay, Bộ Tài nguyên và Môi trường đang xây dựng Đề án Đánh giá tổng thể tác động và giải pháp ứng phó đối với việc các nước phát triển thủy điện trên dòng chính, chuyển nước sông Mê Công, trong đó sẽ đề xuất các giải pháp giảm thiểu tác động. |  |
| 3 | Tác động từ phía biển (Nước biển dâng và thiên tai từ biển): Thiên tai từ biển bao gồm bão lớn, nước dâng do bão chưa được đề cập và giải quyết trong báo cáo. Cấp bão lớn vào ĐBSCL đã được Chính phủ quy định, kèm theo nó là nước biển dâng, là căn cứ để đánh giá năng lực phòng, chống thiên tai từ biển, làm cơ sở quy hoạch đê, đặc biệt là các vùng dân cư ven biển. | **Cơ quan lập quy hoạch giải trình như sau:** Trong quá trình lập quy hoạch thủy lợi lưu vực sông Cửu Long có xém xét đến nước tác động từ phía biển với cấp bão và mước nước biển dâng do bão. Tuy nhiên, hiện Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đang giao cho Cục Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai tổ chức lập Quy hoạch đê điều hệ thống đê biển, đê cửa sông các tỉnh, thành phố từ Quảng Ninh đến Kiên Giang, nội dung quy hoạch này sẽ giải quyết các vấn đề liên quan đến tác động từ biển và hệ thống đê biển, đê cửa sông. |  |
| 4 | Chất lượng nước: Nguồn cấp nước không đảm bảo cả về số lượng và chất lượng, ranh giới mặn, ngọt không ổn định nên sản xuất rất bấp bênh. | **Cơ quan lập quy hoạch giải trình như sau:**  Về nguồn cấp nước: nhu cầu nước ngọt của đồng bằng chỉ khoảng 23-24 tỷ m3, trong khi sông Cửu Long với lưu lượng trung bình năm khoảng 475 tỷ m3 là nguồn nước rất dồi dào, hoàn toàn có thể đáp ứng được nhu cầu sử dụng nước. Vấn đề thiếu nguồn nước ở một số khu vực là do thiếu công trình kiểm soát mặn (làm nguồn cấp nước bị nhiễm mặn) và thiếu công trình chuyển ngọt từ sông lớn đến các khu vực cần dùng nước. Trong quy hoạch thủy lợi lần này cũng đã đề xuất các giải pháp thủy lợi nhằm cấp nước một cách ổn định, bền vững nhất có thể cho các khu vực còn khó khăn.  Vấn đề ranh giới mặn, ngọt không ổn định nên sản xuất bấp bênh: để giải quyết vấn đề này, trước mắt quy hoạch đề xuất hoàn chỉnh các hệ thống thủy lợi, đảm bảo khả năng kiểm soát mặn, đầu tư một số công trình chuyển nước ngọt phục vụ các khu vực khó khăn. Về lâu dài, để đảm bảo chủ động kiểm soát ranh mặn cần tiếp tục nghiên cứu các công trình kiểm soát quy mô lớn ở cửa sông. |  |
| 5 | Sạt lở bờ sông, bờ kênh liên quan trực tiếp hàm lượng phù sa về từ thượng nguồn về, khai thác cát, chế độ dòng chảy trên sông, kết cấu đất. Hiện nay, nhu cầu cát cho xây dựng, san lấp mặt bằng cho khu đô thị, khu công nghiệp và giao thông là rất lớn. Do vậy, cần nghĩ tới giải pháp và cơ chế chính sách để chủ động thích ứng nhằm giảm nhu cầu khai thác cát ở sông Mekong như việc xây dựng những đô thị sinh thái đa mục tiêu và những làng sinh thái. Hồ sinh thái đa mục tiêu nhằm lấy đất san nền đô thị, cải tạo vi khí hậu, chống ngập lụt đô thị, bố trí năng lượng mặt trời và có thể dùng làm nước sinh hoạt ở những vùng thiếu nước. Tất nhiên, nếu dùng cung cấp nước sinh hoạt cần có quy trình quản lý nước ngặt nghèo. Việc xây dựng kè chống sạt lở rất tốn kém kinh phí và còn gây nhiều tác động đến hạ lưu công trình. Vì vậy, cần quan tâm đến giải pháp phi công trình như: Quy hoạch bố trí dân cư, quy hoạch đê và cống dọc sông sao cho bền vững là rất cần thiết, vừa đảm bảo sự phát triển bền vững trước diễn biến bất thường từ thượng lưu, biến đổi khí hậu và quá trình phát triển. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình như sau:**  Giải pháp xây dựng các công trình chống sạt lở bờ sông, bờ biển chỉ áp dụng cho các vị trí sạt lở đặc biệt nguy hiểm (ảnh hưởng đến tính mạng và tài sản của người dân) do yêu cầu về nguồn kinh phí rất lớn. Đối với các vị trí sạt lở thông thường sẽ áp dụng kết hợp các giải pháp phi công trình: cảnh báo, di dời, quản lý dân cư ven kênh, rạch… Việc xây dựng các công trình thủy lợi đầu mối (cống) cũng góp phần giảm bớt sạt lở trong nội đồng do kiểm soát được vận tốc, lưu lượng trong hệ thống kênh.  Các giải pháp giảm khai thác cát, xây dựng hồ sinh thái để lấy đất san lấp mặt bằng… là các giải pháp hiệu quả và khả thi, song trong khuôn khổ quy hoạch thủy lợi lưu vực sông không đủ cơ sở để giải quyết toàn bộ các vấn đề này. Kiến nghị điều chỉnh cụ thể trong Quy hoạch vùng ĐBSCL (Quy hoạch vùng sẽ điều chỉnh những nội dung tổng thể của vùng).  Nhất trí cần quy hoạch bố trí dân cư, quy hoạch đê và cống dọc sông sao cho bền vững nhưng được thực hiện trong quy hoạch khác có liên quan. |  |
| 6 | Vấn đề lún sụt đất ở ĐBSCL, đặc biệt là ở các đô thị lớn là một nội dung rất quan trọng cần được quan tâm giải quyết, và làm cơ sở cho định hướng giải pháp phòng chống ngập lụt ở ĐBSCL, nhưng chưa được đề cập đến. Vấn đề lún sụt đất 1,5-2,5 cm, thậm chí 3 cm ở vùng đô thị (gấp khoảng 5-7 lần tốc độ nước biển dâng), nguyên nhân chính là do khai thác nước ngầm quá mức ở đô thị, vùng nuôi trồng thủy sản ven biển và là vấn đề tất yếu của các vùng trầm tích trong quá trình khai thác. | **Cơ quan lập quy hoạch giải trình như sau:** Đối với vấn đề lún sụt đất ở ĐBSCL, quy hoạch cũng đã cập nhật các kết quả nghiên cứu, điều tra của Bộ Tài nguyên và Môi trường và cũng thống nhất đánh giá về tác động rất lớn của sụt lún đến vấn đề ngập lụt. Tuy nhiên khi đưa số liệu địa hình vào tính toán, quy hoạch chỉ cập nhật theo số liệu địa hình hiện trạng, việc đưa các số liệu sụt lún theo dự báo thì chưa đủ cơ sở về diễn biến sụt lún trong tương lai nên không thể đưa vào tính toán. |  |
| 7 | Hiện trạng đê bao, bờ bao: Báo cáo đã đề cập khá đầy đủ hiện trạng các công trình thuỷ lợi ở ĐBSCL như hệ thống trạm bơm, cống, đê bao, bờ bao, hệ thống đê bao chống lũ, chống xâm nhập mặn. Tuy nhiên, cần có đánh giá về quy mô (quá nhiều và tiếp tục tăng), kèm theo kích thước đê, đặc biệt là chiều cao của đê. Cần tách bạch và nhấn mạnh các vấn đề bất cập trên cơ sở đó đề xuất những giải pháp công trình và phi công trình để thích ứng.  - Vấn đề ngập lụt ở các đô thị, làng ấp, vườn cây ăn trái, đường giao thông, do lũ, do triều và do mưa lớn đã xảy ra rất nghiêm trong. Đường Quốc lộ 1 từ Cần Thơ về Bạc Liêu, Cà Mau đã phải làm tường bê tông để ngăn chặn nước triều, từ Cà Mau về mũi Cà Mau đã phải nâng đường cao lên 80 cm.  - Cụm tuyến dân cư và vấn đề ngập các cụm tuyến dân cư: Theo báo cáo chúng ta đã có 8.000 ô bao, với chiều dài đê bao là 50.000 km, rất tiếc là báo cáo không nêu rõ kích thước và chiều cao của đê bao (theo tôi chiều rộng mặt đê 3-5m, cao từ 4 m trở lên). Có thể nói chiều dài đê bao là rất rất lớn (tổng chiều dài đê của toàn bộ ĐBSH là 1.200 km), đã ngập lũ và xuống cấp nhiều. Nay lại đề nghị nâng cấp, lấy đất đâu để đắp và độ bền vững thấp, không khai thác được những lợi thế của lũ và tiềm ẩn nhiều nguy cơ rủi ro hàng năm. Đây là những số liệu rất cần thiết để minh chứng sự cần thiết và lợi ích của giải pháp mà chúng ta đề xuất như việc xây dựng cống và đê dọc các sông lớn. | **Cơ quan lập quy hoạch giải trình như sau:**  Vấn đề ngập lụt: Dự thảo quy hoạch cũng đã đánh giá tình hình ngập lụt do lũ, triều cường có xu hướng ngày càng tăng, đặc biệt là các khu vực vùng giữa và ven biển.  Về đề xuất nâng cấp hệ thống đê bao với khối lượng lớn: Với các vùng đê bao triệt để (sản xuất 3 vụ) của đồng bằng hiện nay cơ bản đáp ứng yêu cầu bảo vệ an toàn ở mức lũ tại Tân Châu đạt 4,3m. Trong quy hoạch đã đề xuất giải pháp xây dựng hệ thống công trình ven sông để kiểm soát mức nước lũ vào nội đồng tương đương mức lũ tại Tân Châu là 4,5m, như vậy việc nâng cấp hệ thống đê bao triệt để này có khối lượng không lớn (nâng cao 20cm), và chỉ tập trung nâng cấp cho khu vực đê bao 3 vụ theo hướng mở rộng các ô bao theo quy mô vừa và lớn, đây cũng là cơ hội để sắp xếp lại sản xuất, củng cố, mở rộng, cứng hóa hệ thống đê nhằm phục vụ các mục tiêu về giao thông nông thôn, cơ giới hóa sản xuất, phục vụ Đề án phát triển 01 triệu ha chuyên canh lúa chất lượng cao phát thải thấp.  Đối với các vùng sản xuất 2 vụ, hệ thống đê bao chỉ kiểm soát lũ tiểu mãn, đến lũ chính vụ đều cho phép tràn qua đê, nên không cần thiết phải tôn cao. Có thể xem xét cứng hóa mặt đê một số khu vực tập trung đông dân cư, kết hợp phục vụ giao thông nông thôn. |  |
| 8 | Kiểm soát lũ: Đồng tình với phương châm “Chủ động sống chung với lũ”, tuy nhiên các giải pháp công trình, thứ tự xây dựng không đúng và chưa phù hợp, điều này sẽ gây nên tình trạng lãng phí rất lớn. Việc nâng cấp tất cả các hệ thống đê bao (50.000 km) để chống được lũ với mực nước tại Tân Châu là 4,5 m là không cần thiết và không phù hợp (trừ vùng sản xuất ba vụ nếu có).  - Những năm có lũ sớm, hệ thống cống có thể khống chế mực nước lũ trong đồng, không để phá lúa vụ Hè Thu. Vì vậy, không cần xây dựng hệ thống đê chống lũ hai vụ và không cần kinh phí duy tu bảo dưỡng hàng năm đối với hệ thống đê này.  - Những năm lũ trong đồng rút muộn, nếu sử dụng cống để điều tiết, có thể rút ngắn thời gian rút nước sớm hơn 24 ngày, đáp ứng mọi yêu cầu về thời vụ. Vì vậy không cần kinh phí xây dựng các trạm bơm tiêu và kinh phí bơm tiêu cuối vụ lũ.  Để kiểm soát đỉnh lũ lớn, chúng ta chỉ cần một hệ thống đê (sử dụng hệ thống đường giao thông hiện có) dọc hai sông lớn và một hệ thống cống, bao gồm cống và âu thuyền. Cống được thiết kế rộng bằng mặt cắt kênh, được mở thường xuyên để nước chảy và phục vụ giao thông thủy. Cống chỉ làm nhiệm vụ kiểm soát đỉnh lũ với những trận lũ lớn cực đoan, hạn chế những trận lũ sớm để bảo vệ vụ lúa hè thu và đóng cống cuối vụ để tiêu nước trong đồng đối với những năm lũ muộn. Âu thuyền phục vụ giao thông thủy khi cống làm nhiệm vụ kiểm soát lũ. Như vậy chúng ta không cần tiếp tục xây dựng thêm đê để bảo vệ các thành phố, các làng ấp, không cần đê chống lũ hai vụ, không cần kinh phí để nâng cấp, duy tu bảo dưỡng hệ thống đê trong nội đồng và các cơ sở hạ tầng kỹ thuật sau mỗi năm lũ lớn; trước mắt chưa cần xây dựng các hệ thống trạm bơm tiêu cho các đô thị, các làng ấp, không cần bơm tiêu nước lũ vào những năm lũ rút muộn. Ngoài ra, còn tăng lưu lượng mùa kiệt vào đồng và tăng mực nước lũ nhỏ thành lũ trung bình nhờ công tác quản lý khi có hệ thông cống ở hai đầu kênh (cần quy trình quản lý). | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu và giải trình như sau:**  Hệ thống cống đầu kênh sẽ kiểm soát mực nước lũ vào nội đồng nếu Tân Châu vượt quá 4,5m, còn lại sẽ vẫn cho lũ chảy vào nội đồng để tận dụng hiệu quả từ lũ. Hệ thống đê bao hiện trạng đã cơ bản an toàn với mực nước tại Tân Châu là 4,3m, do vậy khối lượng nâng cấp đê không lớn, kết hợp với các mục tiêu về giao thông nội đồng, phục vụ sản xuất thì hiệu quả sử dụng đê sẽ được nâng cao hơn và tập trung nâng cấp cho khu vực đê bao 3 vụ theo hướng mở rộng các ô bao theo quy mô vừa và lớn để phục vụ hiệu quả Đề án 1 triệu ha lúa chất lượng cao.  Về hệ thống cống nội đồng (dưới hệ thống đê bao) để tạo thành các ô khép kín: Hầu hết các khu vực sản xuất lúa bị ảnh hưởng lũ ở vùng thượng cũng đều nằm trong khu vực đăng ký thực hiện Đề án phát triển 01 triệu ha lúa chuyên canh chất lượng cao phát thải thấp. Để chủ động điều tiết nước theo các các quy trình canh tác thì các công trình lớn của vùng sẽ tham gia điều tiết, hỗ trợ, các công trình nội đồng sẽ vận hành theo yêu cầu thực tế của từng ô. Do vậy việc hoàn thiện công trình nội đồng (cống, trạm bơm) là vẫn cần thiết để bảo đảm chủ động hoàn toàn trong việc cấp, tiêu thoát nước phục vụ sản xuất. |  |
| 9 | Tiêu thoát nước: Tiêu thoát nước cho các đô thị là nội dung quan trọng, cấp bách cần giải quyết. Nhưng cần đặt trong bài toán tổng thể của ĐBSCL. Theo chúng tôi, ở giai đoạn hiện tại, sau khi xây dựng xong các cống đầu kênh lớn và đê dọc sông lớn, việc tiêu thoát cho các đô thị có thể giải quyết được mà chưa cần phải xây dựng các hệ thống trạm bơm tiêu cho các đô thị (xem chi tiết phần kiểm soát lũ). | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu và giải trình như sau:**  Giải pháp xây dựng các cống ven sông, đặc biệt là tuyến cống dọc sông Hậu đã được đề xuất trong quy hoạch. Các cống có nhiệm vụ kiểm soát mực nước vào nội đồng, giảm ngập úng. Tuy vậy, trong các trường hợp mực nước ngoài sông cao, trong đồng có mưa lớn vượt quá khả năng điều tiết của các hồ điều hòa thì khả năng ngập úng đô thị vẫn xảy ra. Các trạm bơm tiêu được đề xuất sẽ hoạt động trong các trường hợp như vậy. Quy mô các trạm bơm tiêu cần được tính toán có kể đến khả năng điều tiết của các hồ điều hòa và hệ thống kênh rạch nội vùng để giảm công suất thiết kế. Về quy mô các trạm bơm sẽ được tính toán cụ thể trong giai đoạn đầu tư.  Trước mắt sẽ tiếp tục theo dõi các biến động về khí tượng, thủy văn, biến đổi khí hậu để xác định lộ trình đầu tư các trạm bơm chống ngập đô thị một cách hợp lý, phù hợp với điều kiện nguồn lực. |  |
| 10 | Chống ngập lụt cho các đô thị lớn như: Cần Thơ, Vĩnh Long, Cà Mau, Long Xuyên, Mỹ Tho, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Trà Vinh, Bến Tre: Với mức nước lũ tại Tân Châu là dưới 4,5 m dưới báo động cấp III, các đô thị vùng thượng nguồn như: Long Xuyên, Tân Châu, Châu Đốc đều không bị ngập, vì vậy không cần phải xây dựng hoặc củng cố đê bao ở giai đoạn hiện nay. Các thành phố còn lại cũng sẽ không bị ngập do lũ, có thể vẫn bị ngập do triều hoặc tổ hợp cả triều và lũ. Nhưng với hệ thống cống đầu kênh và đê dọc sông đã xây dựng, chúng ta có thể điều hành các cống để các thành phố này không bị ngập do triều hay tổ hợp triều và lũ trong giai đoạn hiện nay (về lâu dài có thể sẽ bị ngập do lún đất…). Vì vậy, việc xây dựng công trình chống ngập cho các đô thị như báo cáo đề xuất, theo tôi cần xem xét lại. Nếu chúng ta đẩy nhanh tiến độ xây dựng các công lớn đầu kênh thì trong giai đoạn hiện nay chưa cần các giải pháp chống ngập cho các đô thị. Ví dụ như TP. Cần Thơ nếu chúng ta xây dựng xong các cống đầu kênh và rạch Cần Thơ thì TP. Cần Thơ không thể bị ngập triều hay tổ hợp triều và lũ như hiện nay. Tất nhiên về lâu dài có thể vẫn phải thực hiện, nếu tình trạng lún đất tiếp tục xảy ra như hiện nay. | **Cơ quan lập quy hoạch giải trình như sau:**  Các giải pháp quy hoạch đề xuất chống ngập úng cho các đô thị đã xem xét đến việc có xây dựng các công trình cống dọc sông; Hệ thống đê bao, trạm bơm sẽ hỗ trợ tiêu úng khi mưa lớn, các cống không vận hành tiêu được khi trùng thời điểm triều, lũ cao; Tạo không gian trữ nước, hồ điều hòa. |  |
| 11 | Cấp nước sinh hoạt: Vấn đề cấp nguồn nước sinh hoạt cho đô thị và nông thôn tách rời, chưa có sự phối hợp giữa cấp nước cho đô thị và nông thôn. Nguồn cấp nước cho sinh hoạt còn thiếu hụt và chưa bền vững. Chính phủ đã phê duyệt quy hoạch do Bộ Xây dựng trình về cấp nguồn nước cho các đô thị vùng tây sông Hậu bằng hệ thống đường ống. Các vùng nông thôn thì giải quyết theo phương án nào? Chúng tôi nghĩ rằng nên có một quy hoạch tổng thể về cung cấp nước sạch cho vùng ĐBSCL, đặc biệt vùng bán đảo Cà Mau-Tây sông Hậu. Dành quỹ đất để xây dựng hồ chứa nước phục vụ cấp nước sinh hoạt. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu và giải trình như sau:**  Các vùng nông thôn vùng ĐBSCL có mật độ dân cư thưa nên việc bố trí hệ thống đường ống cấp rất khó khăn. Giải pháp cấp nước nông thôn đề xuất trong quy hoạch là tiếp tục xây dựng các trạm cấp nước tập trung cho các xã, cụm xã, tiếp tục mở rộng hệ thống đường ống cung cấp. Nguồn nước cho các trạm cấp nước này tùy theo điều kiện để sử dụng theo thứ tự: nước mặt – nước ngầm – trữ nước phân tán. |  |
| 12 | Nuôi trồng thuỷ sản ở ĐBSCL chưa bền vững, dịch bệnh nhiều do nhiều nguyên do. Một trong những nguyên nhân quan trọng là đường cấp nước và thoát nước không tách rời, ruộng trên xả ra thì ruộng dưới lại lấy nước vào. Trong quy hoạch mới phấn đấu tách rời được 10%, con số quá khiêm tốn. Theo tôi đã đến lúc cần suy nghĩ sâu sắc toàn diện cho vấn đề này, việc thực hiện có thể từng bước phụ thuộc vào điều kiện kinh tế và nhận thức của người dân. | **Cơ quan lập quy hoạch giải trình như sau:**  Giải pháp này liên quan chặt chẽ đến bố trí và sắp xếp lại tổng thể các khu vực nuôi trồng thủy sản. Hiện nay về cơ bản hệ thống kênh rạch ĐBSCL là tưới tiêu kết hợp và bố trí các ao nuôi nhỏ lẻ, vì vậy rất khó có thể giải quyết bài toán này trong giai đoạn ngắn hạn. Việc thí điểm ở các mô hình nuôi siêu thâm canh và nuôi tôm công nghệ cao là một cách tiếp cận thận trọng và có thể đem lại bài học kinh nghiệm quý giá. Cần có thêm nghiên cứu để tìm ra giải pháp phù hợp cho các mô hình nuôi khác. Cần có kế hoạch dài hạn (10-20 năm) để từng bước cải thiện hệ thống.  Tăng cường giáo dục và nâng cao nhận thức của người dân về tầm quan trọng của việc tách rời hệ thống cấp và thoát nước.  Nghiên cứu các giải pháp công nghệ mới có thể giúp tách rời hệ thống mà không cần thay đổi hoàn toàn cơ sở hạ tầng hiện có. Ví dụ cấp nước bằng đường ống từ ngoài biển, thoát nước qua hệ thống kênh. |  |
| 13 | Cấp nước mặn từ biển cho vùng nuôi tôm thâm canh và siêu thâm canh là phù hợp, vì đã có 2 vùng đã thực hiện rất tốt. Đề nghị nên bỏ từ thí điểm và dùng cụm từ quy hoạch một số vùng lấy nước mặn nuôi tôm thâm canh và siêu thâm canh. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu như sau:**  Thống nhất bỏ từ “thí điểm” Quy hoạch đề xuất từ nay đến năm 2030 xây dựng trước mô hình cấp nước mặn từ biển cho một số vị trí đã được quy hoạch vùng sản xuất tập trung tại Kiên Giang, Bạc Liêu, Cà Mau. Việc mở rộng mô hình cấp nước này phụ thuộc vào bố trí các khu sản xuất tập trung của các tỉnh thì mới mang lại hiệu quả cao, khó áp dụng đại trà cho toàn bộ diện tích nuôi thủy sản.  Kiến nghị đẩy mạnh xã hội hóa, áp dụng mô hình cấp nước đã được đầu tư tại Kiên Giang cho các tỉnh nuôi tôm ven biển (Bạc Liêu, Cà Mau, Sóc Trăng). |  |
| 14 | Vấn đề chuyển nước bổ sung từ hồ Dầu Tiếng về Vàm Cỏ Đông được hiểu như là 1 giải pháp tình thế hiện nay. Nhưng giai đoạn tới cần phải chấm dứt, vì nhu cầu nước của vùng miền Đông sẽ gia tăng nhanh (hiện chúng ta đang chuyển nước từ 1 lưu vực có 34 tỷ m3 xuống vùng có 470 tỷ m3. Điều này chưa được đề cập | **Cơ quan lập quy hoạch giải trình như sau:** Nhất trí quan điểm không chuyển nước từ lưu vực sông có ít nước sang lưu vực sông có nhiều nước hơn, không sử dụng nước từ hồ Dầu Tiếng để cấp nước, đẩy mặn trên sông Vàm Cỏ Đông. Giải pháp đề xuất là đẩy nhanh xây dựng cống Vàm Cỏ nhằm kiểm soát mặn, hỗ trợ cấp nước, tiêu thoát cho khu vực tỉnh Long An. |  |
| 15 | Chuyển nước cho vùng Bán đảo Cà Mau: Liệu có thể dẫn nước ngọt về vùng Nam Bán đảo Cà Mau hay không? Theo tính toán của các mô hình thuỷ lực thì chúng ta có thể dẫn được nước về, nhưng không phải là rất chắc chắn, đặc biệt mực nước trên các sông đang có xu hướng giảm do việc khai thác cát ở lòng sông. Việc xây dựng trạm bơm Tắc Thủ để bơm vào sông Ông Đốc? Xây dựng trạm bơm Cầu Sập để bơm vào kênh Bạc Liêu-Cà Mau. Các kênh nêu trên đều là các kênh vừa cấp vừa thoát nước, việc vận hành ra sao?  Yêu cầu giảm độ mặn của nước trong kênh là cần thiết. Tuy vậy chúng ta có thể thay thế lượng nước trong vùng nuôi trồng thủy sản bằng nước biển. Việc lấy nước biển vào những vùng này ổn định và thuận lợi hơn nhiều so với việc phải dẫn nước ngọt từ sông Hâu- xa vài trăm km về để pha loãng | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình như sau:**  Vấn đề cấp nước ngọt bổ sung cho nuôi trồng thủy sản: giải pháp cơ bản cho các vùng vẫn là tăng cường nạo vét hệ thống kênh rạch để tăng trao đổi nguồn nước, giảm việc tăng độ mặn do bốc hơi (vùng ven biển Bến Tre, Trà Vinh, Sóc Trăng, Cà Mau, Kiên Giang). Việc cấp nước ngọt bổ sung bằng các công trình chuyển nước chỉ áp dụng tại một số khu vực do điều kiện hạn chế (ví dụ: khu Nam QL1 Bạc Liêu có hệ thống kênh bồi lắng rất nhanh, việc tăng trao đổi nước cũng làm tăng khả năng bồi lắng kênh, khu vực giữa còn bị giáp nước, khả năng dẫn nước cũng bị hạn chế).  - Dự án dẫn nước ngọt về Nam Bán đảo Cà Mau: mục tiêu của dự án chỉ phục vụ cho khu vực chuyển đổi mô hình sản xuất sang tôm- lúa ven sông Ông Đốc (khoảng 25.000ha), Các khu vực khác của vùng Nam Cà Mau cơ bản sử dụng nước tại chỗ (nước mưa) để sản xuất.  Việc xây dựng trạm bơm Cầu Sập nhằm mục tiêu hỗ trợ cho hệ thống chuyển nước (khi mực nước trong đồng thấp hơn mực nước sông, nước ngọt không tự chảy được xuống kênh Bạc Liêu- Cà Mau. Ngoài ra trạm bơm còn tiêu thoát cho vùng trồng lúa của tỉnh Bạc Liêu, giảm ngập úng do mưa. |  |
| 16 | Công trình trữ nước (hồ chứa nước): Ở các đô thị mới, việc xây dựng hồ sinh thái đa mục tiêu, lấy đất san nền, cải tạo vi khí hậu, chống ngập úng, cấp nước sinh hoạt, bố trí năng lượng mặt trời là rất hữu ích. Tuy nhiên để cấp đủ nước sinh hoạt chúng ta cần dành quỹ đất khoảng 4,5-6,5% diện tích khu đô thị tuỳ thuộc lượng mưa của từng khu vực. Ở những vùng nông thôn thiếu nước ngọt, hồ sinh thái đa mục tiêu cũng rất hữu ích. Tuy nhiên, khi dùng nước trong hồ cho sinh hoạt cần quy trình tách nước thải và nước mưa rất nghiêm ngặt. Việc xây dựng các hồ chứa nước ngọt trên đồng bằng để dùng cho sản xuất cần được cân nhắc rất kỹ, vì diện tích cần sử dụng để xây dựng hồ rất lớn sau khi trừ đi bốc hơi và lượng nước ngấm.  Việc xây dựng hồ chứa ở đồng bằng để hỗ trợ cấp nước cần tính toán và khẳng định rõ ràng để định hướng dư luận xã hội, vì hiện nay rất nhiều chuyên gia, báo chí nói về xây dựng hồ chứa ở ĐBSCL để cấp nước cho sản xuất. | **Cơ quan lập quy hoạch giải trình như sau:**  Trong giải pháp chống ngập úng cho các đô thị có đề xuất dành <7% quỹ đất đô thị làm hồ điều hòa để giảm ngập úng. Tuy nhiên việc cần được xem xét, đánh giá kỹ lưỡng và quản lý chặt chẽ về nguồn nước bởi các cơ quan y tế. Nếu đáp ứng được mới có thể dùng nguồn nước từ các hồ này sử dụng cho cấp nước đô thị.  Quy hoạch đề xuất xây dựng các hồ trữ nước phân tán nhằm mục tiêu chủ yếu là cấp nước cho khu vực nông thôn, việc cấp nước cho sản xuất nông nghiệp đối với đồng bằng không hiệu quả do điều kiện tự nhiên không thuận lợi: địa hình bằng phẳng, hệ thống kênh, rạch chằng chịt, trữ nước và dẫn nước khó khăn, khả năng nhiễm phèn cao, bốc hơi cao. |  |
| 17 | Xây dựng cống kiểm soát cửa sông: Việc xây dựng các cống lớn cuối các nhánh sông là điều khó tránh khỏi về lâu dài. Tuy vậy, chúng ta đã xây dựng hầu hết các cống đầu kênh và đê ở dọc sông nên cần cân nhắc về thời gian xây dựng ở các nhánh sông. Đồng thời cần chỉ ra sự cấp thiết, hiệu ích của các nhánh sông cần xây dựng trước. Vị trí cống rất cần được cân nhắc các mặt và nếu có thể kết hợp với các cầu qua sông thì giảm kinh phí rất nhiều và có xét đến yếu tố nước biển dâng và bão lớn | **Cơ quan lập quy hoạch xin giải trình như sau:**  Về thứ tự đầu tư các công trình lớn kiểm soát cửa sông, quy hoạch đã tính toán và đề xuất:  Cống Vàm Cỏ: do chế độ thủy văn, thủy lực của sông Vàm Cỏ tương đối độc lập với các nhánh sông Cửu Long, việc xây dựng cống chịu ít ảnh hưởng từ các cửa sông khác, do đó đề xuất xây dựng sớm cống Vàm Cỏ (trước năm 2035).  Cống Hàm Luông: theo kết quả tính toán, việc xây dựng cống Hàm Luông có thể giảm ranh mặn trên sông Tiền, trong khi lại làm mặn trên sông Cổ Chiên có xu hướng tăng hơn, tác động xấu đến việc lấy nước của hệ thống Nam Mang Thít. Do vậy quy hoạch đề xuất nghiên cứu xây dựng 3 cống: Hàm Luông, Cổ Chiên, Cung Hầu cùng một thời điểm để phát huy hiệu quả kiểm soát tốt nhất, giảm bớt tác động tiêu cực.  Về vị trí xây dựng các cống: quy hoạch cũng đã căn cứ vào điều kiện địa hình đáy sông để xác định vùng tuyến xây dựng cống ở giai đoạn quy hoạch (vị trí có chiều rộng và chiều sâu đáy sông hợp lý). Hiện các tỉnh ven biển ĐBSCL đang triển khai tuyến đường bộ ven biển, tuy nhiên các vị trí cầu dự kiến của tuyến đường này không trùng với vị trí dự kiến làm cống. Hơn nữa thời gian dự kiến làm các cống cửa sông là sau 2030, khi đó tuyến đường ven biển đã đầu tư xong, việc kết hợp cầu và cống sẽ không thuận lợi. |  |
| **II** | **Hội Đập lớn (Công văn số 79/HĐLVN-CHMN, ngày 25/9/2024)** |  |  |
| 1 | Về bố cục, kết cấu và tính phù hợp giữa các nội dung trình bày với tiêu đề, mục, chương cần xem xét chỉnh sửa:  (i) Nội dung trong Chương 1 (mục 1.3 Đánh giá hiện trạng Thủy lợi, Kết quả thực hiện quy hoạch thời kỳ trước) và mục 3.1.1 (Sự liên kết, đồng bộ của hệ thống kết cấu hạ tầng thủy lợi), mục 3.2 (đánh giá sự liên kết, đồng bộ, mức độ khép kín của hệ thống kết cấu hạ tầng thủy lợi trong Chương 3 có nội dung trùng nhau. Đề nghị bỏ các mục 3.1.1 và mục 3.2 của chương 3 ;  (ii) Các chương 5, 6, 7 có nhiều nội dung tương đồng. Đề nghị cân nhắc nhập lại các chương này để hạn chế trùng lặp, tránh dài dòng và người đọc tiện theo dõi.  (iii) Sắp xếp, điều chỉnh lại nội dung các phần, mục trong chương cho phù hợp, ngắn gọn; Các câu có nội dung tương tự, các công trình có chung nhiệm vụ nên được gộp lại, viết với nghĩa chung nhất sẽ ngắn gọn hơn và không bị bỏ sót. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình như sau:**  Kết cấu của Báo cáo tổng hợp được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 11/2020/TT-BNNPTNT. Do đó, giữ nguyên như dự thảo.  Rà soát nội dung tại các mục để tránh trùng lặp. |  |
| 2 | Cần có phân tích đầy đủ các yếu tố làm thay đổi dòng chảy đến (lưu lượng, mực nước) về mùa lũ, mùa khô tại vùng thượng, vùng giữa và vùng cửa sông; Cần bổ sung phụ lục tính toán thủy văn, thủy lực và phân tích rõ những ưu điểm, khuyết điểm của từng phương pháp tính toán từ đó quyết định lựa chọn phương pháp tính phù hợp với hệ số điều chỉnh sai lệch cần thiết cho phương pháp lựa chọn. | **Cơ quan lập quy hoạch giải trình như sau:**  Các yếu làm thay đổi dòng chảy các vùng đã được phân tích kỹ trong Báo cáo chuyên đề thủy văn. Báo cáo tổng hợp chỉ thể hiện tóm tắt kết quả, nội dung quan trọng.  Phụ lục tính toán thủy văn, thủy lực: đã được trình bày cụ thể trong Báo cáo chuyên đề thủy văn, chuyên đề thủy lực. |  |
| 3 | Xem lại cách tính toán nhu cầu nước trong mùa khô và trong trường hợp thực hiện 1 triệu ha lúa chuyên canh chất lượng cao được áp dụng mô hình canh tác “ướt, khô” xen kẽ để tiết kiệm nước. | **Cơ quan lập quy hoạch giải trình như sau:**  Tại Mục 5.2. Phương án cấp nước, kiểm soát mặn (từ trạng 165-168) đã trình bày chi tiết về phương pháp tính toán dự báo nhu cầu sử dụng nước cho từng đối tượng sử dụng nước trên cơ sở định mức dùng nước (theo tiêu chuẩn, quy chuẩn đối với cấp nước sinh hoạt, công nghiệp, chăn nuôi), tính toán hệ số tưới cho cây trồng cạn, hệ số cấp nước cho nuôi trồng thủy sản và quy mô của đối tượng sử dụng nước (tổng dân số, quy mô diện tích đất sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, quy mô đàn gia súc, gia cầm; diện tích các đối tượng nuôi trồng thủy sản; diện tích các loại cây trồng cạn). Việc tính toán nhu cầu nước được tính toán cho 120 tiểu khu thủy lợi, theo từng tuần (mỗi tuần 10 ngày) trong từng năm (năm hiện trạng, năm 2030) sau đó tổng hợp theo từng hệ thống thủy lợi;  Theo Đề án 1 triệu ha lúa chất lượng cao phát thải thấp của Bộ Nông nghiệp và PTNT, thì trước mắt các tỉnh đăng ký về quy mô diện tích sản xuất lúa chất lượng cao, áp dụng biện pháp tưới “ướt, khô” xen kẽ nhằm giảm nhu cầu sử dụng nước. Tuy nhiên, việc xác định vị trí (phạm vi cụ thể) về diện tích cho 12 tỉnh thành đăng ký là chưa được xác định cụ thể, đầy đủ. Ý nghĩa của việc tính toán nhu cầu nước là để trả lời câu hỏi nhu cầu nước theo không gian, theo thời gian cho cả vùng ĐBSCL diễn biến như thế nào, thay đổi ra làm sao (tăng, hay giảm), trong khi đối tượng 1 triệu ha lúa chưa xác định cụ thể vị trí thì việc tính nhu cầu nước trong trường hợp này là không khả thi. |  |
| 4 | Thực hiện quan điểm xem nước ngọt, nước lợ, nước mặn đều là tài nguyên và công trình đáp ứng đa mục tiêu, đầu tư “không hối tiếc”, và với diễn biến về nguồn nước về ĐBSCL như trong những năm vừa qua, đề nghị:  (i) Chưa nên tiến hành đầu tư xây dựng các công trình tại các cửa ra của các nhánh sông Cửu Long trước năm 2030; có thể xem xét cho triển khai xây dựng cống trên sông Vàm Cỏ nếu các nghiên cứu cho thấy hiệu quả cao và lấy ý kiến phản biện xã hội trước khi quyết định chủ trương đầu tư; riêng với việc xây dựng cống kiểm soát trên sông Hàm Luông, cần xem xét nghiên cứu thận trọng hơn do mức độ tương tác của hệ thống sông Cửu Long rất cao, nhất là các nhánh sông Mỹ Tho, Cổ Chiên gần với sông Hàm Luông.  (ii) Cần tiếp tục tiến hành nghiên cứu toàn diện, kỹ lưỡng, chuẩn bị sẵn giải pháp để ứng phó với các kịch bản bất lợi nhất xảy ra từ tác động phía thượng nguồn (như chuyển nước lưu vực với lưu lượng lớn) và thực tế BĐKH diễn ra theo đúng kịch bản cao nhất. Có thể xem xét đầu tư các cống ở cửa ra các nhánh sông Cửu Long trong giai đoạn 2030 - 2050 nếu tần suất xuất hiện những yếu tố bất lợi ngày càng nhiều mà hệ thống thủy lợi hiện hữu không thể đáp ứng và quản trị rủi ro không phải là phương cách hữu dụng, cần phải có tác động vào dòng chính mới đem lại hiệu quả. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình như sau:**  Thống nhất đề xuất xây dựng các cống lớn cửa sông sau năm 2030, sau khi có đầy đủ các nghiên cứu, đánh giá tác động và hiệu quả của các công trình.  Trong quá trình lập quy hoạch, cơ quan lập quy hoạch đã đề xuất 3 kịch bản nguồn nước có thể xảy ra, trong đó đã xem xét tác động động từ phía thượng nguồn. |  |
| 5 | ĐBSCL đang đối mặt với 4 thách thức nghiêm trọng, đó là: (i) Tình trạng hạn hán, xâm nhập mặn; (ii) Lũ, lụt và ngập úng đô thị; (iii) Biến đổi lòng dẫn, sạt lở bờ sông, kênh, bờ biển; (iv) Ô nhiễm nguồn nước; Cần tập trung phân tích kỹ hơn thực trạng, nguyên nhân và giải pháp cho 4 vấn đề này theo đúng hướng tiếp cận, quan điểm mà DTQH đã nêu. | **Cơ quan lập quy hoạch giải trình như sau:**  Trong phần sự cần thiết lập quy hoạch đã phân tích những thách thức đối với công tác thủy lợi ĐBSCL, gồm: Tác động từ phát triển thượng nguồn sông Mê Công; Tác động của biến đổi khí hậu - nước biển dâng; Phát triển nội tại ở ĐBSCL. Các vấn đề gia tăng: hạn hán, xâm nhập mặn, lũ lụt, sạt lở, ô nhiễm nguồn nước chính là hệ quả của các tác động nói trên. |  |
| 6 | Thực trạng ngập úng đô thị ở ĐBSCL đang diễn ra ngày càng trầm trọng hơn và là thách thức rất lớn đến phát triển kinh tế, xã hội và môi trường sông của nhân dân. Cần bổ sung phần đánh giá thực trạng ngập úng tại các đô thị hiện nay về mức độ ngập, úng (về chiều sâu ngập, diện tích ngập, số điểm ngập, thời gian cho một lần, số lần ngập, trong một tháng, năm) về thiệt hại và những tác động bất lợi của ngập úng cụ thể với từng đô thị. | **Cơ quan lập quy hoạch giải trình như sau:**  Hiện trạng ngập úng đô thị đã được trình bày tại Mục 1.3.3.2. Tuy nhiên mỗi đô thị lại có mức độ ngập, thời điểm ngập, nguyên nhân gây ngập khác nhau, do vậy rất khó để đánh giá cụ thể cho từng đô thị. Trong khuôn khổ quy hoạch này chỉ đề xuất giải pháp thủy lợi chung để chống ngập úng cho một số thành phố trung tâm tỉnh bị ảnh hưởng ngập nặng.  Còn các đô thị khác đề nghị địa phương cập nhật vào trong Quy hoạch tỉnh. |  |
| 7 | Về ô nhiễm môi trường nước: Do diễn biến nguồn nước về ĐBSCL (lũ lớn giảm, lượng phù sa giảm rất nhiều, mực nước dòng chảy mùa kiệt giảm thấp, biên độ triều gia tăng…), do tập quán sinh hoạt, canh tác của nhân dân, do phát triển nội vùng làm cho nguồn nước vùng ĐBSCL ngày càng bị ô nhiễm nặng nề. Đề nghị: (i) Cần phải tăng cường lấy lũ (giảm ngắn chu kỳ lấy lũ) vào đồng ruộng để thau chua, rửa phèn, lấy phù sa duy trì độ phì nhiêu của đồng ruộng. Những năm lũ vượt báo động 3 nên lấy lũ vào đồng ruộng để giảm áp lực lũ trên dòng chính, lên đô thị; (ii) Cần phải có 1 chương trình quốc gia về phát triển đô thị nông thôn, cụm, tuyến dân cư tập trung trên hai bờ kênh, bờ sông vùng ĐBSCL gắn với cải thiện ô nhiễm nguồn nước (tương tự chương trình xóa “cầu khỉ”, xóa nhà vệ sinh trực tiếp xuống kênh rạch ở ĐBSCL đã thực hiện trong thời gian qua. | **Cơ quan lập quy hoạch giải trình như sau:**  Quy hoạch đề xuất xây dựng các cống đầu mối dọc sông để kiểm soát lượng nước lũ vào nội đồng, giữ an toàn cho hệ thống đê bao nội vùng, giảm khối lượng tu bổ đê, trong khi vẫn tận dụng được các lợi ích của lũ (lấy phù sa, vệ sinh đồng ruộng, diệt sâu bọ…). Việc kiểm soát lượng lũ vào nội đồng những năm lũ lớn (Tân Châu vượt quá 4,5m) cũng không ảnh hưởng quá lớn đến mực nước các khu vực khác.  Với vấn đề dân cư tập trung trên hai bờ kênh, bờ sông: đây là tập quán lâu đời của người dân ĐBSCL, do trước đây giao thông chủ yếu là đường thủy. Hiện nay hệ thống đường bộ đã phát triển hơn nhiều, nhu cầu giao thông thủy không còn cấp thiết thì có thể thay đổi dần tập quán này của người dân. Tuy nhiên, cần có sự tập trung của các ngành, các cấp và cả hệ thống chính trị, riêng Ngành nông nghiệp thì không giải quyết được vấn đề này. Trong quy hoạch này cũng đã đề xuất Chương trình điều tra cơ bản “Điều tra, đánh giá hiện trạng dân cư sống ven sông, kênh, rạch vùng ĐBSCL” nhằm đánh giá hiện trạng và đề xuất giải pháp để giải quyết vấn đề trên. |  |
| 8 | Cần chỉnh sửa lại số liệu, cách sử dụng màu cho thống nhất trên các hình ảnh, bản đồ với phần thuyết minh, ghi chú. Cần có sự nhất quán về tên gọi các vùng quy hoạch (theo phân vùng QH chia 3 vùng sinh thái: ngọt, lợ, mặn, nhưng trong giải pháp quy hoạch lại chia thành 3 vùng: ngọt, ngọt – lợ, lợ - mặn). Những nội dung quan trọng trong các hồ sơ: Báo cáo trình bày tại hội thảo, Báo cáo tóm tắt và Báo cáo tổng hợp, Dự thảo tờ trình, dự thảo Quyết định cần phải thống nhất, nhất quán.  Cần cập nhật kịp thời các công trình mà các địa phương, Bộ đã đầu tư trong những năm gần đây (một số công trình Ban QLĐTVXD TL10 quản lý đầu tư xây dựng hoàn thành, nhưng vẫn có trong danh mục đầu tư ). | **Cơ quan lập quy hoạch** tiếp thu, chỉnh sửa như sau:  Chỉnh sửa thống nhất về tên gọi 3 vùng quy hoạch như sau: vùng ngọt, vùng ngọt - lợ và vùng mặn.  Tiếp thu, rà soát, cập nhật các công trình đã đưa vào khai thác, vận hành. |  |
| 9 | Rừng ngập mặn, phòng hộ ven biển bị suy thoái, giảm diện tích nghiêm trọng (theo DTQH giảm đến 80%). Cần có nghiên cứu đánh giá toàn diện về vấn đề này vì đây là nguyên nhân quan trọng nhất đối với sạt lở bờ biển, bảo vệ an toàn hệ thống đê biển. Cần xác định rõ vị trí cần trồng rừng, vị trí bảo vệ bằng các biện pháp công trình, vị trí kết hợp cả trồng rừng và các giải pháp công trình. | **Cơ quan lập quy hoạch giải trình như sau:**  Quy hoạch thủy lợi lưu vực sông Cửu Long chỉ định hướng giải pháp chung cho vùng ven biển. Hiện, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đang giao cho Cục Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai tổ chức lập Quy hoạch đê điều hệ thống đê biển, đê cửa sông các tỉnh, thành phố từ Quảng Ninh đến Kiên Giang, nội dung quy hoạch này sẽ giải quyết các vấn đề liên quan đến tác động từ biển và hệ thống đê biển, đê cửa sông. |  |
| 10 | Về việc chuyển nước, trữ nước: (i) Đối với việc chuyển nước cho BĐCM: Cần cân nhắc việc dùng hệ thống kênh hở để chuyển nước (trong quy hoạch có đề xuất: Cụm công trình chuyển nước Bắc Cà Mau; Hệ thống chuyển nước cho Nam Cà Mau). Việc chuyển nước chỉ nên áp dụng cho các kênh ngắn, ít có công trình trên kênh, do đồng bằng các kênh trục liên thông nhau, địa hình bằng phẳng, để đưa nước từ nơi này qua nơi khác hết sức phức tạp. Đối với việc chuyển nước phục vụ cho sinh hoạt, sử dụng hệ thống đường ống, chuyển nước đến các bể chứa nước tập trung và phân phối đến các hộ dùng nước;  (ii) Nghiên cứu phương án chuyển nước bổ sung cho Long An từ nguồn Phước Hòa, Dầu Tiếng ứng với hiện trạng và trường hợp sau nâng cấp hồ Dầu Tiếng;  (iii) Cần cân nhắc ưu tiên cấp nước từ các hồ trữ nước phân tán cho nhu cầu sinh hoạt, nước cho nông nghiệp nhu cầu lớn mà khả năng trữ của hồ có hạn và việc chuyển nước cho sản xuất cũng tốn kém, thất thoát nước lớn, mất nhiều đất sản xuất, hồ có chiều sâu lớn thì dễ nhiễm phèn. Vì vậy, cần xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể cho từng hồ, từng vị trí hồ để lựa chọn quy mô, kích thước hồ cho phù hợp. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình như sau:**  Hệ thống chuyển nước cho BĐCM: Đã tính toán về khả năng chuyển nước cho vùng Nam Cà Mau thông qua âu thuyền và trạm bơm Tắc Thủ, kết hợp vận hành các hệ thống cống ven biển An Minh - An Biên, các cống của hệ thống Quản Lộ - Phụng Hiệp và xây dựng các cống ven sông Hậu. Tuy nhiên theo tính toán thì khả năng cấp nước chỉ bảo đảm cho khoảng 25.000ha khu vực chuyển đổi mô hình tôm - lúa của vùng Nam Cà Mau. Các khu vực còn lại của Nam Cà Mau sẽ vẫn tiếp tục sử dụng nguồn nước tại chỗ để sản xuất.  Đối với sử dụng nước từ hồ Dầu Tiếng cấp cho Long An: quan điểm của quy hoạch là sẽ sử dụng chủ yếu nguồn nước từ sông Mê Công, với tổng lượng trung bình hàng năm lớn (475 tỷ m3) đủ nguồn để phục vụ cho lưu vực. Lưu vực sông Đồng Nai có tổng lượng hàng năm hạn chế (hơn 30 tỷ m3) sẽ ưu tiên để phục vụ cho vùng Đông Nam Bộ.  Thống nhất quan điểm chỉ xây dựng các hồ trữ nước phân tán để cấp nước cho nhu cầu sinh hoạt là chủ yếu. |  |
| 11 | Cần nghiên cứu xây dựng một Chương trình chuyển đổi sản xuất ở một số vùng xa nguồn ngọt, rất khó khăn để tiếp ngọt và vùng sản xuất đan xen “da beo” như vùng kẹp giữa kênh Quản Lộ - Phụng Hiệp và kênh Cà Mau - Bạc Liêu (đoạn từ kênh Phước Long - Vĩnh Mỹ về phía Cà Mau), vùng phía nam kênh Rạch Giá - Hà Tiên từ trồng lúa sang NTTS hoặc trồng lúa kết hợp NTTS (trong đó vụ lúa chủ yếu dùng nước mưa). Việc sản xuất đan xen giữa các mô hình sản xuất phải đầu tư các hệ thống công trình phân ranh mặn ngọt, kiểm soát nguồn nước khó khăn, chi phí đầu tư lớn, kém bền vững. Về lâu dài, giai đoạn sau năm 2030 cần xem xét điều chỉnh cho phù hợp với BĐKH, diễn biến nguồn nước trên toàn lưu vực và tình hình cụ thể tại ĐBSCL. | **Cơ quan lập quy hoạch giải trình như sau:**  Đối với bố trí phát triển nông nghiệp vùng ĐBSCL, quy hoạch đã căn cứ vào Chương trình tổng thể phát triển nông nghiệp bền vững thích ứng với biến đổi khí hậu vùng ĐBSCL đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (Quyết định số 324/QĐ-TTg ngày 02/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ). Tuy vậy nhiều vùng vẫn còn tình trạng sản xuất “da beo” chưa đồng nhất, dẫn đến khó khăn cho vận hành các công trình thủy lợi. Kiến nghị các địa phương cần quản lý chặt việc phát triển các mô hình sản xuất, vận động người dân chấp hành đúng theo quy hoạch. |  |
| 12 | Cần có nghiên cứu đánh giá toàn diện ảnh hưởng của việc giảm lũ tràn trên đồng (do tác động của hệ thống đê bao, đường giao thông) đối với dòng chảy lũ trên dòng chính; tác động của việc xây dựng và vận hành các cống ven sông Hậu, sông Tiền lên dòng chính ứng với các tần suất xuất hiện lũ, mưa lũ, kết hợp triều cường. | **Cơ quan lập quy hoạch giải trình như sau:**  Đối với tác động của các công trình hạ tầng đến lũ tràn biên giới, đơn vị tư vấn đã kế thừa kết quả nghiên cứu của Đề tài Nghiên cứu khoa học cấp Bộ: Nghiên cứu ảnh hưởng của phát triển công trình hạ tầng đến kiểm soát lũ vùng ven các tỉnh từ Bình Phước đến Kiên Giang về tác động của tuyến đường tuần biên, tuyến giao thông ven biên giới, cầu…  Đối với tác động của các cống ven sông Tiền, sông Hậu lên dòng chính: các cống này sẽ vận hành với mục tiêu kiểm soát lượng lũ vào nội đồng tương đương mức lũ tại Tân Châu là 4,5m. Với những năm lũ lớn, việc vận hành các cống này có làm dâng mực nước trên dòng chính, nhưng mức độ không lớn (tại Cần Thơ tăng nhưng không quá 10cm so với không xây dựng cống). |  |
| 13 | Mục 1.1.9. Các thuận lợi, khó khăn của điều kiện tự nhiên đối với công tác thủy lợi: Chưa phân tích điều kiện tự nhiên có những thuận lợi, khó khăn gì đối với công tác thủy lợi, ngoại trừ có một câu: “Bão và ATNĐ ít ảnh hưởng trực tiếp đến vùng, công tác phòng chống thiên tai cũng giảm bớt áp lực so với các vùng khác”. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, bổ sung** các thuận lợi và khó khăn của điều kiện tự nhiên vàoi Mục 1.1.9. |  |
| 14 | Mục 1.2.2.8. Các thuận lợi và khó khăn của đặc điểm kinh tế - xã hội đối với công tác thủy lợi: Chưa có phân tích làm nổi bật những thuận lợi, khó khăn của đặc điểm KT-XH đối với công tác thủy lợi. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, bổ sung** các thuận lợi và khó khăn của đặc điểm kinh tế - xã hội vào Mục 1.2.2.8. |  |
| 15 | Mục 1.3.1.2. Hệ thống kết cấu hạ tầng tưới, cấp nước: Đề nghị điều chỉnh câu: “Để điều hòa nguồn nước cho vùng,…., phục vụ tốt cho việc cấp nước cũng như tiêu thoát nước” Thành câu: “Để điều hòa nguồn nước cho vùng,…., đáp ứng cơ bản nhu cầu cấp nước cũng như tiêu thoát nước trong điều kiện thời tiết bình thường”. | **Cơ quan lập quy hoạch** tiếp thu, chỉnh sửa thành “*Để điều hòa nguồn nước cho vùng,…., đáp ứng cơ bản nhu cầu cấp nước cũng như tiêu thoát nước trong điều kiện thời tiết bình thường*” vào Mục 1.3.1.2 |  |
| 16 | Mục 1.3.1.3. Hệ thống kết cấu hạ tầng tiêu, thoát nước: Chưa nêu đầy đủ hiện trạng của hệ thống tiêu, công trình tiêu mà đi vào phân tích nguyên lý tiêu, giải pháp tiêu. Cần nêu hiện trạng và đánh giá mức độ đáp ứng nhiệm vụ. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, bổ sung** hiện trạng hệ thống tiêu, công trình tiêu vào Mục 1.3.1.3. |  |
| 17 | Mục 1.3.1.4. Hệ thống kết cấu hạ tầng phòng, chống lũ: quy hoạch mới chỉ nói đến mức độ đáp ứng nhiệm vụ phòng, chống lũ cho vùng sản xuất và nông thôn, chưa nói gì đến kết cấu hạ tầng phòng chống ngập úng cho các đô thị (điều này đang là thách thức rất lớn hiện nay). Đề nghị bổ sung nội dung chống ngập úng vào mục này. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình như sau:**  Bổ sung nội dung Hạ tầng phòng chống ngập úng cho các đô thị vào Mục 1.3.1.4. |  |
| 18 | Mục 1.3.3.1. Kết quả thực hiện các quy hoạch thời kỳ trước:  2) Giai đoạn 1976-1986: Bổ sung thêm nội dung: Công trình thủy lợi mới chủ yếu tập trung vào đáp ứng mục tiêu tăng diện tích, sản lượng lúa chưa quan tâm đầy đủ đến các yếu tố môi trường, giao thông thủy… Khẩu diện cống thường rất nhỏ so với mặt cắt kênh (40-50%).  3) Giai đoạn 1986-1996: Bổ sung nội dung: Đất nước đang trong giai đoạn chuyển đổi cơ chế từ tập trung, quan lieu, bao cấp sang cơ chế thị trường, đang khó khăn về vốn và công nghệ thi công còn lạc hậu, đầu tư còn dàn trải, thiếu tập trung nên công trình thi công kéo dài, và còn nhiều hệ thống công trình, công trình chưa được đầu tư đồng bộ, hoàn chỉnh.  4) Giai đoạn 1996-2012: Bổ sung nội dung: Chính phủ đặc biệt quan tâm đến ĐBSCL. Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định 99-TTg ngày 09/02/1996 Quyết định về định hướng dài hạn và kế hoạch 5 năm 1996-2000 đối với việc phát triển thủy lợi, giao thông & xây dựng nông thôn vùng ĐBSCL. Đây được xem là thời điểm đột phá về tư duy, nhận thức của Chính phủ về vai trò của thủy lợi đối với ĐBSCL. Theo đó, về thủy lợi cần nêu một số nội dung chính: 1. Hoàn thành 3 chương trình trọng điểm Đồng Tháp Mười, Tứ Giác Long Xuyên, Tây sông Hậu để gieo trồng 2-3 vụ lúa/năm; 2. Hoàn thành chương trình ngọt hóa bán đảo Cà Mau, Gò Công, Nam Măng Thít; 3. Đối với vùng trồng cây ngắn ngày vùng ngập lũ:…. ; 4. Đối với cây trồng lâu năm vùng ngập lũ:…. Từ đây đầu tư cho phát triển thủy lợi ở đồng bằng SCL được quan tâm hơn, đúng mức hơn. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, bổ sung** kết quả thực hiện quy hoạch các thời kỳ vào Mục 1.3.3.1, Tiểu mục 2; Mục 1.3.3.1, Tiểu mục 3; Mục 1.3.3.1, Tiểu mục 4. |  |
| 19 | Mục 1.3.3.2. Những hạn chế tồn tại về thủy lợi  1) Đối với tưới, cấp nước:  *Điều chỉnh, bổ sung đoạn:* “Hiện nay, số lượng cống có cửa van được thiết kế vận hành tự động còn nhiều… và gia tăng nguy cơ ô nhiễm nguồn nước mặt nội đồng” *thành đoạn mới:* “Phần nhiều các cống vùng ven biển được thiết kế với cửa van đóng mở tự động, cống có khẩu diện nhỏ hơn nhiều so với mặt cắt ướt của kênh, sông tự nhiên, nhiều cống được thiết kế một chiều tiêu. Do vậy, công trình không đáp ứng đa mục tiêu, ảnh hưởng bất lợi đến môi trường, giao thông thủy, đến xói lở lòng dẫn, không đáp ứng yêu cầu chuyển đổi cơ cấu sản xuất. Bên cạnh đó, các cống được xây dựng trước năm 2000, các hạng mục bê tông chủ yếu chỉ được thiết kế với bê tông mác 200 nên tính bền vững kém, đã xuống cấp nhiều.”  2) Đối với tiêu thoát nước:  Đề nghị bỏ đoạn: “Các khu vực đô thị thiếu công trình chống ngập úng,… do thiếu nguồn kinh phí.” Nên đưa vào nội dung chống ngập úng đô thị trong mục 3 “Đối với lũ, ngập lụt”.  3) Đối với lũ, ngập lụt:  Bổ sung thêm nội dung:  - Tình trạng ngập úng tại các đô thị ngày càng trầm trọng do các nguyên nhân: (i) Biến đổi khí hậu, nước biển dâng; (ii) Cốt nền xây dựng thấp và lún sụt đất nền; (iii) Lũ về từ thượng nguồn, mưa lớn trong khu vực; (iv) Diện tích mặt đất tự nhiên ngày càng thu hẹp và được thay thế bằng bê tông trong khi hệ thống tiêu thoát nước đô thị ngày càng xuống cấp, lạc hậu, tắc nghẽn, không đủ năng lực tiêu thoát;(v) San lấp ao hồ, vùng trũng nên không còn không gian chứa triều, lũ cũng như đón mưa;  - Các khu vực đô thị thiếu công trình chống ngập úng được đầu tư bài bản, khoa học, đồng bộ và hoàn chỉnh bao gồm: hệ thống đê bao khép kín, cống kiểm soát lũ, hệ thông kênh tiêu, hệ thống tiêu thoát nước đô thị đảm bảo năng lực, trạm bơm hỗ trợ khi xuất hiện mưa lớn trong kỳ triều cường hoặc khi có lũ, hồ điều hòa tạo dung tích đón mưa. Bên cạnh đó cần khống chế tốt mật độ xây dựng, đảm bảo cốt nền xây dựng, đảm bảo tỷ lệ diện tích đất tự nhiên, diện tích mặt nước kênh, mương, ao hồ. Đồng thời có hệ thống quan trắc, giám sát, cảnh báo, dự báo chính xác phục vụ cho việc quản lý, vận hành hệ thống, quản trị rủi do. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, chỉnh sửa như sau:**  Đối với tưới, cấp nước: Điều chỉnh đoạn “*Hiện nay, số lượng cống có cửa van được thiết kế vận hành tự động còn nhiều… và gia tăng nguy cơ ô nhiễm nguồn nước mặt nội đồng*” thành “*Phần nhiều các cống vùng ven biển được thiết kế với cửa van đóng mở tự động, cống có khẩu diện nhỏ hơn nhiều so với mặt cắt ướt của kênh, sông tự nhiên, nhiều cống được thiết kế một chiều tiêu. Do vậy, công trình không đáp ứng đa mục tiêu, ảnh hưởng bất lợi đến môi trường, giao thông thủy, đến xói lở lòng dẫn, không đáp ứng yêu cầu chuyển đổi cơ cấu sản xuất. Bên cạnh đó, các cống được xây dựng trước năm 2000, các hạng mục bê tông chủ yếu chỉ được thiết kế với bê tông mác 200 nên tính bền vững kém, đã xuống cấp nhiều*” vào Mục 1.3.3.2, Tiểu mục 1.  Đối với tiêu thoát nước: Bỏ đoạn “*Các khu vực đô thị thiếu công trình chống ngập úng,… do thiếu nguồn kinh phí*” và chuyển xuống Tiểu mục 3 Đối với lũ, ngập lụt.  Đối với lũ, ngập lụt: Bổ sung nội dung về tình trạng ngập úng, nguyên nhân ngập… vào Mục 1.3.3.2, Tiểu mục 3. |  |
| 20 | Mục 2.1.1.2. Tác động của định hướng phát triển KT-XH đến phát triển thủy lợi  1) Tác động của xu thế phát triển dân số và xây dựng cụm tuyến dân cư  b) Xu thế phát triển khu vực đô thị và nhu cầu tiêu thoát nước, chống ngập:  Cần bổ sung thêm nội dung: Một số đô thị hình thành trên cơ sở điểm dân cư nông thôn trước đây, trở thành một dạng: “đô thị nông thôn”. Do nhà cửa, hạ tầng được hình thành từ trước, khi chưa có quy hoạch và xây dựng theo tiêu chuẩn đô thị, không có hệ thống thu gom, xử lý nước thải… (xây dựng tự phát). Do vậy, việc xử lý môi trường, chống ngập úng đô thị sẽ khó khăn, phức tạp. | **Cơ quan lập quy hoạch** tiếp thu, bổ sung nội dung “*Một số đô thị hình thành trên cơ sở điểm dân cư nông thôn trước đây, trở thành một dạng: “đô thị nông thôn”. Do nhà cửa, hạ tầng được hình thành từ trước, khi chưa có quy hoạch và xây dựng theo tiêu chuẩn đô thị, không có hệ thống thu gom, xử lý nước thải… (xây dựng tự phát). Do vậy, việc xử lý môi trường, chống ngập úng đô thị sẽ khó khăn, phức tạp.*” vào Mục 2.1.1.2, Tiểu mục 1. |  |
| 21 | Mục 2.1.2.2. Xu thế biến đổi nguồn nước  *4) Xu thế biến đổi mực nước trên dòng chính:*  *- Trên sông Tiền:* Đề nghị thay cụm từ “*mực nước nhỏ nhấ*t” bằng cụm từ “*mực nước trung bình năm”* trong đoạn: ” Tại vị trí trạm thượng lưu Tân Châu, mực nước lớn nhất và *mực nước nhỏ nhấ*t năm trong thời gian 40 năm (1980-2019) đều có xu thế giảm trong đó mực nước lớn nhất năm giảm 1,28 cm/năm và mực nước trung bình năm giảm 0,75cm/năm. Trong khi đó mực nước nhỏ nhất năm có xu thế tăng 0,33 cm/năm.”  - Phần tóm tắt đoạn này viết: “Nhìn chung, xu thế đặc trưng mực … Xẻo Rô (biển Tây) đều tăng và theo thứ tự là (0,50 cm/năm; 0,38 cm/năm và 0,38 cm/năm).” Đề nghị chỉnh sửa lại đoạn này vì không phù hợp với diễn biến mực nước tại các trạm thủy văn đã nêu ở trên. | **Cơ quan lập quy hoạch** tiếp thu, chỉnh sửa như sau:  Điều chỉnh cụm từ “*mực nước nhỏ nhất*” thành “*mực nước trung bình năm*” tại Mục 2.1.2.2, Tiểu mục 4.  Bỏ nội dung đánh giá về mực nước trạm Xẻo Rô tại Mục 2.1.2.2, Tiểu mục 4. |  |
| 22 | Mục 2.1.3.1. Dự báo xu thế và khả năng xảy ra thiên tai cực đoan:  Bổ sung thêm nội dung: “Biến đổi lòng dẫn, sạt lở bờ sông, bờ biển ngày càng trầm trọng và phức tạp” vào cuối của đoạn đầu mục này.  7) Hoạt động của các quốc gia thượng nguồn tác động cực đoan đến dòng chính:  DTQH so sánh lưu lượng Kênh giao thông thủy Campuchia với lưu lượng về sông Hậu mùa kiệt trong đoạn :”… Như vậy, tác động của kênh…. Sơ bộ ước tính lưu lượng khai thác có thể lên đến 150 m3/s chiếm khoảng 30% lưu lượng về sông Hậu trong mùa kiệt, điều này có thể tác động nhiều đến tình trạng hạn hán và xâm nhập mặn của ĐBSCL.” Đề nghị không nên so sánh với lưu lượng đến Châu Đốc vì dễ gây hiểu điều đó tác động rất xấu đến tình trạng xâm nhập mặn, thiếu nước (giảm đến 30%). Nên so sánh với lưu lượng trên sông Hậu tại vị trí sau Vàm Nao để có nhận định sát thực tế hơn. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, chỉnh sửa như sau:**  Bổ sung nội dung “*Biến đổi lòng dẫn, sạt lở bờ sông, bờ biển ngày càng trầm trọng và phức tạp*” tại Mục 2.1.3.1.  Bỏ nội dung so sánh lưu lượng qua kênh đào với lưu lượng qua Châu Đốc tại Mục 2.1.3.1, Tiểu mục 7: |  |
| 23 | Mục 2.1.4.2. Dự báo tác động của tiến bộ khoa học, công nghệ và nguồn lực đến hệ thống thủy lợi: Nên tham khảo đề án “Hiện đại hóa hệ thống thủy lợi phục vụ chuyển đổi, phát triển nông nghiệp bền vững tại các tiểu vùng sinh thái vùng ĐBSCL” đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 633/QĐ-TTg ngày 12/5/2020. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, bổ sung** nội dung liên quan đến hiện đại hóa hệ thống theo Đề án “Hiện đại hóa hệ thống thủy lợi phục vụ chuyển đổi, phát triển nông nghiệp bền vững tại các tiểu vùng sinh thái vùng ĐBSCL” vào Mục 2.1.4.2 |  |
| 24 | ***Mục 2.2.3.3. Đối với phòng, chống lũ*** Đề nghị bổ sung nội dung chống ngập úng đô thị vào mục này. Tên của mục mới này là: ***2.2.3.3. Đối với phòng, chống lũ và chống ngập úng đô thị.*** Do vậy cần bổ sung nội dung chống ngập úng đô thị vào mục này. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, chỉnh sửa như sau:**  Sửa đổi tên Mục 2.2.3.3. thành *“Mục 2.2.3.3. Đối với phòng, chống lũ và chống ngập úng đô thị”*.  Bổ sung các yêu cầu về chống ngập úng đô thị vào Mục 2.2.3.3 |  |
| 25 | Khi đánh giá sự liên kết giữa hệ thống hạ tầng thủy lợi với hạ tầng giao thông tại mục 3.1.2.1. Hạ tầng xây dựng, giao thông DTQH đã có phần thiếu khách quan và có phần phiến diện trong phân tích đánh giá. Cụ thể:  (i) Về cống: tại đoạn đầu mục này đã viết : “Tuy nhiên, hầu hết các cống được thiết kế đều không đủ tải trọng cho các cấp… gây lãng phí về đầu tư”  (ii) Về kênh mương: DTQH đã viết: “Hầu hết các hệ thống thủy lợi đã xây dựng đều có bờ kênh…. đây là một thiếu sót lớn của công tác đầu tư”. | **Cơ quan lập quy hoạch** tiếp thu, chỉnh sửa như sau  Điều chỉnh thành “*Tuy nhiên, cũng còn một số cống được thiết kế không đủ tải trọng cho các cấp… do chưa có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cấp, các ngành và chính quyền địa phương trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư, gây lãng phí về đầu tư*” tại Mục 3.1.2.1.  Điều chỉnh thành “*Một số kênh, đoạn kênh ở vùng cao, vùng giáp biên giới Việt Nam- Campuchia có địa chất tốt như kênh Vĩnh tế, kênh Trà Sư, đoạn đầu kênh T5, kênh Hồng Ngự, Tân Thành - Lò Gạch… được đầu tư trước năm 2000, khu vực đổ đất chưa được san tạo để kết hợp giao thông bộ, nên chưa phát huy tốt hiệu quả tổng hợp của công trình*”. |  |
| 26 | Mục 3.2: Trong mục này mới chỉ nêu được 03 hệ thống: Hệ thống đê biển, Hệ thống kiểm soát mặn, Hệ thống kè bảo vệ bờ sông, bờ biển. Đề nghị bổ sung nội dung về hệ thống công trình kiểm soát lũ (trong đó có kiểm soát lũ đô thị và kiểm soát lũ ngoài đô thị), hệ thống kênh mương. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, điều chỉnh như sua:**  Điều chỉnh hệ thống kết cấu hạ tầng thủy lợi thành: Hệ thống công trình kiểm soát lũ; Hệ thống công trình kiểm soát mặn; Hệ thống công trình chống ngập úng đô thị tại Mục 3.2. |  |
| 27 | Mục 3.3.1. Yêu cầu về mức độ đảm bảo cấp nước, mức độ đảm bảo tiêu nước”  Đề nghị đổi tên mục này thành: “Yêu cầu về mức độ đảm bảo cấp nước, *tiêu nước,* *bảo vệ môi trường nước và chống ngập úng*” .  2. Tiêu, thoát nước và bảo vệ môi trường nước  Đổi tên mục này thành: “*Tiêu, thoát nước, phòng chống ngập úng và bảo vệ môi trường nước*.” | **Cơ quan lập quy hoạch** tiếp thu, chỉnh sửa như sau:  Chỉnh sửa tên của Mục 3.3.1 thành “*Yêu cầu về mức độ đảm bảo cấp nước, tiêu nước, bảo vệ môi trường nước và chống ngập úng*”.  Chỉnh sửa tên Mục 3.3.1, Tiểu mục 2 thành “*Tiêu, thoát nước, phòng chống ngập úng và bảo vệ môi trường nước*” |  |
| 28 | Mục 3.3.3. Yêu cầu về mức độ đảm bảo an toàn trước thiên tai đối với các loại hình thiên tai.  Góp ý:  - Với những năm lũ đặc biệt lớn: nên thực hiện theo hướng quản trị rủi ro thiên tai theo đúng quan điểm phát triển thủy lợi lưu vực sông Cửu Long được nêu tại mục 4.1. Ưu tiên số 1 là bảo vệ dân cư, không nên đặt vấn đề phòng chống lũ cho 250.000-300.000 ha lúa vụ 3, nên xem đây là thời kỳ lấy lũ vào để lợi dụng ưu điểm của lũ và giảm áp lực lũ lên các khu đô thị.  - Kiểm soát chặt chẽ: việc khai thác cát, lấn chiếm lòng dẫn, hành lang thoát lũ, san lấp mặt bằng. | **Cơ quan lập quy hoạch giải trình như sau:**  Đối với kiểm soát lũ: các công trình được tính toán với tần suất bảo vệ được xác định trong Quy hoạch Phòng, chống thiên tai và thủy lợi thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quyết định số 847/QĐ-TTg), trong đó: Công trình cơ sở hạ tầng: lũ 1%; Các công trình bảo vệ sản xuất cả năm: lũ 2%.  Kiểm soát việc khai thác cát, lấn chiếm lòng dẫn, hành lang thoát lũ, san lấp mặt bằng được đề xuất tại giải pháp phi công trình |  |
| 29 | Mục 3.4. CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC ĐỐI VỚI PHÁT TRIỂN THỦY LỢI (đề nghị bỏ cụm từ “công tác”) | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu** bỏ cụm từ *“công tác”* tại tên Mục 3.3 |  |
| 30 | Mục 4.2.2.2. Tầm nhìn đến năm 2050:  Điều chỉnh câu: “Bảo đảm chủ động nguồn nước…ảnh hưởng đến đời sống dân sinh” | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, điều chỉnh** thành “*Bảo đảm chủ động nguồn nước phục vụ sản xuất và dân sinh trong mọi tình huống bất lợi, khống chế thiệt hại đến sản xuất và đời sống của người dân do tình trạng hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn gây ra ở mức thấp nhất*” |  |
| 31 | Mục 5.1: Đề nghị bổ sung mục ***(4) Vùng Đô thị:*** đầu tư hoàn thiện hệ thống công trình phòng chống ngập úng cho các đô thị bao gồm hệ thống đê bao ngăn lũ, triều cường; hệ thống cống kiểm soát lũ, triều cường; hệ thống kênh, mương tiêu thoát nước, hệ thống hồ điều hòa, hệ thống trạm bơm (tiêu hỗ trợ khi xảy ra tổ hợp triều cường, mưa lớn hoặc lũ và mưa hoặc cả mưa, lũ, triều cường). | **Cơ quan lập quy hoạch** tiếp thu bổ sung trong Mục 5.1 thêm phần định hướng đối với công trình thủy lợi chống ngập úng các đô thị. |  |
| 32 | Mục 5.2 Phương án cấp nước, kiểm soát mặn: Điều chỉnh lại cách đánh số thứ tự các tiểu mục này để tiện tra cứu. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, chỉnh sửa** số thứ tự tại Mục 5.2 |  |
| 33 | Mục 5.3.4.1. Tiêu thoát cho Vùng ngọt:  Đề nghị có các nghiên cứu xem xét hiệu quả cụ thể của việc vận hành trữ nước, nhồi nước của các cống ven sông Hậu thuộc vùng Tứ Giác Long Xuyên, Tây sông Hậu trước khi có quyết định chủ trương đầu tư. Xem lại vận hành lũ các cống này. Theo DTQH: “Xây dựng 8 cống KSL ven sông Hậu. Các cống này chỉ vận hành hạn chế chảy vào trong các năm lũ có mực nước Tân Châu lớn hơn 4,5m, trong khoảng thời gian 1 tháng”. Quy định như vậy không ổn. Ưu tiên số 1 là bảo vệ dân cư. Nếu mức nước lũ trên 4,5m tại Tân Châu và ở mức đang đe dọa với các đô thị thì cần cho lũ vào các ô bao xem như là thời kỳ lấy lũ vào ruộng. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình như sau:**  Hiệu quả của các cống ven sông Hậu đã được tính toán và khẳng định:  Mực nước lớn nhất mùa lũ trong nội đồnggiảm từ 59-101cm, dẫn đến giảm khối lượng nâng cấp hệ thống đê bao.  Lưu lượng trong mùa kiệt vào nội đồng tăng 45-50 m3/s dẫn đến tăng khả năng bảo đảm cấp nước và chuyển nước cho khu vực ven biển.  Các cống ven sông Hậu trong mùa lũ sẽ vận hành kiểm soát khi mực nước tại Tân Châu vượt quá 4,5m, giữ an toàn cho các công trình trong nội vùng, trong đó có cả giảm ngập úng cho các khu vực đô thị. |  |
| 34 | Mục 6.1. GIẢI PHÁP CÔNG TRÌNH  (iii) Tại mục: “3)Vùng Tây sông Hậu” Dự thảo có nội dung nạo vét, mở rộng các kênh trục thông với sông Hậu. Hiện tại hai bờ kênh trục mật độ dân cư khá đông, lưu không bờ kênh không lớn, *việc mở rộng kênh có thể nói là bất khả thi*, nhưng việc nạo vét để đảm bảo mặt cắt thiết kế, đảm bảo năng lực cấp, tiêu thoát nước là hết sức cần thiết.  Cũng tại mục này, câu: “Mở rộng hoặc xây dựng mới một số cống có khẩu độ nhỏ.” Viết như vậy không rõ ý, dễ hiểu nhầm. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, chỉnh sửa như sau:**  Bỏ cụm từ “*Mở rộng các kênh*” tại Mục 6.1.1.2, Tiểu mục 3.  Điều chỉnh nội dung mở rộng xây dựng các cống thành “*Cần cải tạo, mở rộng hoặc xây dựng mới thay thế các cống có khẩu độ nhỏ không đáp ứng yêu cầu phục vụ đa mục tiêu hiện nay*”. |  |
| 35 | Mục 6.1.2. Vùng ngọt - lợ:  - Dự thảo trong mục 6.1.2.1 có câu: “ Giai đoạn sau 2030: Nếu mặn tiếp tục xâm nhập sâu hơn sẽ kiểm soát bằng các cống lớn cửa sông.” | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, chỉnh sửa** thành “*Giai đoạn sau 2030:* *Nếu mặn tiếp tục xâm nhập sâu, mực nước triều ngày càng cao hơn, tần suất xuất hiện ngày càng nhiều, ảnh hưởng nghiêm trọng đến sản xuất và đời sống của nhân dân trong vùng mà hệ thống hạ tầng thủy lợi hiện có không đáp ứng, các giải pháp khắc phục không khả thi, sẽ xem xét phương án kiểm soát bằng các cống lớn cửa sông”*. |  |
| 36 | 6.2.5. Đầu tư xây dựng các cống Vàm Cỏ, Hàm Luông  - Đây là những công trình có quy mô lớn, ở cửa ra của nhánh sông chính, mức độ tác động rất lớn. Trên quan điểm đầu tư không hối tiếc, đây thực sự là bài toán đánh đổi “được, mất” cần được nghiêm túc, thận trọng trong nghiên cứu, xem xét và quyết định chủ trương đầu tư. Tần suất xuất hiện năm hạn hán, xâm nhập mặn? ngập úng; thiệt hại do hạn hán, xâm nhập mặn, ngập úng gây ra? mức độ đáp ứng của hệ thống hiện có? Đó là những câu hỏi cần được giải đáp. Nếu tần suất xuất hiện khá nhỏ có lẽ nên ứng xử theo phương châm quản lý rủi ro.  - Nên tiếp tục cho nghiên cứu thêm các giải pháp hạn chế tác động của thủy triều, xâm nhập mặn, vào sâu khu vực phía trong cửa sông. | **Cơ quan lập quy hoạch giải trình như sau:**  Cống Vàm Cỏ và Hàm Luông được đề xuất xây dựng sau năm 2030.  Từ nay đến năm 2030, hiệu quả và tác động của việc xây dựng các công trình lớn cửa sông sẽ được nghiên cứu và đánh giá chi tiết hơn trước khi quyết định đầu tư. |  |
| 37 | 6.2.6. Đầu tư công trình chống ngập úng cho các khu đô thị:  - Nhiệm vụ của hệ thống công trình thủy lợi phục vụ chống ngập úng cho các đô thị chính là kiểm soát tốt mực nước trên sông, kênh rạch tại cửa ra của hệ thống cống rãnh tiêu thoát nước đô thị. Vì vậy ngoài hệ thống đê bao khép kín (có cao trình, kích thước, đảm bảo ngăn được nước bên ngoài tràn vào vùng cần bảo vệ), hệ thống cống kiểm soát nguồn nước và các kênh tiêu có mặt cắt phù hợp, còn phải bố trí thêm trạm bơm, hồ điều hòa và diện tích mặt nước đủ lớn để tạo dung tích trống “đón mưa”. Dung tích hồ điều hòa, diện tích mặt nước, diện tích mặt đất tự nhiên, công suất trạm bơm, cốt nền xây dựng là những thông số cần được tính toán và quy định cụ thể cho mỗi đô thị bị ngập úng. | **Cơ quan lập quy hoạch giải trình như sau:**  Giải pháp chung về thủy lợi chống ngập úng cho các khu đô thị được đề xuất trong quy hoạch bao gồm:  Kết hợp sử dụng tôn nền, xây dựng các hồ điều hòa và các giải pháp thủy lợi. Sử dụng hệ thống đường, đê bao, kênh để phân chia các khu vực đô thị, từ đó bố trí các công trình chống ngập khép kín.  Nạo vét các trục kênh tiêu, xây dựng các hồ điều hòa để trữ lại một phần nước mưa trong trường hợp không tiêu ra sông được. Bố trí các trạm bơm động lực để bơm tiêu nước mưa thừa không trữ được ra sông.  Đối với các cửa thoát nước ra kênh cần bố trí các cửa van clape 1 chiều để ngăn nước tràn vào hệ thống đường ống thoát nước.  Quy mô các công trình thủy lợi cho từng đô thị cần tính toán chi tiết hơn trong quá trình lập dự án, đầu tư xây dựng. |  |
| 38 | 6.4. CÁC GIẢI PHÁP PHI CÔNG TRÌNH  Cần bổ sung thêm mục giải pháp phi công trình đối với phòng chống lũ và ngập úng:  (i) Cần có nghiên cứu, tính toán khoa học, thống nhất cốt nền xây dựng, cao trình đê bao, công trình hạ tầng cho từng khu vực, từng đô thị, đảm bảo an toàn phòng chống lũ ứng với các trường hợp vận hành toàn bộ hệ thống cống kiểm soát lũ hai bờ sông Tiền, sông Hậu có tính đến các kịch bản Biến đổi khí hậu, nước biển dâng và lún sụt đất nền ở từng khu vực.  (ii) Tại mỗi công trình, hệ thống công trình có quy mô lớn, quan trọng trong việc kiểm soát nguồn nước tác động đến một vùng rộng, liên tỉnh cần xây dựng các mốc quan sát lún nền, diễn biến mực nước. Hệ thống mốc phải đảm bảo ổn định, bền vững.  (iii) Ưu tiên số 1 trong kiểm soát lũ và chống ngập úng là bảo vệ an toàn dân cư. Vì vậy, cần căn cứ mức nước tại các đô thị để quyết định vận hành xả lũ vào các khu ô bao nhằm giảm áp lực lũ lên đô thị. Đồng thời cũng cần có quy trình vận hành quy định chu kì lấy lũ vào các khu ô bao để vệ sinh đồng ruộng, đưa phù sa, tôm cá vào tăng độ màu mỡ, phì nhiêu cho đồng bằng. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, chỉnh sửa như sau:**  Bổ sung giải pháp phi công trình “*Nghiên cứu, tính toán xác định cốt nền xây dựng, cao trình đê bao, công trình hạ tầng cho từng khu vực, từng đô thị vùng ĐBSCL*” tại Mục 6.4.7.  Đối với hệ thống mốc quan trắc lún: Ngành tài nguyên và Môi trường đã có hệ thống mốc quan trắc lún.  Tại Mục 6.4.6 đã đề xuất giải pháp phi công trình: “*Hoàn thiện quy trình vận hành hệ thống và nâng cao hiệu quả công tác quản lý, vận hành*”.  Trong đó căn cứ vào mục tiêu, nhiệm vụ của hệ thống sẽ xây dựng quy trình vận hành phù hợp. |  |
| 39 | 6.6.1. Danh mục công trình:  (i) Kiểm tra, xem lại số liệu: “Kè chống sạt lở có tổng chiều dài bảo vệ 1.800km”, điều chỉnh lại cho đúng sông. Cần bổ sung phụ lục các danh mục kè chống sạt lở làm cơ sở cho việc thực hiện quy hoạch.  (ii) Trong bảng danh mục kênh, quy mô kênh nên ghi chiều rộng đáy kênh (kích thước này không đổi theo mực nước), ghi chiều rộng kênh nói chung hoặc chiều rộng mặt kênh, đại lượng này luôn thay đổi theo mực nước, theo thời gian.  (iii) Với những vùng mà hiệu quả công trình thủy lợi chỉ được phát huy đầy đủ khi hoàn thiện, đồng bộ, khép kín cả hệ thống như HTTL TGLX, Nam Măng Thít, Quản Lộ - Phụng Hiệp, Tây sông Hậu, Đồng Tháp Mười… thì cột ghi tên dự án, công trình trong bảng danh mục công trình nên ghi tên hệ thống và vùng diện tích mà hệ thống thủy lợi đó phục vụ. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình như sau:**  Tiếp thu rà soát số liệu hiện trạng tổng chiều dài kè bảo vệ. Hiện, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đang xây dựng Đề án “Giải pháp tổng thể phòng, chống sụt lún đất, sạt lở bờ sông, bờ biển, ngập úng, hạn hán, xâm nhập mặn vùng Đồng bằng sông Cửu Long”, trong đó xem xét đề xuất đầu tư xây dựng các công trình phòng, chống hạn hán, sạt lở, xâm nhập mặn thích ứng với biến đổi khí hậu vùng Đồng bằng sông Cửu Long làm cơ sở triển khai thực hiện trong thời gian tới.  Quy hoạch xác định dự kiến quy mô, nhiệm vụ công trình đề xuất. Quy mô cụ thể sẽ được xác định trong giai đoạn quyết định dự án đầu tư.  Tại bảng danh mục đầu tư đã thể hiện công trình, dự án thuộc hệ thống thủy lợi nào (Nam Măng Thít, Quản Lộ - Phụng Hiệp, Tây sông Hậu, Đồng Tháp Mười…). |  |
| 40 | 6.6.2 Vốn đầu tư:  - Đề nghị xem xét danh mục công trình ưu tiên đầu tư trong giai đoạn đến năm 2030 cho phù hợp với nội dung phân kỳ đầu tư điều chỉnh lại. Bổ sung vào bảng 6-4 (Tổng hợp vốn đầu tư) vốn cho hạng mục kè chống sạt lở.  - Phân kỳ đầu tư: Theo DTQH thì phân bổ vốn cho kế hoạch trung hạn 2026-2030 là: 84.866 tỷ đồng, giai đoạn sau năm 2030: 41.660 tỷ đồng. Trong tình hình thu chi ngân sách Nhà nước hiện nay và những năm tới, việc phân bổ vốn như vậy không khả thi. Đề nghị chỉ nên phân bổ vốn tối đa: cho giai đoạn 2026 – 2030: 60.000 tỷ, giai đoạn sau 2030: 66.000 tỷ đồng. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình như sau:**  Danh mục kè sẽ được đề xuất trong Đề án “Giải pháp tổng thể phòng, chống sụt lún đất, sạt lở bờ sông, bờ biển, ngập úng, hạn hán, xâm nhập mặn vùng Đồng bằng sông Cửu Long”  Tiếp thu, rà soát khái toán kinh phí cho giai đoạn đến năm 2030 và sau năm 2030. |  |
| **III** | **Hội Tưới tiêu** |  |  |
| 1 | Báo cáo tổng hợp và báo cáo tóm tắt thiếu Chương Đánh giá môi trường chiến lược; | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu,** bổ sung Chương Đánh giá môi trường chiến lược vào Báo cáo tổng hợp. |  |
| 2 | Dự án chủ yếu chú trọng vào các phương án phục cấp thoát nước vụ phát triển nông nghiệp, các ngành khác cũng được đề cập nhưng chưa đúng tầm. Nhiều ngành không được nhắc tới như: Y tế; Giáo dục- Đào tạo, Công thương… Vì vậy khi tính nhu cầu dùng nước cho các ngành này được thể hiện thế nào trong kết quả? | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình như sau:**  Nhu cầu dùng nước được tính theo hướng dẫn trong Quy chuẩn xây dựng Việt Nam QCXDVN 01:2021/BXD, trong đó nhu cầu nước cho sinh hoạt được tính dựa vào quy mô dân số (đô thị và nông thôn). Riêng đối với nhu cầu nước cho công nghiệp được tính dựa vào diện tích các khu, cụm công nghiệp theo thiết kế. |  |
| 3 | Trong đánh giá hiện trạng thủy lợi thiếu phần đánh giá công tác quản lý, đây là nhân tố quyết định tới hiệu quả công trình | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, bổ sung** nội dung đánh giá công tác quản lý vào Mục 1.3.1.7. Hiện trạng công tác quản lý công trình thủy lợi trong Báo cáo tổng hợp. |  |
| 4 | Tỉnh Cà Mau có đầm Thị Tường là hồ thiên nhiên khá lớn, hồ nước ngọt ở khu tái định cư Đinh Cả tại xã Khánh An Huyện U Minh khởi công xây dựng 8/01/2021 và dự kiến hoàn thành vào tháng V/2024 với dung tích 3,85 triệu m3 và kinh phí 185 tỷ đồng, nhưng trong dự án không được đề cập và sử dụng các hồ này thế nào trong quy hoạch? | **Cơ quan lập quy hoạch giải trình như sau:**  Đầm Thị Tường là đầm nước mặn của tỉnh Cà Mau. Hiện nay đầm đang chủ yếu cung cấp nước cho nuôi trồng thủy sản nước mặn khu vực quanh đầm và nuôi trên mặt nước đầm. Tại Quy hoạch tỉnh Cà Mau thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, đầm Thị Tường được quy hoạch thành khu du lịch sinh thái.  Hồ nước ngọt U Minh: hiện nay đã hoàn thành công tác xây dựng hồ và đã tích nước. Hồ với dung tích 3,85 triệu m3 có nhiệm vụ cung cấp nước sinh hoạt, phòng chống cháy rừng cho huyện U Minh, Trần Văn Thời và TP. Cà Mau. |  |
| 5 | Trong tính toán nhu cầu dùng nước, dự án có tính đến sử dụng nước ngầm không? | **Cơ quan lập quy hoạch giải trình như sau:**  Nguồn nước sử dụng cho ĐBSCL chủ yếu là sử dụng nguồn nước mặt (từ sông Tiền, sông Hậu), một phần các khu vực không có nguồn nước từ sông Hậu thì sử dụng nước mưa (trữ nước trên kênh, mương hoặc các công trình trữ nước phân tán). Nguồn nước ngầm của đồng bằng khá phong phú, song không ưu tiên sử dụng do ảnh hưởng đến vấn đề sụt lún đất đang diễn ra nghiêm trọng. Nước ngầm chỉ được khai thác sử dụng hạn chế cho nhu cầu sinh hoạt ở những vùng không có nguồn nước mặt. |  |
| 6 | Dự án có đề cập đến việc sử dụng nước cho 3 vùng, tuy nhiên trong các quy hoạch Tài nguyên nước có đề cập đến phân bổ nguồn nước theo từng vị trí trên sông, dự án có tính đến nguồn nước được phân bổ này không? | **Cơ quan lập quy hoạch giải trình như sau:**  Quy hoạch thủy lợi lưu vực sông Cửu Long đã căn cứ vào Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Cửu Long thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quyết định số 174/QĐ-TTg) để xác định lượng nước có thể khai thác, sử dụng cho từng vùng, ngưỡng khai thác cho các đoạn sông theo các mục đích khác nhau (sản xuất nông nghiệp, sinh hoạt…) để tính toán, bố trí các công trình thủy lợi phù hợp, thỏa mãn các quy định nêu trên. |  |
| 7 | Ngoài khơi các tỉnh ven biển có rất nhiều huyện đảo, đảo quan trọng đông dân cư, vì vậy kiến nghị Viện(nếu có thể) tính toán bổ sung lượng nước dự trữ để có thể cung cấp cho các huyện đảo như: Huyện đảo Kiên Hải thuộc tỉnh Kiên Giang, Huyện đảo Côn Đảo thuộc tỉnh Bà Rịa-Vũng Tầu, đảo Hòn Khoai thuộc tỉnh Cà Mau…khi có yêu cầu. | **Cơ quan lập quy hoạch giải trình như sau:**  Phạm vi quy hoạch của Quy hoạch thủy lợi lưu vực sông Cửu Long là phần đất liền của 13 tỉnh/thành phố trong lưu vực, không bao gồm các đảo. Do vậy quy hoạch không tính toán nhu cầu và bố trí các công trình cấp nước cho các đảo như Phú Quốc, Kiên Hải, Hòn Khoai... |  |
| **IV** | **Hội Khoa học và kỹ thuật thủy lợi (Công văn số 69/BC-HKHKTTL, ngày 24/9/2024)** |  |  |
| 1 | Đưa vào báo cáo tất cả các dự liệu tài nguyên nước và đặc điểm kinh tế, xã hội của hệ thống các đảo lớn nhỏ của ĐBSCL. | **Cơ quan lập quy hoạch giải trình như sau:**  Theo Quyết định phê duyệt Đề cương nhiệm vụ và dự toán Quy hoạch thủy lợi lưu vực sông Cửu Long (Quyết định số 2667/QĐ-BNN-TCTL), phạm vi lập quy hoạch không bao gồm hệ thống các đảo của ĐBSCL. |  |
| 2 | Đề nghị nhấn mạnh ý nghĩa của hệ thống thủy lợi kết hợp giao thông nội đồng (cả bộ lẫn Thủy) vì nó sẽ là nền tảng để cơ giới hóa, hiện đại hóa nông nghiệp ĐBSCL hướng tới đưa dân số phục vụ trong sản xuất nông nghiệp ĐBSCL hiện nay (khoảng gần 10 triệu người) xuống còn khoảng 3 đến 4 triệu (đến 2040) và 2 đến 3 triệu nông dân (đến năm 2050). (Chú ý rằng Lịch sử phát triển ĐBSCL là lịch sử phát triển hệ thống sông, kênh rạch; Con người sinh sống và phát triển theo hệ thống kênh rạch của ĐBSCL). | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình như sau:**  Quy hoạch rất thống nhất nhận định hệ thống thủy lợi kết hợp giao thông nội đồng (cả bộ lẫn thủy) là một lợi thế của ĐBSCL, với hàng chục ngàn km đê bao, bờ bao, 90 ngàn km sông, kênh, có thể kết hợp được giao thông thủy, bộ thì sẽ là lợi thế rất lớn cho sản xuất, phục vụ đời sống, sinh hoạt người dân. Quy hoạch đã đánh giá những hạn chế trong việc kết hợp hệ thống thủy lợi phục vụ nhu cầu giao thông của vùng tại Mục 3.1.1.2. |  |
| 3 | Phân tích đánh giá thêm về công tác quản lý, khai thác và phát triển hệ thống thủy lợi ĐBSCL (tổ chức, nhân sự, nhà nước, xã hội hóa…) | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, như sau:**  Đã bổ sung thêm Mục 1.3.1.6: Hiện trạng công tác quản lý công trình thủy lợi tại Chương 1 Báo cáo tổng hợp. |  |
| 4 | Có thể làm rõ hơn một số ý tứ về: (i) Chuyển đổi cây trồng, định hướng, xu thế; (ii) Vấn đề chứa trữ nước phân tán trên các vùng thường xuyên bị xâm nhập mặn; (iii) Vấn đề chống úng ngập cho các đô thị ĐBSCL. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình như sau:**  Chuyển đổi cây trồng, định hướng, xu thế: Quy hoạch đã căn cứ vào Chương trình tổng thể phát triển nông nghiệp bền vững thích ứng với biến đổi khí hậu vùng ĐBSCL đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (Quyết định số 324/QĐ-TTg ngày 02/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ), đồng thời cũng căn cứ vào định hướng phát triển nông nghiệp trong Quy hoạch tỉnh đã được phê duyệt.  Vấn đề chứa trữ nước phân tán: Đây cũng là một định hướng phát triển thủy lợi được đề xuất trong quy hoạch, ngoài trữ nước trong các hệ thống thủy lợi, trữ nước trên ruộng, quy hoạch cũng đã đề xuất xây dựng một số công trình trữ nước phân tán tận dụng các đoạn sông, kênh cụt, các khu đất trũng, ngập nước, ưu tiên xây dựng tại các khu vực ven biển, phục vụ cho nhu cầu cấp nước sinh hoạt là chính.  Vấn đề chống úng ngập cho các đô thị ĐBSCL: Quy hoạch đã đề xuất giải pháp thủy lợi chống ngập úng cho một số đô thị lớn, đô thị trung tâm tỉnh bị ngập úng nặng. Các đô thị khác đề nghị rà soát, bổ sung vào Quy hoạch tỉnh. |  |
| 5 | Do khu vực ĐBSCL đã có các quy hoạch như: Quy hoạch phòng chống thiên tai và thủy lợi thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 847/QĐ-TTg ngày 14/7/2023) và Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Cửu Long thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 174/QĐ-TTg ngày 06 tháng 3 năm 2023) nên Quy hoạch thuỷ lợi lưu vực sông Cửu Long thời kỳ 2022 đến 2030 và tầm nhìn đến 2050 cũng cần làm rõ sự thống nhất về giải pháp quy hoạch với các quy hoạch nêu trên. | **Cơ quan lập quy hoạch giải trình như sau:**  Quy hoạch thủy lợi lưu vực sông Cửu Long là quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành, có nhiệm vụ cụ thể hóa, làm rõ các giải pháp trong các quy hoạch cấp trên: Quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh. Do vậy việc thống nhất về giải pháp quy hoạch với Quyết định số 847/QĐ-TTg, Quyết định số 174/QĐ-TTg, Quyết định 287/QĐ-TTg đã được rà soát, bảo đảm thống nhất. |  |
| 6 | Với tinh thần phát triển ĐBSCL lấy nước làm trung tâm, làm cơ sở cốt lõi để phát triển kinh tế-xã hội bền vững trong hiện tại và tương lai, đề nghị phương án quy hoạch cần xem xét đầy đủ về thực trạng thay đổi nguồn nước để làm cơ sở cho việc phân phối dòng chảy sông cho các vùng nghiên cứu để giảm bớt xói lở bờ sông, sạt lở kênh, rạch do nước hạ thấp gây sụt lún, giảm tác động xâm nhập mặn và hạn hán gây thiệt hại cho sản xuất và đời sống của người dân trong vùng. | **Cơ quan lập quy hoạch giải trình như sau:**  Quy hoạch đã kế thừa các kết quả nghiên cứu đã có, đề xuất các kịch bản biến đổi nguồn nước có khả năng xảy ra, từ đó đề xuất các giải pháp thủy lợi phù hợp, trong đó đã chú ý đến các vấn đề lớn của đồng bằng như: hạn hán, xâm nhập mặn, lũ, ngập lụt, sạt lở… |  |
| 7 | Đề nghị bổ sung báo cáo tổng hợp nội dung: Nghiên cứu loại công trình ngầm của giải pháp phục hồi đáy sông, nâng mực nước sông đã được nêu trong bài viết: “*Giải pháp phục hồi đáy sông, nâng mực nước sông Hồng và sông Cửu Long*” ([KS.Nguyễn Anh Tuấn: Giải pháp phục hồi sông Hồng và sông Cửu Long (nongnghiep.vn)](https://nongnghiep.vn/tri-thuc-nong-dan/giai-phap-phuc-hoi-day-song-nang-muc-nuoc-song-hong-va-song-cuu-long-d387389.html). | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, bổ sung** nội dung: “*Nghiên cứu giải pháp phục hồi đáy sông, nâng mực nước sông Cửu Long”* tạiMục III,Phụ lục VIII. |  |
| 8 | Đề nghị bổ sung vào phần kiến nghị của báo cáo tổng hợp một số đề tài khoa học cần thực hiện để giải quyết một số tồn tại trong quá trình thực hiện quy hoạch này. | **Cơ quan lập quy hoạch giải trình như sau:**  Quy hoạch đã đề xuất trong Phụ lục VIII: Danh mục nhiệm vụ giải pháp phi công trình, Mục III: Một số vấn đề nghiên cứu bổ sung. |  |
| 9 | Căn cứ thực tế vùng kẹp giữa 2 sông Vàm Cỏ đã được Dự án Phước Hòa cấp 4,0 m3/s nước thô để sản xuất nước phục vụ sinh hoạt và công nghiệp, 1.868 ha khu tưới bơm Lộc Giang A của Long An, hỗ trợ tạo nguồn tưới cho 32.317 ha ven sông Vàm Cỏ Đông; Đồng thời khu tưới hồ Dầu tiếng đã bị thu hẹp so với thiết kế, do đó khả năng có nguồn nước dư không sử dụng hết, chưa kể cho đến nay TP.HCM vẫn chưa sử dụng 10,5 m3/s nước thô phục vụ sản xuất nước sinh hoạt và công nghiệp được cấp bổ sung từ Phước Hòa. Đề nghị bổ sung nội dung đánh giá khả năng cấp nước bổ sung từ hồ Dầu Tiếng cho vùng kẹp giữa 2 sông Vàm Cỏ, trong đó có nước thô phục vụ sản xuất nước sinh hoạt và công nghiệp ngoài 4,0 m3/s đã có. (Tùy theo tư vấn vì có thể ý tứ này nằm ngoài lưu vực sông Cửu Long, như đề cập được thì vẫn trọn vẹn cho toàn ĐBSCL hơn.) | **Cơ quan lập quy hoạch giải trình như sau:**  Quy hoạch thủy lợi lưu vực sông Cửu Long đề xuất giải pháp cấp nước cho khu vực giữa 2 sông Vàm Cỏ sẽ sử dụng nguồn nước từ sông Cửu Long, thông qua mở rộng, nạo vét hệ thống kênh ngang lấy nước từ sông Tiền (kênh Hồng Ngự, An Bình, Đồng Tiến, Nguyễn Văn Tiếp), kết hợp với việc xây dựng cống Vàm Cỏ để chủ động kiểm soát mặn cho khu vực. Nguồn nước từ hồ Dầu Tiếng sẽ ưu tiên phục vụ cho khu vực hạ lưu sông Đồng Nai, Sài Gòn và TP. Hồ Chí Minh. |  |

1. 
2. Quy hoạch tổng thể phát triển công nghiệp vùng kinh tế trọng điểm ĐBSCL đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 (Quyết định số 1092/QĐ-BCT ngày 12/03/2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương).
3. Niên giám thống kê các tỉnh vùng ĐBSCL.

